

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
PHẦN VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC



# Chúc Mừng Năm Mới

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU

- ❖ ĐẠO PHẬT ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI
- ❖ CHÀO MÙA XUÂN NĂM GIAO THỪA THẾ KỶ
- ❖ RỒNG TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM
- ❖ TIẾNG VỌNG THỜI GIAN

# PHẬT HỌC

NĂM THỨ MƯỜI SỐ 1 - 2000  
Xuân Canh Thìn



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH**

PL: 2544

Xuân Canh Thìn

Hà Nội, ngày 1 tháng 1 năm 2000

**Thư chúc tết  
CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**

**NAM MÔ BẢN SỨ THÍCH CA MÂU NI PHẬT**

Xuân Canh Thìn đã về với những người con Phật, với dân tộc, với non sông đất nước Việt Nam. Nhân dịp đón xuân năm 2000, trước thềm thiên niên kỷ mới, thay mặt Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi xin kính gửi đến Chư vị Tôn đức: giáo phẩm cao cấp, quý vị Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư cùng toàn thể Tăng-ni, Phật tử Việt Nam trong nước và ngoài nước lời chúc mừng năm mới đại hoan hỷ và cát tường như ý.

Hai năm qua, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tăng ni, Phật tử toàn quốc đã hoan hỷ đón mừng những thành tựu Phật sự của các Ban, Ngành, Viện Trung ương Giáo hội và các cơ sở, đánh dấu một chặng đường hoạt động phát triển của Giáo hội. Tuy kết quả còn khiêm tốn, nhưng đã khích lệ cho Tăng ni, Phật tử Việt Nam vững tin hơn vào sự lãnh đạo của hai Hội đồng và các Ban, Ngành, Viện, Trung ương Giáo hội, các Tỉnh, Thành hội trong sự nghiệp hoằng dương chính pháp, lợi lạc quần sinh.

Cuối năm qua, đất nước ta phải gánh chịu thiên tai lũ lụt lớn tại các tỉnh miền Trung. Phát huy tinh thần Từ Bi của khổ của Đạo Phật, tăng ni Phật tử toàn quốc đã hết sức tinh tiến trong công tác cứu trợ, khắc phục hậu quả, cùng toàn dân vượt qua khó khăn, thử thách, nhằm sớm ổn định đời sống. Thay mặt Giáo hội, tôi xin có lời tán thán công đức của chư quý liệt vị.

Năm nay, đất nước ta phải khắc phục thiên tai, đời sống nhân dân có phần khó khăn. Vì vậy tôi mong rằng chư vị Tăng ni, Phật tử hãy nỗ lực tinh tiến hơn nữa, cùng toàn dân khắc phục khó khăn, ổn định đời sống xã hội, đồng thời ra sức cùng cố tổ chức xây dựng và phát triển Giáo hội theo đúng phương châm "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội".

Nhân dịp năm mới, tôi xin thay mặt Giáo hội Phật giáo Việt Nam chân thành chúc quý vị lãnh đạo Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam dồi dào sức khỏe để lãnh đạo toàn dân đưa đất nước ngày một tiến lên, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Xin kính chúc quý vị thân tâm an lạc và cát tường như ý.

Nam mô hoan hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

**PHÁP CHỦ**

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
HÒA THƯỢNG THÍCH TÂM TỊCH**

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2000  
PL.2543

# Thư chúc tết

## CỦA HÒA THƯỢNG PHÂN VIỆN TRƯỞNG PHÂN VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

### NAM MÔ BỐN SƯ THÍCH CA MÃU NI PHẬT

*Trước thềm năm mới Canh Thìn, thay mặt Ban Lãnh đạo Phân viện và Tạp chí Nghiên cứu Phật học, tôi thành tâm kính chúc chư vị tôn túc, toàn thể tăng ni, Phật tử, chư vị cộng tác viên cùng quý độc giả ở trong và ngoài nước năm mới an khang, thịnh vượng.*

*Mọi người Việt Nam chúng ta đang náo nức chuẩn bị hành trang để bước vào năm mới, năm Canh Thìn, cũng là năm thiên niên kỷ thứ III. Chúng ta rất vui mừng là năm qua đất nước ta tuy có nhiều khó khăn thử thách lại gặp thiên tai lũ bão, song vẫn vững bước vượt qua và thu nhiều thành tựu to lớn hơn năm trước.*

*Phân viện Nghiên cứu Phật học cũng như Tạp chí Nghiên cứu Phật học tuy còn nhiều khó khăn nhưng ngày càng trưởng thành, số lượng độc giả cũng như cộng tác viên ngày càng tăng và ngày càng đóng góp tích cực vào việc phổ biến giáo lý của Đức Phật trong nhân gian để trấn hưng nền đạo đức trong sáng của dân tộc, làm lành mạnh xã hội, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh thịnh vượng.*

*Bước sang năm mới sẽ có nhiều sự kiện trọng đại và có nhiều công việc phải làm, tôi mong rằng chư vị tôn túc cũng như tăng ni, Phật tử, chư vị giáo sư, tiền sĩ cộng tác viên, các nhà nghiên cứu Phật học, các nhà hảo tâm cùng quý vị độc giả tích cực tham gia đóng góp, cổ vũ nhiều hơn để Phân viện và Tạp chí hoạt động ngày càng có chất lượng cao hơn, đáp ứng được sự mong muốn của mọi người, và góp phần hữu ích, thiết thực vào xây dựng đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta tiến trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, để xây dựng cực lạc trên thế gian này.*

*Nam mô Thường Tinh Tiến Bồ Tát Ma Ha Tát.*

**PHÂN VIỆN TRƯỞNG KIỂM TÓNG BIÊN TẬP  
TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM  
HÒA THƯỢNG KIM CƯƠNG TỬ**

# ĐẠO PHẬT

## ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI

□ LÊ HỮU TUẤN

**D**ạo Phật xuất hiện trên thế giới có chiều dài lịch sử nhiều ngàn năm và phát triển ở Việt Nam cũng gần hai mươi thế kỷ. Từ trước đến nay đã có rất nhiều tài liệu và công trình nghiên cứu để lý giải, tìm hiểu sâu sắc về đạo Phật được công bố và xuất bản. Tuy nhiên, do tính phức tạp của vấn đề, những nghiên cứu trên vẫn còn nhiều điều cần phải bàn tiếp. Để góp phần làm sáng tỏ hơn những vấn đề Phật học then chốt, người viết bài này xin được trình bày những vấn đề sau: 1. Đức Phật và con người. 2. Trí tuệ từ bi và đại lực

### 1. ĐỨC PHẬT VÀ CON NGƯỜI

Đạo Phật được khai sáng bởi con người để phục vụ con người. Đạo Phật lấy con người làm gốc. Tôn giáo này làm thỏa mãn tất cả những nguyện vọng cao quý và sâu xa của con người, và nó còn có thể chịu đựng sự căng thẳng và nhiệm ò của đời sống hàng ngày, nó giúp họ lúc tiếp xúc với đồng loại, ngoài ra còn đưa ra một mục đích sống. Nó không gieo rắc nỗi sợ hãi trong lòng người. "Cái tốt sẽ mang đến cái tốt và cái xấu sẽ đem đến cái xấu", "Mỗi hành vi đều có hậu quả của nó" (every action

has its reaction). Đó là những qui luật tự nhiên. Tôn giáo này hoàn toàn phù hợp với qui luật đó, theo đó con người "Gieo nhân gì thì sẽ gặt quả nấy". Mọi khổ lạc của con người trong cuộc sống này không phải do ảnh hưởng từ bên ngoài mà là do hành động từ chính con người tạo ra trong thời hiện tại hoặc trong một kiếp trước.

Tinh thần nhân bản của đạo Phật được biểu lộ không những ở giáo lý, mà còn ở thái độ sống của con người. Đức Phật không phải là một nhân vật huyền thoại mà là một bậc Đại Đạo Sư đã từng sống thật trong thế giới này. Trước khi thành Phật, đức Thích Ca có tên là Shiddharta đã có gia đình, vợ là công chúa Gia Du Đà La và một người con tên là La Hưu La.

Đức Phật không bao giờ tìm cách tự xưng mình là một bậc siêu nhân mà là một con người đã chứng đắc chân lý, cái bí mật của cuộc sống và cái nguyên nhân thật sự của hạnh phúc và khổ đau. Từ ngữ Phật (Buddha) chỉ có nghĩa là con người giác ngộ. Phật là con người đã giác ngộ chân lý và đem chân lý ấy giác ngộ cho kẻ khác để mong sự nghiệp giác ngộ viên mãn. Ngày nay, bậc Đạo Sư này không những được tôn

vinh bởi hàng trăm triệu người tín đồ mà còn được mọi người có văn hoá và kiến thức trên thế giới này kính trọng. Bậc Giải thoát này cho ta niềm phấn khởi về đời sống cao thượng, đã an ủi con người vượt qua mọi khổ đau. Người đã giúp đỡ những kẻ nghèo khổ bị lãng quên. Người làm tăng thêm sự cao quý cho cuộc sống những kẻ mê lầm và làm trong sạch cuộc sống suy đồi của những kẻ phạm tội. Người khuyến khích những kẻ yếu hèn, liên kết những người chia rẽ, khai ngộ kẻ si mê, soi sáng kẻ theo thuyết thần bí, dẫn dắt kẻ ngu tối, nâng cao phẩm giá kẻ hạ liệt và tôn vinh người cao thượng. Cả người giàu lẫn kẻ nghèo, cả Thánh nhân và tội phạm đều tôn kính Người như nhau. Những mình quân cũng như bạo chúa, những vương tôn công tử nổi tiếng và vô danh, những nhà triệu phú hào phóng lẫn keo kiệt, những học giả khiêm tốn lẫn cao ngạo, những người bán cùn, những người ăn xin bị chà đạp v.v... - tất cả đều được lợi ích nhờ lời dạy tràn đầy lòng từ bi và trí tuệ của Người.

Tám gương cao cả của Đức Phật là một nguồn cảm hứng cho tất cả mọi người. Lời dạy về hòa bình và lòng

khoan dung của Người đã được tất cả mọi người đón nhận với niềm hân hoan và không ngừng làm lợi ích cho bất cứ ai có cơ hội nghe thấy được và thực hành nó. Ý chí sắt đá, trí tuệ, tình thương, lòng từ bi vô bờ, vô ngã, sự thanh tịnh hoàn toàn, những pháp môn gương mẫu được sử dụng để truyền bá giáo lý và thành quả tối hậu của Người - tất cả những yếu tố đó đã thúc đẩy bao con người trên thế giới này tôn vinh Đức Phật như là một Bậc Đạo Sư tối thượng. Đức Phật đã hy sinh những thú vui của trần gian vì nỗi khổ của con người để đi tìm chân lý rồi vạch ra con đường thoát khổ. Người là một nhà khoa học hoàn hảo trong lĩnh vực cuộc sống, hoàn hảo đến độ lời dạy của người đã được khẳng định là giáo lý duy nhất có tính đạo đức. Đức hạnh của Người là biểu trưng tối thiện. Người là khuôn mẫu toàn bích cho mọi đức tính mà Người đã thuyết giảng. Cuộc sống của Đức Phật không bị một vết ô nhiễm nào cả.

Đức Phật đã chỉ ra con đường đưa đến hòa bình, hạnh phúc và cứu độ cho con người. Con đường của Người thật bao dung rộng rãi, hợp lý, có thể hiểu được và hướng đến giác ngộ. Giáo lý của Người có thể đóng góp phần tốt đẹp nhất vào hạnh phúc con người. Lời dạy của Đức Phật soi sáng con đường, nhờ đó con người có thể vượt thoát khỏi sự khổ đau để đi đến một cuộc sống tràn đầy ánh sáng, thương yêu, yên bình và hạnh phúc.

Dạy đạo giải thoát cho con

người, Đức Phật là một người thấy, một người bạn, sống cùng với con người, hiểu biết con người, và thâm thiết tình người.

Con người khổ đau vì con người sống xa bản tính, sống ngược bản tính. Con người không ý thức được thực thể của chính mình, không hiểu được mình là gì. Con người không có được một nhận thức rõ rệt về hiện hữu và bản chất của hiện hữu. Đức Phật đã khám phá trên bước đường tri hành những phương pháp giúp Người đi đến sự thực hiện giá trị và bản chất của hiện hữu. Tiếp xúc thẳng với dòng sinh lực màu nhiệm ấy, tâm linh Người đột nhiên trở thành cao cả, sáng tỏ, nhân cách của Người trở thành siêu tuyệt vĩ đại. Và trên lịch sử, con người đã trông thấy dòng sinh lực nhiệm mầu kia hiển lộ sung mãn và linh hoạt nơi con người Đức Phật.

Suốt hơn hai nghìn năm trăm năm lịch sử, đạo Phật luôn gắn với con người, khai mở cho con người một nguồn sống đầy tính nhân bản. Đức Phật là người khơi mở nguồn sống ấy, khơi mở chứ không phải là hoá hiện và tạo dựng. Chính cá nhân con người mới quyết định số phận và tiến độ của mình, người có nhân cách độc lập, tự chủ (không lệ thuộc vào bất cứ ai). Có nhân cách độc lập tự chủ mới có thể nói đến lòng tự tôn và tự tin. Không có một đấng thần linh nào có quyền năng cứu rỗi được con người. Phật tử, theo lời Phật dạy, phải tự mình thấp được lên mà đi. Con người phải tự cứu lấy

mình. Chúng ta tin rằng bất cứ ai cũng có thể hưởng được niềm hạnh phúc thiên giới nếu họ thực hiện lối sống chân chính.

Đạo Phật như là ngọn hải đăng hướng dẫn con người đến hòa bình, an lạc và hạnh phúc. Con người phải đi đến mức độ nhận thức rằng sự phát triển về đạo đức theo lời Phật dạy sẽ là điều kiện cần thiết để đem lại an lạc và hạnh phúc cho con người.

## 2. TRÍ TUỆ TỬ BI VÀ ĐẠI LỰC

Mục đích của sự thực hành đạo Phật là để đạt tới nhận thức sáng tỏ về thực tại (trí), tình thương rộng lớn với mọi người và mọi loài (bi) và ý chí bền vững để thành tựu đại nguyện giúp đời (dũng). Đạo Phật không phải là một tôn giáo đặt con người và số phận của họ dưới sự điều khiển của thần linh, thượng đế. Đạo Phật đòi hỏi người Phật tử thực hiện trí tuệ, tình thương và ý chí nơi bản thân mình và ngoài xã hội. Đạo Phật là đạo giải thoát và giác ngộ. Chỉ có trí tuệ (Panna) mới là phương tiện duy nhất đưa con người đến bờ giải thoát và giác ngộ.

Trong kinh Xà Dụ, Đức Phật từng dạy: "Nhờ tuệ quán... nên được giải thoát, trong sự giải thoát khỏi lên sự hiểu biết: "ta đã được giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". (Trung I, 138b)

Trong Đại Kinh Mã Ấp, đối tượng cần phải tuệ quán là khổ và các lậu hoặc. Vì



• Tượng Phật ở chùa Trám, Chương Mỹ, Hà Tây. Ảnh: Tuấn Hải

hành giả cần phải tuệ tri: "Đây là khổ"; "Đây là khổ tập"; "Đây là khổ diệt", "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Đây là những lậu hoặc; "Đây là lậu hoặc tập khởi"; "Đây là những lậu hoặc đoạn diệt"; "Đây là con đường đưa đến lậu hoặc diệt". Nhờ tuệ tri như vậy, hiểu biết như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi Dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa". (Trung I, tr 279).

Đạo Phật là một tôn giáo trước hết dựa vào lý trí của con người. Nó xuất hiện như là một đạo lý dựa vào lý trí. Trí tuệ chiếm vị trí then chốt trong mọi lời dạy của Đức Phật. Vai trò của trí tuệ được Đức Phật dạy:

"Tất cả hành vô thường,  
Với tuệ, quán thấy vậy,

*Đau khổ được nhàm chán,  
Chinh con đường thanh tịnh,  
Tất cả hành khổ đau,  
Với tuệ, quán thấy vậy  
Đau khổ được nhàm chán,  
Chinh con đường thanh tịnh,  
Tất cả pháp vô ngã,  
Với tuệ, quán thấy vậy  
Đau khổ được nhàm chán  
Chinh con đường thanh tịnh*  
(Pháp cú 277, 278, 279)

*"Thấy khổ và khổ tập  
Thấy sự khổ vượt qua  
Thấy đường Thánh tám ngành,  
Đưa đến khổ não tận."*  
(Pháp cú 191)

*"Mắt thịt mắt chut thiện  
Vô thượng, mắt trí tuệ,  
Cả ba loại mắt ấy  
Được bậc vô thượng nhân,  
Đã tuyên bố trình bày...  
Từ đây trí khởi lên  
Tuệ nhân là tối thượng  
Ai chứng được mắt ấy  
Giải thoát mọi khổ đau"*  
(Phật thuyết như vậy, tr 457 -

458)

Con người muốn thoát khỏi sự đau khổ và sợ hãi thì hãy luyện tập trí tuệ và từ bi. Đạo Phật coi trí tuệ như một

thanh gương - gương trí tuệ, và chỉ nó mới chặt được kẻ thù - đó là Vô minh. Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi là hình ảnh của tuệ giác đại trí và biện tài vô ngại (kính Duy Ma).

Như vậy là, đạo Phật đặt vai trò của trí tuệ chiếm một vị trí then chốt. Chỉ có trí tuệ, con người mới diệt được khổ, đem vui cho mọi loài, đưa đến an lạc và hạnh phúc.

Mặc dù trí tuệ rất cần thiết để đạt đến giải thoát, chính nó cũng sẽ không đủ. Nó phải kết hợp với từ bi. Từ bi có thể so sánh như một chiếc xe chở con người đến ngưỡng cửa giải thoát, nhưng chìa khoá thật sự mở cửa là trí tuệ

Lòng từ bi đem đến sự hạnh phúc lớn nhất cho con người, đơn giản chỉ vì lòng từ bi vượt lên trên tất cả những cái khác. Nhu cầu tình thương nằm trong sự sống còn của con người. Đó là kết quả của sự phụ thuộc vào nhau không thể thiếu được, khả năng và kỹ năng của một cá nhân có đó, nhưng để họ sống riêng lẻ thì họ sẽ không tồn tại. Sự phụ thuộc lẫn nhau là một qui luật cơ bản của tự nhiên. Không chỉ những sinh vật cao cấp mà những côn trùng nhỏ nhất đang sống trên hành tinh này đều phải nương tựa vào nhau để tồn tại. Chính vì thế, sự hiện hữu của con người quá phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người khác đến nỗi nhu cầu tình thương của con người là yếu tố quyết định cho sự tồn tại của họ. Vì vậy, ở bất cứ nơi nào, lúc nào, tình thương là dinh dưỡng quan trọng nhất trong tất cả.

Chúng ta đã biết con

người từng hiện hữu từ hàng trăm ngàn năm nay. Ngày nay, dân số thế giới đang tăng vọt hơn bao giờ hết, dù các cuộc chiến tranh vẫn còn. Điều này đã nói lên rằng lòng từ bi luôn trội hơn các thứ khác.

Con người dù đẹp, xấu, địa vị xã hội khác nhau nhưng ai cũng muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau. Hơn nữa, quyền của họ là vượt qua những khổ đau và đạt được hạnh phúc. Đến đây, chúng ta có thể nhận ra rằng tất cả mọi người đều bình đẳng về nhu cầu hạnh phúc, và họ có quyền chiếm được nó. Nhận ra điều đó, lòng từ bi sẽ phát triển. Lòng từ bi là muốn giúp người thoát khỏi cảnh chướng ngại khổ đau. Lòng từ bi là đức tính từ ái, hiền hoà, yên bình triu mến, cảm thông... Có thể nói lòng từ bi là cái gì làm cho lòng ta êm dịu, là lòng mong ước chân thành cho tất cả mọi người sống an lành vui vẻ là động lực làm cho tâm rung động trước sự đau khổ của người khác. Như vậy, lòng từ bi là cái gì quá to lớn, quá mạnh mẽ và quá vĩ đại. Khao khát thực hành hạnh từ bi là để giúp đỡ người khác, quan tâm vì sự bình yên của kẻ khác, phục vụ họ, kết bạn nhiều hơn. Nếu quên hạnh phúc của người khác, thì chính bạn cũng theo thời gian đó mà bị người khác lãng quên.

Trong thời đại ngày nay, khi mà con người có tiền bạc, quyền lực, khi mọi sự trên đời này diễn ra tốt đẹp thì con người thường có cảm giác ít cần đến bạn. Nhưng khi địa

vị và sức khoẻ suy giảm, con người nhanh chóng nhận ra sự cần thiết của những người bạn. Tình cảm con người là quan trọng hơn hết và hành tinh nhỏ bé này chính là mái nhà chung cho tất cả con người. Một khi chúng ta xem mọi người trong mái nhà này đều là anh em thì cũng dễ dàng cởi bỏ đi những động cơ cao ngạo, chia rẽ và ta cũng dễ dàng xa lánh sự lừa dối và lạm dụng giữa người với nhau. Chìa khoá đối với một thế giới yên bình và hạnh phúc là sự lớn mạnh của lòng từ bi. Con người ngày nay, hơn bao giờ hết đang cần đến lòng từ bi. Chỉ có từ bi mới là chiếc xe chở con người tới bờ giải thoát. Từ bi là động lực làm cho tâm rung động trước sự đau khổ của kẻ khác, là cái gì xoa dịu lòng đau khổ của người.

Đạo Phật là đạo giải thoát đưa con người vượt qua bể khổ luân hồi của kiếp nhân sinh. Trong đau khổ con người đủ tâm trí và can đảm để chế ngự nó. Ý chí vượt qua mọi khổ đau là một năng lực tinh thần, sức khỏe của nội tâm, là sự nỗ lực không ngừng sự hoạt động tích cực của tâm trí và mọi hành động nhằm vào mục đích giải thoát cho mình và cho kẻ khác. Con người cần phải có ý trí để vượt qua mọi trở ngại. Chướng ngại, nghịch cảnh chỉ có thể làm cho người Phật tử thêm nghị lực và ý chí phấn đấu. "không nên sống thụ động trong lo âu sợ sệt hay chờ mong một tha lực nào đến cứu vãn. Phải luôn luôn kiên trì, phấn đấu liên tục,

cho đến kỳ cùng, để tự giải thoát lấy ta".

Có thể thấy rằng, trí tuệ, từ bi hiệp với ý chí nơi bản thân mình ngoài xã hội đã tạo thành một năng lực vô cùng trọng yếu có thể hoàn tất mọi việc để giải thoát khỏi khổ đau đưa con người đạt đến an lành và hạnh phúc.

Trí tuệ, từ bi hiệp với ý chí sắt đá là những phẩm chất cao quý của người Phật tử. Nó giúp con người trở nên toàn thiện và có được một lối sống an bình và hạnh phúc. Nếu mỗi người đều cố gắng với ý chí sắt đá đem trí tuệ và tâm từ bi phục vụ con người, thì thế giới này sẽ trở thành một thiên đàng mà tất cả chúng sinh đều được sống an vui trong tình huynh đệ và mỗi người trở thành một công dân lý tưởng trong một thế giới hòa bình.

Trong phạm vi hạn hẹp của bài viết này, chúng tôi chỉ gợi ý vài nét sơ lược về đạo Phật với con người và một số phẩm chất cần thiết của người Phật tử.

Trong kho tàng giáo pháp vô cùng phong phú của Đức Phật để lại có giá trị vượt thời gian và không gian, chúng ta có thể khẳng định rằng trước ngưỡng cửa của thế kỷ XXI những tư tưởng về từ bi, trí tuệ với ý trí sắt đá của học thuyết Phật giáo vẫn tiếp tục là chiếc chìa khoá mở ra hướng giải quyết tốt đẹp cho loài người, xây dựng một thế giới phát triển, thanh bình, an vui thật sự, tràn đầy tinh thần nhân ái, như nó đã từng thực hiện trong nhiều ngàn năm lịch sử.



# Chào mùa xuân NĂM GIAO THỪA THẾ KỶ

□ HỮU LỢI

**M**ột năm khởi đầu bằng mùa xuân; và mùa xuân năm 2000 đang về trên từng lộc non, lá biếc. Cùng với hàng tỷ người trên hành tinh, những người con Phật hôm nay cũng hoan hỷ đắm mình trong thời khắc lịch sử đầy ấn tượng này.

Và trong những ngày đầu xuân năm 2000, người ta cũng tạm lắng đi những tranh cãi: Bao giờ thì bắt đầu thế kỷ 21, và cũng là bắt đầu thiên niên kỷ thứ 3, ấy là nói theo những nơi dùng đến Dương lịch, bởi vì trên thế giới còn nhiều thứ lịch khác, tùy theo tôn - giáo hay phong tục tập quán mỗi dân tộc. Như lịch Do - Thái, lịch Hồi giáo, lịch Nga cũ, lịch Lào, lịch Khơ - me... Những nơi dùng đến Dương - lịch nghĩa là chấp nhận "cái mốc" Công - nguyên; coi thời điểm ra đời của Chúa Giê - su là năm thứ nhất (christian Era) - (Khác với lịch Phật được tính từ năm Phật Thích - Ca nhập vô - dư Niết - bàn). Cho nên thế kỷ thứ nhất của Công Nguyên từ năm 1. đến trăm năm thứ hai, tức thế kỷ thứ 2 được bắt đầu từ năm 101. (Chứ không phải năm 100). Và cứ vậy, Thế kỷ 21 sẽ bắt đầu chuyển giao từ 0 giờ ngày 1 tháng 1 năm 2001. (Sự chuyển tiếp bắt đầu từ số 1, chứ không phải số 0)

Mặc dù vậy năm tròn số vẫn gây cho người ta nhiều ấn tượng tốt đẹp, nhất là năm 2000 này. Sao vậy? Giản dị thôi, bởi năm 2000 là năm giao thừa thế kỷ. Mà đón chờ giao thừa, lòng ai chẳng sao xuyên, mong đợi

những điều tốt lành, hạnh phúc. Và đã là người con Phật lại càng mong muốn sự vắng mặt vĩnh viễn của khổ đau ở thế gian này, mà đạo Phật gọi là Niết - Bàn. Bởi mục đích tối hậu của Phật pháp là Niết - Bàn - Vượt thoát, khỏi hoạn khổ, mà mục đích trước mắt là giúp ta hiểu rõ và giải quyết các vấn đề trực diện với ta trong đời sống hàng ngày: sống an lạc, thanh thoi và thẳng bằng nhân cách; hòa hợp với môi trường xung quanh. Nói thì dễ mà thực hiện không dễ, bởi trong thế giới ngày nay vẫn còn ảo tưởng và các thành kiến hư ngụy. Cho nên lời dạy của Đức Phật đã qua hơn 25 thế kỷ vẫn còn nguyên giá trị chân thật: Đó là sự tư duy rõ ràng, sự tự chế và nuôi dưỡng, tâm ý bằng chính niệm, luôn tỉnh thức, lột bỏ mọi ưa ghét, thành kiến. Luôn giữ gìn một mức độ xả ly, thoát khỏi các ràng buộc quá đáng của thế tục; hòa thuận với các quy luật, gọi là "tùy duyên". Kinh Pháp cú, Đức Phật dạy: "Tự tịnh kỳ ý" - là tâm ý của mình luôn giữ trong sạch. Đây là quan điểm chung của nhà Phật; bởi trang nghiêm thân không gì bằng đức hạnh thanh tịnh; và sự nỗ lực của mỗi cá nhân là nét đẹp trang nghiêm cho toàn thể.

... Một chút nghĩ suy thành kính ấy, bỗng nhiên trở thành nhu cầu tâm linh: Muốn lập Tịnh - độ ngay nơi Ta - bà này để mãi có mùa xuân bất diệt như hiện thân của Đức Di - Lạc Bồ - Tát đó - Với nụ cười an nhiên, tự tại. Và, dấu đó chỉ là ước mơ, vẫn đòi hỏi sự nỗ lực của từng cá nhân trong cái hành tinh hàng tỷ người này. Nhưng mà cái định luật vô thường khắt khe quá: Trăm hoa nở, rồi úa tàn, rồi rụng. Các pháp thế gian hết thấy đều "hữu sinh hữu diệt" cả đó thôi. Mặc dù thế Vô - Thường đã tạo ra sự sống trên trái đất, như bông hoa nở vô thường. Nhờ vô - thường mà hạt biến thành cây. Nếu sự vật không vô thường, ta sao lớn được:

*Khi thấy con khôn lớn,*

*Chợt biết mình đã già.*

*Bao mùa xuân đi qua,*

*Bao mùa xuân vẫn đợi...*

Vô thường là thế đó - luôn biến đổi. Khi vô thường không còn, hẳn sự sống sẽ biến mất trên trái đất!

## QUANG HẢO

## Hoa Quỳnh

Hoa quỳnh trong vườn nhà chùa  
 Không phải từ trong cổ tích  
 Mà là chuyện của muôn đời  
 Đoá Quỳnh nửa đêm thao thức  
 Khẽ khàng như nói nên lời  
 Vì không muốn lẫn lộn hương  
 Chẳng quen đũa sắc trong vườn  
 Suốt đời nhưy hoa trinh trắng  
 Không vương vẩn hạt bụi trần  
 Hữu xạ nên hương dấm dưới  
 Quỳnh không thay đá đổi lời (\*)  
 Loài hoa nở trong thanh vắng  
 Thấp sáng lên trái tim người...

## GIA LY

## Không để

Tặng Hư Long

Chiều qua cuối vườn ai đốt lửa  
 Cháy một cánh mai đêm cuối năm  
 Sống nay giặt mình nghe gõ cửa  
 Một đoá hoa văng báo tin xuân

## GIA LY

## Chiều xuân cổ tú

Tặng Hư Long

Em đi từ mùa xuân cũ  
 Ta nghe lạnh tiếng thở dài  
 Gấp nhau bên chiếu cổ tú  
 Trong vườn còn lại cánh mai  
 Lối về không ai nhớ nữa  
 Thiển sư tĩnh tọa nơi nào  
 Lũ khách cuối ngày gõ cửa  
 Trăng vàng neo bóng đáy ao.  
 Trăm năm phù vân một đoá  
 Trâu nặng bò vai gió sương  
 Đắm dưới chân mình sỏi đá  
 Ngang qua nào biết vô thường

## TRẦN ANH THUẬN

## Tiếng mõ chiều

Lạc trong tiếng mõ chiều nay  
 Chân như dừng bước ngắt giây  
 lòng thành  
 Tìm trời, tìm cả hồn anh  
 Năm bàn tay nhỏ trong trảnh  
 chiều rơi

## PHÁP - VƯƠNG - TỬ

## Xuân vô thường

"Van sự vô ưu nhất nguyệt trường"

Một khúc ca mùa Xuân,  
 Đang như mầm, nảy lộc.  
 Mùa bụi bay phôi điêu  
 Tiếng chuông chùa vang vọng.  
 Một nhánh mai Mãn Giác,  
 Bùng đầy cả đất trời  
 Ta quán niệm cuộc đời,  
 Lý Vô thường: Lễ sống.  
 Như ngàn năm vang vọng,  
 Muốn sống Hải triều âm.  
 Và sống chảy ngàn năm...  
 Hoa tàn rồi hoa nở.  
 Dòng đời muôn năm cũ,  
 Vẫn nhớ - Sầu - Chia ly...  
 Vẫn Sinh - Lão - Bệnh - Tử...  
 Và Xuân đến, Xuân đi...  
 Khúc đạo ca diệu lý,  
 Để bớt xuống cõi lòng.  
 Vô thường... Mùa xuân đến,  
 Say tình người đời mong.

Xuân Canh Thìn

Đón chào mùa xuân, năm giao thừa thế kỷ trên trái đất hàng tỷ người hôm nay, chúng ta bình tâm nhìn lại thế kỷ qua để hình dung về thế kỷ tới: Chúng ta đã được chứng giám biết bao thành tựu tuyệt vời về khoa học và kỹ thuật, về những cuộc cách mạng xã hội vĩ đại, về quá trình chuyển tiếp lý thú từ các nền văn minh vật chất sang nền văn minh trí tuệ. Thế kỷ 20 con người Việt Nam đã rửa được cái nhục mất nước - Bước qua giao thừa thế kỷ - năm 2000 này: Sang thế kỷ 21 con người Việt Nam thông minh, cần cù có tri thức khoa học cao, nhất định sẽ rửa được cái nhục đói nghèo, lạc hậu, kém phát triển. Từ "thời mở cửa" Nước ta đã tiếp nhận tinh hoa văn hoá thế giới mà vẫn không đánh mất gốc rễ văn hoá đạo đức của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng: "Gốc của văn hoá mới là dân tộc". Gốc rễ vững thì cây lớn bền. Thế giới và vấn đề "Toàn cầu hoá" là nét điển hình và tất yếu của thế kỷ tới. Vì thế tính độc đáo của mỗi dân tộc là giá trị đích thực trong dòng chảy hội nhập. Tổng thư ký Liên - Hợp - Quốc, ông Cô Phi An Nan cũng khẳng định: "Không có mô hình dân chủ, nhân quyền và văn hoá nào có thể áp dụng chung cho toàn

thế giới được!". Phật giáo đưa ra "Lý khế, lý cơ" là tùy duyên chứ không phải tùy thuộc. Nếu vô hình để rơi vào trạng huống tùy thuộc hay bị đóng hoá thì sẽ đánh mất bản chất của đạo Giác Ngộ. Như khi xưa Thiển sư Vạn Hạnh và Đại sư Khuông Việt đã tùy duyên thể hiện tinh thần nhập thế tích cực của Phật giáo nhưng vẫn giữ được bản sắc xuất thế của bậc chân tu thuần túy, không nhận bổng lộc triều đình, không màng địa vị thế tục. Các chư tổ hành đạo tại mỗi quốc gia thuyết pháp cũng phải thích hợp nơi ấy. Phật giáo nước ta cực thịnh thời Đinh - Lê - Lý - Trần vì tri thức uyên bác và biết "tùy duyên" nên được các vua chúa thịnh là "Quốc sư". Tùy duyên - Như vị Đại lương y tùy bệnh cho thuốc vậy thôi.

Và muốn trọn hưởng mùa xuân bất diệt trong năm giao thừa thế kỷ này, mỗi người phải tự mình hoà vào vạn vật, bởi mùa xuân nằm trong sự đổi thay của mỗi vật, như tinh thần Hoa Nghiêm mở ra cho chúng ta thấy hình ảnh Đức Phật không bị giới hạn trong một loại hình cố định nào. Hoa Nghiêm thường hiện hữu, soi rọi từng bước chân tự hành hoá tha của mỗi chúng ta trong khắp Pháp giới.

# TINH THẦN THIỀN

## TRONG TÂM KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

(Từ vọng tâm duyên khởi vào chân tâm duyên khởi)

□ TUỆ VŨ - TRỊNH VĂN HIẾN

"**Q**uán tự tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã ba la mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách"

Đại ý của đoạn kinh văn này là tiêu biểu cho ba pháp quán, tam quán: Tam-ma-đế (Samatha), Tam-ma-bát-đế (Vipassana) và Thuyên-na (Dhyana)

Chiếu kiến là phép tu quán: Vipassana để giác ngộ: Y báo, chính báo của tất cả mọi loài chúng sinh đều là như huyễn, như hoá, không có tự tính. Do nhân duyên sinh mà hòa hợp đối đãi, liên tục biến chuyển: do "vọng thức" của mỗi loài biểu hiện mà có sự sai khác ở mức độ tương đối. Cho nên, như là có mà không phải là thật có. Đó chính là sự hoà hợp của Ngũ uẩn, Ngũ uẩn hoà hợp, về mặt không gian mà nói là có một cái Giả Ngã (Pudgal), nhưng sự thực là Vô Ngã (insubstantial). Ngũ uẩn liên tục sinh diệt, biến dị trong từng Sát-na suốt Quá, Hiện, Vị lai; về dáng vẻ bên ngoài như là thường, nhưng thực ra là Vô Thường. Ở đây, đó là sự giả hợp về mặt thời gian của Ngũ Uẩn. Ngũ Uẩn đối đãi với nhau do duyên mà có hình như là sự thực, nhưng vốn không thực nên Vô tự tính. Ngũ Uẩn theo từng loài chúng sinh có ý thức thứ sáu (Manovi jñāna), biệt

ngiệp khác nhau riêng từng loài mà có nhận thức khác nhau trong lục đạo. - Thế nên, do Duy Thức biến hiện mà Ngũ Uẩn giả có chứ không phải là thật có. Vậy Vipassana là pháp tu năng quán, để người tu giác ngộ tất cả sự vật là từ tâm bên trong cho đến thế giới vũ trụ bên ngoài đều có "Bốn tính chất giả dối là: Hoà Hợp Giả (tức Vô Ngã), Liên Tục Giả (tức Vô Thường), Đối Đãi Giả (tức Nhị Nguyên phân biệt) và cuối cùng là Duy Thức Biến Hiện Giả (do Vọng Thức biến hiện của sáu loài chúng sinh, đồng sinh thức cứ biến hiện mãi không dứt mà có nhận thức sai khác nhau và mọi sự vật miên tục, bất đoạn). - Các nhận thức này đều là giả và là "Tương đối". Nó là Độc Ảnh Cảnh và Phi Lượng. Khi hiểu Chân lý Duyên Khởi của Đạo Phật, tức là thấy rõ Vạn Pháp theo công thức của Định lý Duyên Khởi: A có, B có; A không, B không; A sinh, B sinh; A diệt, B diệt. Người tu quán đã bắt đầu giác ngộ, thấy được một phần "tính chân như", quay trở lại với "Đối Chất Cảnh" và "Tỳ Lượng". Giai Không: Ngũ Uẩn Giai Không Là quy nạp tất cả tính như huyễn như hoá duyên khởi để thấy rõ sự Vô Tự Tính, không có "Thần Ngã Tính" của tất cả các sự vật. Trong Kinh Kim Cương Đại

Thừa Kinh Luận, Đức Phật Thích Ca đã giải thích rõ tính "Giai Không" với Đức Đại Tri Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là có bốn tính không: Ngã Không, Tâm Không, Thân Không, Pháp Không. Trong Tiểu Chỉ Quán (Đồng môn Chỉ Quán): Giai Không là Samatha, cũng nghĩa là Thế Chân Chỉ, cũng nghĩa là Tịch Diệt Quán và cũng nghĩa là Chân Không.

Người tu phép quán này cũng có thể biết rõ tất cả các pháp đều do Tâm Sinh, nhân duyên hư giả, không thật nên bản tính Rỗng không. Biết được bản tính rỗng không của các pháp thì không có tướng Danh tự các pháp, thế là được "Thế Chân Chỉ". Lúc bấy giờ, trên không thấy quả Phật có thể cấu, dưới không thấy Chúng sinh có thể độ, - đó là Tầng Giả Nhập Không Quán, cũng gọi là Nhị Đế Quán, cũng gọi là Tuệ Nhãn, cũng gọi là Nhất Thiết Trí. Nếu ở yên nơi quán này thì sa vào hàng Thanh Văn, Duyên Giác; Tâm không muốn giáo hoá chúng sinh, làm cho cõi Phật thanh tịnh. - Vì thế, những người này chỉ thấy tất cả các pháp là rỗng không, vắng lặng đều: Vô Sinh, Vô Diệt, Vô Lậu, Vô Vi, thì rốt cuộc không phát được Bồ Đề Tâm; đó là vị, Định nhiều Tuệ ít, nên không thấy rõ được Phật tính.

Đệ Nhất Thế Khổ Ách: Đây là



công việc của vị Bồ Tát, vì tất cả chúng sinh mà thành tựu tất cả Phật Pháp. Cho nên, không chấp trước Vô Vi, an trụ trong Tịch Diệt mà nâng tu hành pháp Tùng Không Nhập Giả Quán. Tu pháp quán này là Quán tướng tu: Tâm tính là Rỗng Không, - nhưng trong Duyên Khởi đối đãi cũng sinh ra tất cả các pháp như huyền, như hoá, tuy cũng có những điều Thấy, Nghe, Hay, Biết sai khác không đồng. Người tu hành khi tu pháp quán này thì có thể ở trong Không Tịch, tu đủ các hạnh, phân biệt được căn cơ Chúng sinh mà thuyết pháp vô lượng. Đến khi thành tựu được "Vô Ngoại Biện Tài", có khả năng làm lợi ích cho Lục đạo Chúng sinh thì được "Phương Tiện Tuỳ Duyên Chỉ".

Tùng Không Nhập Giả Quán cũng gọi là bình Đẳng Quán, cũng gọi là Pháp Nhân, cũng gọi là Đạo Chứng Trí. Bồ Tát, ở trong quán này, sức Trí Tuệ thêm nhiều, - nhưng tuy thấy được Phật Tính mà chưa thực được rõ ràng. Vì hai pháp: Tùng Giả Nhập Không Quán và Tùng Không Nhập Giả Quán vẫn còn là Pháp Quán Phương tiện. Nhưng vì thành tựu

được hai pháp quán này mà có thể vào được "Trung - Đạo - Đệ - Nhất - Nghĩa - Quán".

Cân bằng giữa Tam - Ma - Đê (samatha) và Tam - ma - Bát - Đê - (Vipassana) và Thuyên - Na (Dyana) tức là:

Nếu Bồ Tát muốn đầy đủ Phật Pháp "trong Một Niệm" thì cần tu, tức Nhị Biên Phân Biệt Chỉ, thực hành Trung Đạo Chính Quán. Tu pháp quán này thì có thể biết: Tâm tính không phải là Chân Không, không phải là Giả, mà không phá hoại các pháp Không, Giả. Nhận rõ như thế thì thông suốt được Trung Đạo và cũng thấy rõ được hai Đế Trung Đạo, bởi do không có tính gì mà quyết định vậy, đó gọi là Trung Đạo Chính Quán.

Trung Luận kệ có câu: "Các Pháp Nhân Duyên Sinh, Tôi Bảo Là Rỗng Không; Cũng Gọi Là Giả Danh, Cũng là Nghĩa trung Đạo".

Đi sâu vào ý nghĩa câu kệ đó thì chẳng những nhận rõ đầy đủ cái Tướng của Trung Đạo Chính Quán mà cũng rõ thêm được ý nghĩa của hai pháp quán Phương Tiện. Nên biết: Trung Đạo Chính Quán, tức là Phật Nhân, Phật Nhân tức là Nhất Thiết Chứng Trí. Nếu an trụ nơi pháp quán này thì Định, Tuệ cân bằng, tỏ rõ thấy được Phật Tính an trụ nơi Đại Thừa, đường tu bằng phẳng, lần lần vào biển Chính Giác của Như Lai, được Lục căn thanh tịnh, vào Cảnh giới của Phật. Đối với tất cả các pháp không còn phiền trước tất cả các Pháp Chư Phật đều được hiện tiền; an trụ nơi Định Thủ Lăng Nghiêm, thành tựu Vô lượng Tam Muội, vào khắp các cõi Phật mười phương, giáo hoá

Chúng sinh, góp phần làm cho tất cả cõi Phật trang nghiêm, thanh tịnh, cúng giàng thập phương Chư Phật, Thụ trì tất cả các pháp, đầy đủ các hạnh, các Balamật, làm vị Đại Bồ Tát, trong thân Pháp Tính Thường Trụ, đi đến thị hiện các tướng thành Phật.

Trung Đạo Chính Quán được Long Thọ giải thích tỷ mỉ trong Bộ Trung Quán Luận bằng tám cái Không hay Bát Bất: Bất Sinh, Bất Diệt; Bất Thường, Bất Đoạn; Bất Nhất, Bất Nhị; Bất Lai, Bất Khứ, và thể hiện cụ thể ở pháp: "Pháp Giới Tính Trùng Trùng Duyên Khởi" của Hoa Nghiêm Tông. Đó là:

- Mọi sự vật và Nhân Duyên Sinh, không phải là tự sinh như nhận thức sai lầm nói là có tính "Hồn Độn", bất phân, mờ昧, Tao Hoá. Thượng Đế của Ngoại Đạo. Vì lý do là, trước khi sinh ra chính mình không có, làm sao lại có thể "tự sinh" được?

- Thứ hai là Tha Sinh, tức là do cái khác sinh ra, vì đối đãi với mình mới có cái khác; - nay mình đã không thật có thì cái khác làm sao mà có được. Đạo lý này bác bỏ ngoại đạo nói Thượng Đế đứng ngoài Vũ trụ sinh ra mọi thứ trong Vũ trụ.

- Cộng Sinh là Tha Sinh cùng với tự sinh ra mà có. Đạo lý này bác bỏ thuyết của Ngoại đạo nói: "Tiểu Ngã (Atman) và Đại Ngã (Ishvara) là hai cái khác nhau hoà hợp với nhau mà có ra Vũ trụ.

- Thứ tư là Vô Nhân Sinh: mọi sự vật phải có nguyên nhân sinh ra chứ không phải tự nhiên hoặc ngẫu nhiên mà có.

Từ luận thuyết này, Đức Phật Thích Ca thuyết minh về bốn nguyên nhân: Cầu Hữu Nhân,

# Kông

## trong văn hoá

# VIỆT NAM

□ VĂN HẬU  
Hội VHDG Hà Nội

**T**rong tâm trí người Việt từ thuở xa xưa tới hôm nay, hình ảnh con Rồng là biểu trưng của văn hoá Việt Nam. Tháng 7 năm Canh Tuất 1010 Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra Đại La dừng thuyền ở bến Đông, mơ thấy Rồng bay nên đặt tên Đại La

là Thăng Long. Chiếu dời đô của nhà vua ghi thành ở vào thế rồng cuộn, hổ ngồi, nơi đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ vì ngập lụt". Từ xa hơn, ta tự hào là con Rồng cháu Tiên: Long Phụ Tiên Mẫu, Lạc Long Quân là Con Rồng lấy bà Âu Cơ là con Tiên đẻ ra trăm người con, 50 người theo mẹ lên núi, 50 con theo cha xuống biển. Lạc Long Quân thờ ở Đền Hùng (Phú Thọ) Bình Đà (Hà Tây) Bà Âu Cơ, Quốc Mẫu thờ ở đền Giao Chỉ (dãy Tam Đảo) và nhiều vùng khác... trẻ con Việt từ bao đời nay chơi trò Rồng rắn lên mây trong những đêm trăng ở sân đình: Rồng rắn lên mây - có cây núc nác - có nhà diêm bình - Thấy thuốc có nhà hay không? Trò vui chơi đầu chỉ

là vui chơi mà rèn trí thông minh, tính tập thể cho trẻ nhỏ. Cũng có Giáo sư phát hiện bài đồng dao ấy là những động tác của Lạc Long Quân trong việc chiến thắng ngư tinh.

Bức tranh làng Mái (Đông Hồ) khi xuân về tết đến cuốn hút các chợ các làng quê bởi tranh "Hứng dừa" "Múa lân" "Múa Rồng" Bốn chữ Hán Nôm dễ hiểu với người bình dân "Nghênh xuân" "Đại Hải". Để ý tranh "Múa Rồng" ta thấy tài sáng tạo trong nét bố cục tạo hình của nghệ sĩ dân gian. Rồng tự bay, chín chàng trai mỗi người một tư thế cũng quay vòng theo thế Rồng bay, Rồng lượn. Người mang loa, mang trống, mang đàn, mang biểu... chẳng ai giống ai.

Đặng Lưu Nhân, Dị Thục Nhân và Tăng Thượng Nhân; - cộng với bốn duyên: Nhân Duyên, Sở Duyên Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, và Tăng Thượng Duyên. Bốn nhân và bốn duyên này là phép biện chứng cơ bản của Đạo Phật. Gốc cơ bản của Trung Đạo Chính Quán là như vậy.

Tương ứng với Trung Đạo Chính Quán, Duy Thức Tông chứng minh Hiện Lượng và Tính Cảnh.

Ba Pháp tu Quán của Duy Thức nói lên hai mặt của một vấn đề:

- 1) Quán Sinh Vô Tính, tương ứng với Sammatha của Thiền Tông.
- 2) Quán Tướng Vô Tính, tương ứng với Vipassana của Thiền Tông.
- 3) Quán Thắng Nghĩa Vô Tính, tương ứng với Dhyana của Thiền Tông tức Trung Đạo Chính

Quán của Thiền Tông.

- Biện Kế Sở Chấp Tính, tương ứng với Sinh Vô Tính.

- Y Tha Khởi Tính, tương ứng với Tướng Vô Tính.

- Viên Thành Thật Tính, tương ứng với Thắng Nghĩa Vô Tính.

- Đoạn Sắc Bất Dị Không và Sắc Tức Thị Không là phép Sammatha hay Sinh Vô Tính; tương ứng với phép Thiền Chỉ tức là Thế Chân Chỉ.

- Đoạn Không Bất Dị Sắc và Không Tức Thị Sắc là nói cụ thể phép Vipassana, phép Y Tha Khởi và phép Phương Tiện Tuý Duyên Chỉ.

- Đoạn Thị Chư Pháp Không Tướng, Bất Sinh Bất Diệt, Bất Cấu Bất Tịnh, Bất Tăng Bất giảm là nói về Bản Chất Chân Như tuý theo Duyên bất biến của tính Chân Như).

- Bất Sinh Bất Diệt là cấp độ

đầu tiên của các vị trong hàng Nhị Thừa đã thoát ly Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới, được Vô Dư Y Niết Bàn của A La Hán và Bích Chi Phật Pháp được Ngã Chấp Câu Sinh và Ngã Chấp Phân Biệt, chứng được Sinh Không Chân Như. Nhưng hàng Nhị Thừa còn Pháp Chấp Phân Biệt và Pháp Chấp Câu Sinh. Do vậy, Đức Phật nói họ có đốn cái sai lầm:

- Đại Bát niết Bàn là Chân Lạc, hàng Nhị Thừa nhầm là Vô Lạc.

- Đại Bát Niết Bàn là Chân Thường, hàng Nhị Thừa nhầm là Vô Thường.

- Đại Bát Niết Bàn là Chân Tịnh, hàng Nhị Thừa nhầm là không phải Tịnh.

- Đại Bát Niết Bàn là Chân Ngã, hàng Nhị Thừa nhầm là Vô Ngã.

(Còn nữa)

Người bình dân nghĩ tới  
Rồng khi xây nhà dựng cửa:

- Bốn cửa anh chạm bốn  
Rồng

Trên thì Rồng áp dưới thì  
Rồng leo

(Ca dao Thanh Hoá)

Hà Nội nay là Long  
Thành, Phượng thành xưa:

- Phồn hoa thứ nhất Long  
Thành

Phố giăng mắc cửi đường  
quanh bàn cờ

(Ca dao Hà Nội)

Nhưng với Rồng (năm  
Canh Thìn 1904) người Việt  
từng chịu cảnh chia lìa:

- Năm Thìn bão nổi thỉnh  
linh

Cầu Tràng Tiền gãy nhịp  
đôi lứa mình lạc nhau

(Ca dao Huế)

Người thợ điêu khắc để lại  
nhiều dấu tích ở Văn tự đá.  
Có rồng đá ở Bách Thảo, ở  
điện Kính Thiên (Hà Nội) lại  
có Rồng bia Lam Kinh  
(Thanh Hoá). Rồng trên bia  
đời Lê nhưng theo di huấn  
nhà vua vẫn khắc dáng Rồng  
đời Lý: Răng nanh xoắn  
xuýt, bõm cuộn từng đợt, râu  
uốn nhịp mũi có vân xoắn ốc,  
móng như móng chim, mình  
tung hoành như đám mây  
lượn sóng... Xa hơn ở Hoa  
Lư thờ vua Đinh Tiên Hoàng  
và vua Lê Đại Hành chạm  
Rồng với 4 chữ để rõ "Cá Rồng  
hoá rồng". Bên là nét chạm  
Tôm, Cua, Chuột, Cá. Văn  
Chuông Chùa Hà (Dịch  
Vọng) có niên đại Kỷ Mùi  
(1799) quái chuông treo có  
hình Rồng có vây lửa, dưới  
chuông mỗi mũi là hình  
long, ly, quy, phượng. Bài  
Minh có đoạn "Tiếng gõ  
chuông nuôi sắc biếc sớm  
mai, rèm mây kinh hải bay  
ngàn dặm, sương hoa chấn



• Rồng đá ở chùa Trầm Gian - Hà Tây

Ảnh: Tuấn Hải (TIXVN)

động bốn phương trời, thúc  
tinh lòng trần nơi cõi mộng".  
Lễ hội truyền thống nhiều  
vùng quê của Hà Nội có cảnh  
đua thuyền Rồng ở hội bơi  
Đầm Tây Tựu, cảnh múa  
rồng ở hội Năm Làng Mọc,  
cảnh múa Giảo Long ở Lệ  
Mật ở Vĩnh Phúc (Ngọc  
Hà)...

Và đến nay, hình tượng  
Rồng vẫn được văn nghệ sĩ  
sử dụng. Ở nhà tù Quảng  
Tây, Nguyễn Ái Quốc - Bác  
Hồ của chúng ta chịu cảnh 4  
tháng áo rét, cơm đói, mất  
ngủ, bệnh tật. Nhưng ước mơ  
của người vẫn hướng về tự do  
độc lập của Tổ Quốc:

-Rồng uốn vòng quanh  
chân với tay

Trông như quan võ quần  
tua vai

(Dây trái)

- Người biết lo âu, ưu  
điềm lớn.

Nhà lao mở cửa ắt rồng  
bay

(Đoán chữ)

Con Rồng là hình ảnh đẹp  
trong nền văn hoá Việt Nam  
ở mỗi giai đoạn lịch sử lại

thể hiện tinh tế con người và  
cảnh sắc Việt Nam. Mùa  
xuân năm 2000 này là bước  
đệm cho mùa xuân năm 2010  
kỷ niệm "Thăng Long Đông  
Đô Đông Kinh Hà Nội". Dự  
một cuộc hội thảo tháng  
11/1999 vừa qua tôi xúc  
động khi giáo sư Trần Tuyết  
Nga tại thành phố Hồ Chí  
minh phát biểu. Chị nói: "ở  
địa đạo Củ Chi 12-1972 tôi  
khóc khi nhớ về Hà Nội trái  
tim của nước Việt, thù đó  
Rồng bay bị bom B52". Có  
thì sĩ Huỳnh Văn Nghệ trong  
bài thơ viết ở một khu rừng  
tại Miền Nam:

- Từ thuở mung giơm đi  
dựng nước

Nghìn năm thương nhớ  
đất Thăng Long!

Và một câu đối tết trên  
báo "Người Hà Nội" của Lê  
Hữu cũng xúc động khi viết  
về mùa xuân:

- Nhớ thuở Rồng Lên ngày  
mới Thăng Long, Vua Lý  
dâng hương nên tổ

Vào mùa ến liêng tiết  
xuân Hà Nội, Bác Hồ chầu  
Tết nhân dân.

# Chín bước xuân đi

**LTS:** Chín Bước Xuân Đi gồm chín bài thơ: Xuân ngọc, Xuân nguyên, Xuân hòa, Xuân tam niệm, Xuân nhị niệm, Xuân hỷ, Xuân điều hữu, Xuân nhất niệm, Xuân vô niệm được trích trong Tác phẩm "Lửa tìm phép lạ thi phẩm" của Thượng tọa Thích Thông Bửu. Tác phẩm này gồm 72 bài thơ mang nặng phần triết lý và thiền học Phật giáo, dưới đây xin giới thiệu cùng bạn đọc chín bài thơ đó:

## XUÂN NGỌC

Ngàn ngàn cánh hoa mờ  
Xuân mãi xuân muôn thưở  
Lóng lóng toả ngàn nơi  
Ngọc Ma Ni rạng rỡ

## XUÂN NGUYÊN

Hộp cân khôn tròn hạnh nguyên  
Núi Thưu giòn rỗng liên chuyễn  
năng mưa  
Ngàn sao lấp lánh đong đưa  
Cổ hoa vẩy gọi tròn mùa xuân sang.

## XUÂN HÒA

Gặp ai ai gặp ý hòa xuân  
Ờng ánh vang ngàn điệu cõi trần  
Trí kiến tiêu tri hoa tạng giới  
Tâm thanh thông điệp toả sóng Ngân

## XUÂN TAM NIỆM

Từ vạn niệm em về  
Ba bước nhập vườn quê  
Chuôi, danh, quán tướng Phật  
Tròn xuân, tuổi trăng thề.

## VŨ ĐỨC HẦU

### PHỐ ĐÊM

Những chuyến xe ồn ào không dứt  
Bé giật mình vô giác u ơ  
Con sông vô ngập ngừng bên phố  
Tiếng chuông chùa sóng sánh trắng mơ  
Lời ai đó dưới sen niệm Phật  
Như gió thoảng ngoài chạm nhẹ vào hoa  
Như nhân như người đi chừa lại  
Mà hình bóng nằm thảng mảy xa  
Trăm bầu tìm mua hoa lá rụng  
Vết sao xanh ai kéo chao nghiêng  
Thành phố lên đèn còn nào nữa  
Lặng lẽ rơi lộc cộc mã thiên...

## XUÂN NHỊ NIỆM

Xuân ý mở tia hồng  
"AUM Hùm" \* nhân đốc thống  
Đầm hoa hoa tạng giới  
Sen nở ! à chơn không.

## XUÂN HỖ

Bát nhã từ bi ngồi pháp trung  
Bình xuân quán giả chiếu môn không  
Hồn nhiên tĩnh lặng thông tam giới  
Trâu đất vồn trắng tiền giòn rỗng.

\* Đọc là OM - Hùm : Lục tự đại  
chơn ngôn Om Ma Ni Pad Mé Hùm

## XUÂN ĐIỀU HỮU

Bằng học sáng lung linh  
Toả chiếu ánh quang minh  
Rạng ngời niềm tin lớn  
Rực rỡ quê hương mình  
Mở thâu "Chơn Không" lặng  
Đạo đời xinh tuyệt xinh  
Không gian tròn hạt cải  
Thời gian "Điều Hữu" tình.

## TRẦN HỮU NGHIÊM

### THƯỜNG XÓT MIỀN TRUNG

Thần bệnh làm việc gì cũng khó  
Nghe tin lũ lụt ở quê nhà  
Con cần chặt mối cho khỏi khộc  
Đáng lòng trào nước mắt xót xa  
Đi đứng nằm ngồi không yên được  
Triu nặng tâm tư nỗi lo buồn

## NGUYỄN VĂN THO

### LÊN CHÙA

Mãi tam quan vòng cung cổ kính  
Sân chầu vào pháp định thiên môn  
Như Lai thành pháp vương tôn  
Giới hương một nén lòng son dầy Người

## XUÂN NHẤT NIỆM

Mai vẩy gọi xuân, xuân chẳng ở !  
Ên liệng chào xuân, xuân lảng lơ  
Tĩnh bơ mắt nhắm đầu màng nhỏ  
Xuân cười sáng rực cả trời thơ.

## XUÂN VÔ NIỆM

Đêm qua  
Mai nở một cành  
Xuân thể tục - Xuân tướng danh  
Chẳng trong ngoài

Chẳng hoa cành  
Chả xuân cười  
Chả vòm xanh  
Hoá nhất niệm  
Hòa vô niệm  
À - là xuân ...  
"Pháp nhãn vô sinh". \*

\* Vô sinh pháp nhãn: chữ pháp xin  
dịch nghĩa là Trí

Trí đặc vô sinh, còn gì để nhãn.  
Thượng tọa THÍCH THÔNG BỬU  
(TP. Hồ Chí Minh)

Phố phường, làng xóm chìm trong mưa  
Xa nhà đau xót cảnh tang thương  
Mẹ ơi! Nhớ mẹ con quay quắt  
Tuốt giờ làm cơm biêt làm sao  
Mưa gió lòng con thêm quặn thắt  
Bà con mình ai cũng lao đao  
Xin được đổi ơn người cứu hộ  
Trong gian lao hồng hoá anh hùng  
Quyên mình cứu đồng bào ruột thịt  
Ơn người sáng mắt giữa lòng dân  
Cà Mau tháng 11/1999

Lời thuyết pháp độ sinh tư ái  
Phương tiện dùng mọi loại căn cơ  
Chỉ cho tham ái mê mờ  
Đim trong bể khổ vật vờ tênh đênh  
Niệm từ bi, với lòng hỷ xả  
Sẽ giúp mình diệt ngã, vì tha  
Vườn Bát Chánh đạo nở hoa  
Thế gian thanh tịnh, àn ca thái bình.

# VỀ TRẠNG THÁI TƯ DUY

## Kiểu trực cảm tâm linh trong văn chương

(Qua khảo sát văn học Phật giáo thời Lý Trần)

□ NGUYỄN CÔNG LÝ



Ảnh: Thích Giác Vũ

**Q**ua khảo sát các tác phẩm văn học Phật giáo thời Lý Trần, chúng tôi nhận thấy có nhiều tác phẩm thuộc các thể loại như kệ, tụng cổ, ngũ lục, luận thuyết triết lý... đã biểu lộ một trạng thái tư duy nghệ thuật hoàn toàn khác với kiểu tư duy của Nho giáo, của Lão - Trang. Kiểu tư duy này gắn liền với tư tưởng Thiền học, chú trọng đến cái tâm trực ngộ. Chúng tôi tạm gọi đó là trạng thái tư duy nghệ thuật kiểu trực cảm tâm linh.

Tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng có quan hệ gắn bó với văn học, đã ảnh hưởng và tác động đến văn học. Thời Trung đại, các nước Phương Đông trong đó

có Việt Nam đã chịu ảnh hưởng sâu đậm tư tưởng Nho, Phật, Lão - Trang. Chính các trước tác kinh điển là "ngọn nguồn vô tận để khơi gợi cảm hứng sáng tác" (1) và "để lại cho văn học đời sau một số hình tượng nghệ thuật trở thành nguồn thi liệu giúp cho các nhà thơ, nhà văn, sáng tác" (2). Tìm hiểu, nghiên cứu ảnh hưởng của các hệ tư tưởng trên trong văn học cần thấy rằng chúng là "những sự kiện văn hoá tư tưởng trong lịch sử phát triển xã hội" và "cần nghiên cứu nó với tư cách là một sự kiện văn học, một hiện tượng văn học và hệ thống lý thuyết các tôn giáo, các học phái đó đã có sự chuyển hướng thành

cảm hứng sáng tác" (3). Có nhà nghiên cứu còn nhấn mạnh thêm "Muốn hiểu văn học Trung Đại cần phải hiểu chữ "Tâm". Chữ "Tâm" của Nho giáo có khác với chữ "Tâm" của Phật giáo. Nó không chỉ là chuyện văn chương mà trước hết là chuyện của triết học nhân sinh. Nho và Phật đều lấy chữ "Tâm" làm nội dung cốt lõi của học thuyết. "Tâm" không chỉ là tấm lòng, là tình cảm, đạo đức tốt đẹp mà còn mang một hàm nghĩa phong phú, bao trùm, huyền diệu, mang ý nghĩa triết học" (4). "Chữ "Tâm" của Nho giáo cần được hiểu theo nghĩa đó là cái thần linh làm chủ thể cả tư tưởng cùng hành vi con người. Phật giáo thì coi trọng chữ Tâm - trực giác tâm linh. Chữ "Tâm" của Phật giáo có liên quan đến sự khai thác triệt để thế giới tâm linh, sự huy động tối đa cái phần vô thức, tâm thức, tiềm thức cảm thức con người hơn là phần ý thức, tự thức, nhận thức" (5). Trên đây là những gợi ý có tính lý luận để tìm hiểu tư duy nghệ thuật kiểu trực cảm tâm linh trong văn học Phật giáo. Vấn đề sẽ được xem xét trên góc độ tâm lý học sáng tạo nghệ thuật và trên góc độ tâm lý học phân tích văn học, ở cảm



hứng sáng tác.

Trước hết, có lẽ cần trở lại khái niệm.

Trực cảm là sự nhận thức trực tiếp bằng cảm tính, bằng trực giác, không thông qua suy luận, tư duy của lý trí, tức sự nhận thức đó không phải bằng tư duy suy lý.

Tâm linh là linh hồn, tinh thần (6), là cái trí tuệ tự có trong lòng mình (7). Tâm linh thể hiện ở những cái gì đó có tính trừu tượng, thiêng liêng, thanh khiết và giá trị của nó bắt nguồn từ cái thiêng liêng; nó là nền tảng vững chắc, là hằng số vĩnh cửu của nhiều mối quan hệ, đặc biệt là mối quan hệ của đời sống con người với thế lực siêu nhiên, huyền bí của tôn giáo.

Theo tác giả "Văn hoá tâm linh" thì "tâm linh là cái thiêng liêng cao cả trong cuộc sống đời thường, là niềm tin thiêng liêng trong cuộc sống tín ngưỡng tôn giáo. Cái thiêng liêng cao cả, niềm tin thiêng liêng ấy đọng lại ở những biểu tượng, hình ảnh, ý niệm (8).

Điều đó có nghĩa là, tâm linh là một hình thái ý thức, gắn liền với con người và không có ý thức con người sẽ không có tâm linh, vì nó là phần thiêng liêng trong ý thức con người. Con người có nhiều ý thức, như ý thức cộng đồng, ý thức văn hoá, ý thức toán học... thì "ý thức tâm linh là dạng ý thức hướng về cái thiêng liêng cao cả". Bàn về tâm linh không thể không nói tới niềm tin. Niềm tin là sự tín nhiệm, sự khám phục của con người đối với một đối tượng nào đó

(con người, sự việc, tôn giáo) được thể hiện ra hành động theo một lẽ sống. Nó là hạt nhân để xác lập các mối quan hệ xã hội và được thể hiện ở nhiều cấp độ: Niềm tin trao đổi, niềm tin lý tưởng, niềm tin tâm thức. Niềm tin tâm thức là sự hoà quyện cả tình lẫn lý trí dẫn đến sự say sưa tự nguyện hành động theo niềm tin ấy. (9).

Tâm linh không chỉ gắn với ý thức con người, mà còn gắn với đời sống xã hội trong các mối quan hệ phức tạp. Bởi lẽ đời sống con người có hai mặt: mặt hiện hữu và mặt tâm linh. Nếu mặt hiện hữu của đời sống có thể nhận thức qua những tiêu chuẩn cụ thể thì về mặt tâm linh bao giờ cũng gắn với cái gì đó trừu tượng, mông lung nhưng không thể thiếu ở con người. Sở dĩ con người được gọi là người bởi có đời sống tâm linh, tức tuân theo những giá trị bắt nguồn từ cái thiêng liêng đầy bí ẩn. ("Văn hoá gia đình Việt nam và sự phát triển", tr 36). Cho nên "Con người không chỉ có mối quan hệ hữu hình mà còn có nhiều quan hệ khác như quan hệ với thế giới tâm linh và nó là cái nền vững chắc nhất của mối quan hệ cộng đồng làng xã" (Văn hoá và dân cư đồng bằng sông Hồng", tr 115).

Trực cảm tâm linh và sự nhận thức trực tiếp bằng tâm linh, có tính chất cảm tính trực giác, không qua tư duy tư biện, suy luận, suy lý của lý trí, của trí tuệ.

Tôn giáo cũng như văn học nghệ thuật rất cần và coi trọng kiểu nhận thức này. Có

thể nói là tính trội của cảm hứng sáng tạo. Không có tư duy trực cảm tâm linh, khó lòng người nghệ sĩ thấy được cái thần, cái hồn của đối tượng phản ánh, cho dù người nghệ sĩ có thể chiêm nghiệm, nghiền ngẫm nhiều về đối tượng. Nó thuộc lĩnh vực của vô thức, của tiềm thức; chỉ cảm nhận bằng tính thiêng liêng chứ không thể dùng lý trí tư biện và ngôn ngữ lúc này cũng đành bất lực, không thể luận bàn.

Trực cảm tâm linh là quy luật của sự sáng tạo. Từ đời này sang đời khác, con người ta hàng trăm hàng vạn lần, ai ai cũng nhìn thấy quả táo rơi. Newton cũng thế, cũng hàng vạn lần nhìn thấy quả táo rơi. Tất cả đều thấy chứ không biết, không hiểu. Nhưng tại sao chỉ một lần duy nhất, trong phút giây bất chợt, qua những năm tháng nghiền ngẫm, Newton mới hiểu được vì sao nó rơi và tìm ra định luật "sức hút của trái đất". Tương tự như vậy, đứng trước một đối tượng khách quan, cảnh thiên nhiên mơ mông chẳng hạn, ai cũng thấy và ai cũng cho là đẹp. Nhưng thể hiện được cái thần, cái hồn của cảnh đẹp thơ mộng ấy không phải ai cũng làm được. Muốn thể hiện, phải có sự trực cảm tâm linh, phải có tính linh. Tính linh là sự mạch báo, là khả năng biết trước, là năng khiếu cảm nhận từ xa của con người về một biến cố nào đó, sự việc nào đó có liên quan đến mình. Vấn đề không thuộc ý thức mà thuộc về vô thức, tiềm thức. Nhà

văn, nhà thơ, người nghệ sĩ lớn thường là những người có tính trực cảm tâm linh cao. Không phải ngẫu nhiên khi nghe nói có nhà văn sáng tác trong mơ. Đó là tính trội của sáng tạo nghệ thuật.

Nhà phân tâm học Sigmund Freud đã khẳng định: "Chính các nhà văn, nhà thơ, là người phát hiện vô thức". Còn Goethe thì cho rằng "tính linh hiển hiện khắp nơi trong thơ ca, đặc biệt là trong trạng thái vô thức. Lúc này tất cả sức mạnh trí tuệ và lý tính đều mất tác dụng... và không giải thích được linh tính" (10)

Cái tính linh ấy là sự trực cảm tâm linh trong sáng tạo nghệ thuật. Cha ông ta cũng đã đề cập đến vấn đề này. Trong lời tựa "Hoàng Công thi tập", Ngô Thì Nhậm đã nêu lên một khía cạnh nhận thức, lĩnh hội thơ văn bằng trực cảm, bằng trực giác. Ông đã xem đây là một đặc trưng của nhận thức luận phương Đông thường thấy trong thơ văn: "Việc binh, việc hình, việc lễ, việc nhạc thánh nhân có phép tác cả... Đến như phép luật làm thơ lại là một điều huyền bí, thánh nhân không truyền lại, ta chỉ có thể hiểu bằng thần, không thể tìm bằng trí được" (11).

Như vậy, đứng trên góc độ tâm lý học sáng tạo nghệ thuật, tâm lý học phân tích văn học và tiếp nhận văn học thì tất cả đều rất cần đến trực cảm tâm linh. Khi sáng tạo, người nghệ sĩ cần phải thấy được, hiểu được cái thần của đối tượng phản ánh, của sự việc được sáng tạo và khi

phân tích, tiếp nhận; người phân tích, tiếp nhận cũng phải có cái thần ấy. Thấy được cái thần, phải cần đến trực cảm tâm linh.

... Hình ảnh cành mai kỳ diệu vẫn nở hoa trong lúc xuân tàn hoa rụng của Mãn Giác là gì nếu không nhờ trực cảm tâm linh? Thử đọc lại bài kệ:

*"Xuân khứ bách hoa lạc  
Xuân đáo bách hoa khai  
Sự trục nhãn tiền quá  
Lão tòng đầu thượng lai  
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận  
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai"* (12)

(Xuân qua trăm hoa rụng  
Xuân đến trăm hoa tươi  
Trước mắt việc đi mãi  
Trên đầu già đến rồi  
Chớ bảo xuân tàn hoa  
rụng hết

Đêm qua sân trước nở  
cành mai)

Bài kệ chỉ có 6 câu. Đây là lời thiền sư dặn dò đệ tử trước phút lâm chung. Bốn câu trên đúc kết một chân lý khách quan, nêu lên một qui luật tuần hoàn của thiên nhiên, của cuộc đời, con người, tượng trưng cho sự sinh hoá của chư pháp, của vạn vật. Điều làm nên sự kỳ diệu của bài kệ giàu hình tượng thơ là ở hai câu sau.

Hình ảnh cành mai trước sân vẫn nở hoa đêm qua trong lúc xuân tàn hoa rụng là tượng trưng cho bản thể trường tồn. Hình ảnh ấy là sự kết hợp hài hoà giữa giáo lý đã thụ lãnh với sự chứng nghiệm trực cảm của thiền sư. Đó là bài học chân lý được đúc kết cả cuộc đời thiền định của người tu hành:

Đừng tưởng thấy mất đi mà dòng Thiền bị tiêu diệt! Sống, chết là một quy luật tất yếu, nhưng nhờ sự giác ngộ chân lý bằng trực cảm tâm linh mà chân thân của nhà sư đã vượt khỏi cái vòng tử sinh luân hồi để đến chỗ rốt ráo, tự tại, chân như, thấy tất cả đều tính tịch, đều không vô. Tư tưởng chủ đạo của bài kệ kết tinh ở hai câu này: trong cái tàn lụi vẫn nảy sinh cái mầm của sự sống, của mùa xuân bất tận, của sự trường tồn vĩnh hằng. Đây là sự thống nhất trong mâu thuẫn, một tư tưởng khá uyên nguyên, thâm thúy của Thiền học Việt Nam.

(Còn nữa)

#### Chú thích:

(1),(2),(3) Đặng Thanh Lê "Trước tác kinh điển Nho giáo với Văn học Trung đại Việt Nam" và "Một số vấn đề phân tích ảnh hưởng văn học Trung Quốc đối với văn học Việt nam nửa cuối thế kỷ XVIII - thế kỷ XIX" trong sách "Đại sách giáo khoa thi điểm Trung học chuyên ban môn văn lớp 11" Ban KHXH. Những b Giáo dục, h, 1994.

(4),(5) Nguyễn Đình Chú "Một số vấn đề chung thuộc thời kỳ văn học Trung cận đại" trong sách "Đại sách giáo khoa thi điểm Trung học chuyên ban, môn Văn lớp 10 Ban KHXH Những b GD H. 1994.

(6) Từ điển tiếng Việt. Viện ngôn ngữ học. NXB KHXH. 1994

(7) Đào Duy Anh. Hán Việt từ điển, Trường Thi, Sài Gòn XB, 19

(8) Nguyễn Đăng Duy. Văn hoá tâm linh. NNB Hà Nội 1996 trang 4.

(9) Nguyễn Đăng Duy. tđđ. tr. 19

(10) Dẫn lại Phương Lưu. Tìm hiểu lý luận văn học phương tây. NXB Văn học. H. tr. 205.

(11) Nhiều tác giả. Từ trong di sản. bđ. NXB TPM. H1981 tr. 72

(12) Viện Văn học. Thơ văn Lý Trần t.1. NXB KHXH. 1977. trang 293.

# TIẾNG VỌNG THỜI GIAN

□ GIANG NGỌC THANH



\*Tháp Huệ Quang - Yên Tử, Quảng Ninh

Ảnh: Thích Giác Vũ

2 543 năm đã trôi qua, 2543 năm bánh xe Pháp không ngưng nghỉ. Thời gian cứ chuỗi chuỗi một chuỗi vô thường rồi thông dong tan biến vào cõi hư vô...

Ở dòng thời gian, sự nghiệt ngã của quy luật tạo hóa, cái này sinh ra, cái kia diệt, vòng đời dài ngắn, ngắn dài cứ ẩn, cứ hiện, như thực, như mơ cuốn theo biết bao những khát khao, ước vọng của thế giới loài người.

Hạnh phúc thay đạo Phật - bến thiện của mọi thời gian, sắc vàng bạc ái luôn lấp lánh khiêm nhường chẳng nhuộm bụi trần, mặc cho cái vô thường ngược xuôi, xuôi ngược.

Trải dài trên mọi miền đất cùng với nhiều dân tộc với các nền văn hóa khác nhau, đạo Phật, tư tưởng từ, bi, hỷ, xả xuất phát điểm từ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni luôn đồng hành với họ, những Phật tử thuần thành luôn sẽ chia tình đồng loại qua lời kinh tiếng mõ để họ sống có

ích cho đời, cho mình, cho chính dân tộc họ. Văn hóa Phật giáo chất chiu hình thành, ngày càng hoàn thiện và trở thành những biểu tượng bất diệt vừa độc lập vừa hòa đồng với chính truyền thống văn hóa của dân tộc đó, xây nên những mạch nguồn đạo đức trong sáng và cao thượng.

Thời gian, không gian cứ tan loãng vào vũ trụ, chày kinh tiếng mõ cũng thùng thảng, khoan thai điểm vào thời gian, tạc vào không gian cái đạo lý ở đời, để mỗi người, mỗi đệ tử Phật soi rọi hằng ngày để rồi tự tỉnh tấn.

Giáo lý Phật giáo - Chân lý ấy luôn ôm ấp một niềm tin cao cả và một tình thương bao la rộng lớn. Ràng cũng là để cho con người sống thiện, tương thân tương ái, tránh mọi mê lầm. Ràng cũng là để cho quốc thái dân an, hòa bình, hạnh phúc.

Kể từ khi tiếng chuông đầu tiên được gióng lên từ trung tâm Phật giáo Luy Lâu, khởi đầu của kỷ nguyên Phật giáo ở Việt Nam cho tới ngày nay, Phật giáo đã cấu thành một bộ phận không thể thiếu trong đời sống xã hội.

Khi thư nhàn người giảng kinh, kẻ học đạo. Khi đất nước có nạn ngoại xâm họ cùng nhau giữ gìn bờ cõi. Các đại sư cũng không ngại xuống núi tham gia triều chính phò vua giúp nước. Tự hào thay những trang vàng lịch sử Đinh, Lê, Lý, Trần, các thiền sư Việt xưa đã đóng góp một phần không nhỏ trí tuệ vào sự nghiệp thái bình của đất nước.

Đất nước thanh bình các ông vua Lý, vua Trần uyên thâm đạo pháp ung dung bước vào cõi thiền cũng là để cống hiến cho dân tộc thêm một lần lễ sống từ một nẻo đường tu. Để tiếng chuông Phật pháp hơn một lần lại ngân nga lan tỏa từ các bậc đế vương. Để thiền phái Trúc Lâm Đầu Đà xuất hiện tự hội nhân quần chọn tìm phép an dân trị nước cảnh giới cho một vùng biên cương của tổ quốc.

Đã nhiều thế kỷ qua mỗi khi người Phật tử tụng kinh lần tràng hạt họ luôn nghĩ suy những điều Phật dạy, họ lãng lọc tâm trí để lòng mình thanh thản hơn để họ vững tin hơn với cuộc sống của chính mình. Để chính họ là tấm gương phản chiếu cho những cuộc đời sau.

Trong lòng họ không tham, sân, si vì họ có đạo. Họ sẵn sàng sẽ chia với kẻ nghèo khổ, xúc động trước những đau thương mất mát của đồng loại. Hơn ai hết họ chính là những tấm lòng khoan dung độ lượng tư tưởng mà đức Phật trước khi nhập Niết bàn Người luôn hoài niệm.

Đất Việt ta cũng như nhiều đất nước khác trên thế giới, cũng thăng trầm qua nhiều giai

đoạn lịch sử khác nhau. Chiến tranh, sự hủy hoại của thiên nhiên đã xóa đi nhiều chùa, tháp. Nhiều di sản văn hóa Phật giáo chỉ còn trong ký ức của người Phật tử.

Song tất cả vẫn sống động nguyên vẹn như thuở nào. An Nam Tứ đại khí sản phẩm của trí tuệ Phật giáo vẫn luôn tỏa sáng qua nhiều thế hệ. Tháp Báo Thiên, Chuông Quy Điền, Tượng Phật Chùa Quỳnh Lâm, Vạc Phổ Minh cùng hàng ngàn những tác phẩm kiến trúc, điêu khắc Phật giáo khác luôn là niềm tự hào và là những chứng tích lịch sử quý báu của dân tộc.

Dẫu rằng thời gian là nghiệt ngã, dẫu rằng cuộc đời còn nhiều trần trở nghĩ suy, tư tưởng của Đức Phật vẫn luôn soi rọi vào tâm khảm của mỗi con người, ở mọi nơi, mọi lúc. 18 vị sư tổ chùa Tây Phương còn đó. Người đứng, người ngồi, ngày đêm thả những dòng suy tư vào cõi hư vô, quán chiếu mọi sự ở đời, cứ như các Ngài đang thuyết pháp khi còn tại thế.

Từ đỉnh cao của pháp thiền, cùng với sự nhận thức, cảm xúc thực thụ đối với tư tưởng vĩ đại của Đức Phật, ông cha ta xưa xây dựng nên

hình tượng Đức Phật nghìn mắt, nghìn tay như một sự tổng kết, biểu hiện khát khao ước vọng của con người luôn khát vọng vươn lên đỉnh cao của sức mạnh, trí tuệ để khám phá vũ trụ, tìm phương tiện giúp đời thoát khỏi trầm luân...

Năm 2000 này, năm cuối của thế kỷ 20. Loài người trên hành tinh sắp bước sang một thiên niên kỷ mới - thế kỷ 21. Hành trang của những người con Phật cũng không ngoài gánh nặng giữa thiện và ác với sự khát khao vươn tới tầm cao của trí tuệ để loài người xích lại gần nhau hơn để trái đất này mãi mãi phủ một màu xanh, màu xanh của hòa bình hạnh phúc.

Đã hơn hai mươi thế kỷ qua, trải qua một chặng đường dài thử thách, đạo Phật trở thành một bộ phận không thể thiếu đối với lẽ sống đường đời. Đạo Phật - bến thiện của mọi thời gian, là phương tiện cứu cánh cho mọi mê lầm, là con đường dẫn đến Giác ngộ.

Trong tâm trí mỗi người Phật tử tiếng chuông, tiếng mõ luôn ngân nga, vang xa bất tận và sẽ còn vang vọng mãi thời gian.

#### NHU PHƯƠNG

### Cảm nhận thời gian

Mây bay bay tầng cao lồng lộng,  
 Những cánh chim đang rộng trời xa.  
 Ngọn cỏ cây hoa lá mượt mà,  
 Mặc trận nắng, tuôn mưa xối xả.  
 Tiếng sóng vỗ âm vang biển cả,  
 Đã nghe mùa lạnh qua dần.  
 Đổ đồng tàn, thoảng hơi ấm gió xuân  
 Lá vạn vật hèn cùng thay áo mới.  
 Ngày tháng cứ trôi, dù ại tiếc nuối.  
 Lộp trề hân hoan, sôi nổi vào đời,  
 Về từ tin, ánh mắt rạng ngời!  
 Đời là thế! kẻ cười, người khóc.  
 Khi hoạn nạn, lúc khổ đau cùng cực,  
 Dễ tin theo bọn "buddh Phật, bản Thần".  
 Chúng phao đồn ngày tận thế đến gần,  
 Hù dọa trần nước dâng hồng thủy.  
 Năn cái gọi "Hội Long Hoa" nào đó,  
 Gây hoang mang, lôi kéo kẻ u mê.  
 Không ít người chủ nghĩa bẽ bề,  
 Cũng háo chuyện hăm hồ, kỳ bí,  
 ám ảnh bước chuyển giao thiên niên kỷ.  
 Tấn trợ thêm những lời lẽ lạc lảm,  
 Một cho mình, gây nhiều cá xung quanh.  
 Thật dai dốt, tiếp tay phường bịp bợm!  
 Cũng chẳng thiếu kẻ chuyện ai dưng chuyện,  
 Mê hoặc, rần đe, khuấy động lòng người,  
 Phán thế này, thế nọ, đoán tương lai,  
 Rằng Năm Hai Ngàn báo đày diêm gờ!  
 Nào trên cao tầng ở đồn thủng lỗ,  
 Mặt đất lủ trùn, bão tố, cuồng phong,  
 Rừng cháy liên miên, đất chuyển hải hùng,  
 Núi lửa phun trào, sóng thần hung dữ,  
 Những vùng rộng đang trở thành hoang phế.

Bởi nhiệm ở phóng xa, cận đầu loang,  
 Ngập rức thái tử nhà mây, nhà hương;  
 Đại dịch "ét" (AIDS) tràn lan dễ sợ;  
 "Y hai ca" (Y2K) ngập bao công của...  
 Độ phải chăng là thành quả văn minh  
 Của loài người ưu việt, tinh anh?  
 Làm dốt nát Ngôi Nhà Chung mà ngỡ rằng tiến bộ!  
 Khiến tai ương ngày thêm tấn tề,  
 Lại cho là cơn giận của Thánh Thần;  
 Lay lục, khẩn cầu ngẫu tượng lằng nhằng!  
 Ai cũng biết,  
 Mốc thời gian do con người đặt định  
 Để tiện dùng, không chứa diêm bất hạnh.  
 Bọn "kao tâm linh" lợi dụng để làm tiền,  
 Chúng khoác thêm những luận điệu hoang truyền,  
 Nhảm đoạ nát kẻ yếu hèn, nhút nhát.  
 Nếu như cây số chẳng làm ai sợ hết,  
 Thì "Hai Ngàn" chỉ là mốc đặt cho năm,  
 Dầu mắt công tử rần, yê rống,  
 Cũng không thể biến nó thành ngoáo ộp.  
 Thế thì có gì đâu mà phải khiếp!  
 Nên nhớ rằng như bóng tiếp kế hình,  
 Hạnh phúc đến liền theo nghiệp - duyên lành.  
 "Duyên" là mối tương quan chấp chững, chẳng chịt,  
 Dầu ai đó cũng khó hông sai khiến được.  
 Còn "nghiệp lành" là những việc làm lành  
 Mà con người là chủ thể thực hành.  
 Đừng ảo vọng ở Pháp Linh nào nưai  
 Hãy quay về chính mình mà nương tựa!  
 Chớ để lòng tham ngự trị cuộc đời!  
 Khéo thuận theo quy luật của đất trời  
 Và chung tay vun bồi  
 Cho Hạnh Tinh Xanh đời dào sức trẻ,  
 Cho mỗi độ xuân về xôn xao trước ngõ  
 Lại được ngắm nhìn Về Đẹp Sự Sinh Sôi.

Hà Nội, một sớm mùa đông  
 Kỷ Mão - PL 2543-1999

# ĐÔI ĐIỀU CẢM NHẬN VỀ ĐỨC TIN

□ LƯU VÔ TÂM

**C**on người ta, do tin vào các công thức, thành quả khoa học, hệ thống công nghệ, khí cụ, máy móc thiết bị v.v...

Làm phương tiện nghe, nhìn, và tư duy mới tin được những việc chưa làm, những nơi chưa tới, những mùi vị âm thanh chưa nếm, chưa nghe. Như tin có các tầng khí quyển, tin có tầng điện ly, tin có khoảng không bao la cách mặt đất hàng 100 km trở lên thì như là chân không và tối đen thăm thẳm, rồi tin vào trái đất hình cầu dạng elíp và quay quanh trục của mình và lại quay quanh mặt trời v.v... và v.v...

Đó chính là "nhân" tin mới có "quả" hiểu biết như thế. Cũng vậy, mọi người tin vào nghĩa kinh, ý kinh trở tới, bởi kinh Thánh là những lời chỉ dạy của các bậc Thánh nhân. Họ là những bậc có đức hạnh tuyệt luân, có tuệ giác siêu quần, công đức trọn vẹn, hoàn toàn thân - khẩu - ý đều là những bậc "vô ngã vị tha", "cứu nhân, độ thế" mà giấy mực của thế gian không đủ lời để tán thán. Dựa vào tuệ giác của con người mới có thể tin hiểu vào những điều chưa rõ, những nơi chưa tới, những việc chưa làm. Như hiểu rõ ba thời, tin có các tầng trời, có ba cõi, có nhân quả, có luân hồi nghiệp báo, lại tin có Niết Bàn - Giải thoát và đặc biệt tin vào những cách thức, phương tiện để đi từ thấp lên cao, từ cõi khổ tới nơi đoạn tận khổ chỉ có vui, từ chỗ ngu muội tới chỗ thấy, biết, hiểu hoàn toàn sự sự, lý lý của vạn hữu ba thời... Do tin hiểu được như thế, cho nên mọi người cảm tạ công đức của Chư Thánh, lại háng hái quyết tâm hành trì bên bị các phương cách đã được dạy truyền, một mặt tự nâng mình lên cả đức - trí, một mặt không quản ngại khó công đức giúp đời ngày thêm lành mạnh, yên vui. Rồi đạt được điều quý hiếm bậc nhất: Thân còn là phàm nhân mà trí hiểu và sự thấy biết của bậc Thánh.

Đó chính là "nhân" đức tin mới được "quả" công đức nhường ấy. Bởi thế, có ít phương tiện nghe nhìn, thì sự thấy biết ít; có nhiều phương tiện đại nghe nhìn, thì sự thấy biết cao hơn.

Cũng vậy, đức tin thấp mông giản đoạn, thì chẳng đạt được công đức nào đáng kể. Đức tin càng cao, thì công đức càng lớn, có thể thấy biết và làm được những việc phi thường.

Tin là tin, là tin ở mình (tín lực), tin ở ngoài (tín tha), tin ở nhân, tin ở quả, tin ở sự, tin ở lý. Thế nào là tin ở mình, tin ở người, tin ở nhân, tin ở quả, tin ở sự, tin ở lý? Điều này chắc mọi người đã rõ cả. Chúng tôi chỉ muốn nhắm tới một điều duy nhất, đó là: Tin Phật là đấng Toàn Trí, là đấng Toàn Bi và là đấng Đại Năng, là thầy thuốc ưu tú nhất của ba cõi, là bậc đạo - sư - vô thượng của muôn loài...; đó là tin mình có sẵn đủ Phật tính - như lời Phật dạy để "tự tin mình sẽ thành Phật" mà "lập chí muốn thành Phật" rồi "tự nguyện sẽ thành Phật" để dồn hết tâm lực "tu hành thành Phật" (Tin - Nguyện - Hành).

Điều chúng tôi muốn đề cập, là các bậc độ đức tin.

Khi kiểm lại chính bản thân mình, cùng một số người quen biết, chúng tôi thấy rằng: Có tới gần bảy năm, từ khi biết đạo Phật, biết về Đức Phật, tự quy - y Tam Bảo và phát nguyện tu - hành, độ mình và độ người.

Nếu không tự ý, tự phản tỉnh, tự nhìn nhận để tự giáo dục chính bản thân mình (khắc kỷ) thì chẳng có một sự tinh tiến thực sự nào cả. Như vậy, làm sao có thể coi là người có nhân đức được mà dám nhận! Lại nữa, đi từ sự hiểu biết sâu rộng và nhận thức đúng đắn mới có được những ý nghĩ Chân thiện, rung cảm Chân thiện rồi hành thiện là cả một quá trình đào luyện gian khổ. Đâu cứ học rộng biết nhiều là có ngay được điều đó. Các bậc tiền nhân xưa đã nêu ra lời khuyên dụ: "Học Bác, Thuyết Chính" là ở cái nhẽ như vậy. Những người đã nghiêm túc tu - học thì quá rõ sự đó. Và cũng đều thấy rằng, quả là trong việc dẫn đạo "Kỳ, nhất là kiến văn tư mà dẫn chứng", trong việc tu - tập thì "đầu óc tư lương phản biện còn làm chướng ngại cho đạo hơn răn dạy, hơn hổ dữ"

là một thực tiễn sống động không thể chối cãi. Vậy nên mọi người hãy chuyên chú vào thực hành "Thập thiện" mọi nơi mọi lúc, trong ý nghĩ, lời nói, việc làm khi biết tới điều đó, cho tới khi dứt hơi thở ở đời này. Làm được như vậy, là quý hiếm lắm.

Vậy nên, chúng ta phải tự lo cho mình trước nhất cái đã. Khi chú tâm, thành tâm, không gián đoạn miệt mài tu học đúng pháp, có được sự tinh tiến nhất định, tự khắc ta không những tự giúp được mình mà còn giúp được nhiều người thực thụ. Tránh đi cái nạn "thừa thầy thiếu thợ" như hiện nay ở Việt nam, cũng như trong bốn đạo.

Những người có tâm huyết với dân tộc, với đất nước, với bốn phật đạo, với loài người, đều rất dỗi lo ngại trước những căn bệnh của xã hội, của con người. Một trong những căn bệnh trong đó, là thực tế những thái độ sống (chiếm khá đông) đang gặm nhấm đức tin và đe dọa hạnh phúc của con người, gia đình và xã hội - hiện nổi lên cuốn cuộn như thác, như lũ. Đó là:

Thối sống ích kỷ, kiêu ngạo, thiếu quan tâm tới người khác

Sự tôn thờ tiền bạc, quyền lực, danh tiếng thái quá

Sự coi thường các giá trị đạo đức, làm mất các giá trị tình cảm tốt đẹp của đời sống v.v...

Căn bệnh này, nguy hiểm ở chỗ, nó len lỏi ở khắp mọi nơi, vì vậy cần phải tập trung chữa trị nếu không, thế giới này, con người sẽ tự nhấn chìm nhau trong tranh giành, thù hận đố kỵ, mặc cảm v.v... Là người Phật - tử, chúng ta soi lại xem còn chút chi dính dáng tới căn bệnh đó không, dù là nhỏ nhất cũng phải ra công mà dứt trừ để thanh tịnh thân tâm mình.

Khoa học càng phát triển, càng minh chứng cho những lời Phật dạy là chắc đúng hoàn toàn. Tất cả những nỗ lực của con người, những thành quả của công nghệ, khoa học tiên tiến tinh vi v.v... Xét cho cùng đều chỉ là những phương tiện phục vụ cho việc thấy, biết, hiểu của con người để quay lại phục vụ cho hạnh phúc của con người. Ta chỉ xét riêng về mặt



• Lòng thành

Ảnh: Tuấn Hải

xuống sâu, nhìn xa, trông rộng, hiểu biết của tất cả những thành tựu đó cho tới nay, thấy sao mà quá thấp kém vậy. Mới là một hạt bụi so với cả trái đất này, một giọt nước so với đại dương trí tuệ của Phật quả. Chúng ta tin Phật, nương theo giác độ thấy biết của Chư Phật, nhìn thông cả ba thời, tỏ cả ba cõi và toàn bộ sự sự, lý lý của vạn hữu hình, vô hình, hữu tình, vô tình. Mà không dừng tại đó, nương theo các phương cách Chư Phật, Chư Tổ chỉ dạy, chúng ta tu thân, tu tâm, tổn dưỡng tính, minh tâm kiến tính. Mà hiện tại thì được thư thái, an bình, ít bệnh, yêu người, giúp người, nên được người mến người tin. Cao lên, những ai tu tập đúng pháp, tinh tấn thật sự, thì sự tự thấy, tự biết, tự hiểu cũng được tăng cao ngoài sức tưởng tượng. Phàm những ai tu Thiện, hành Thiện đúng pháp, sau một giai đoạn nhất định. Tự rõ được điều đó. Không những thân thể khỏe mạnh, gần như vô bệnh tật, mà sự thấy biết và kể cả một số khả năng phi thường xuất hiện. Ví dụ như kinh nghiệm thu được sóng các loại, kể cả sóng từ não bộ con người, thu nhận được các dao động tâm linh của các loài (Ta hiểu tựa như những dao động của sóng điện, từ trường và sóng cơ học), sau nhiều lần có thể kinh nghiệm được các dao động đó (bởi các loài có các dao động tâm linh, tín hiệu trao đổi thông tin khác nhau). Từ đó hoàn toàn hiểu và tin con người có tầng thức, tức thức thứ 8, tức A - Đà - Na thức, tức A - lại - Da thức mà các dao động đó nằm trong biểu A - lại - Da thức,

trong đó các thức chuyển biến.

Vậy nên, nếu mỗi người, cũng đón công, đón sức, đón trí vào việc tu - học chính đạo như đã đón cộng, đón sức, đón trí vào các viện mưu sinh, các việc nghiên cứu khoa học, chế tạo các máy móc, phương tiện v.v... thì cả loài người này đã thành Hiền, thành Thánh cả thầy, khò nhọc công mưu sinh, danh lợi. Thế nhưng nhọc công mưu sinh danh lợi đến thế mà có đạt được hạnh phúc tương đối đâu, đức Phật đã khẳng định với mọi người một ý: Lòng công mà nhiều bằng lòng tư thì việc gì chẳng làm được. Niệm Phật mà thật lòng theo Phật thì thành Phật nhiều rồi! Vậy, là những người tự nhận, tự nguyện, tự xưng là con Phật, chúng ta suy nghĩ và hành động như thế nào đây để thực tỏ lòng ăn năn hối lỗi với sự non kém đức tin và thường xuyên phạm lỗi của mình - Cái lỗi như điều răn của Thánh giáo đạo Hồi đã cảnh báo: "Có hai điều không bao giờ mày nên tới gần: đó là sự sùng bái Chúa A - La để cầu lợi và tội ác đối với đồng loại của mày". Liệu chúng ta đã vĩnh viễn xa lánh được điều đó trong ý nghĩ, lời nói, việc làm hàng ngày hay chưa?

Cũng vì đức tin non kém và thấp mòng, mà cho tới những năm cuối cùng của thế kỷ 20 này, con người chúng ta vẫn cứ luẩn quẩn quanh chân mình, quanh sân nhà mình. Cứ yêu cầu cái chi cũng phải mắt thấy, tay sờ, ấy vậy mà mắt thấy rồi, tay sờ rồi cũng có đúng đâu. Thấy sự tương ứng mắt thấy, tay sờ giữa con người với trái đất, cứ tưởng trái đất là mặt phẳng và đứng yên, trong khi nó hình cầu và quay vùn vụt. Vậy nên rất ngỡ ngàng khi được nghe lý giải rằng do nghiệp lực tương ứng giữa con người với trái đất nên con người mới có cảm giác vững vàng khi đi trên bề mặt cong và đang quay, đang chuyển động với tốc độ nhiều ngàn km/giờ. Cũng như vậy đối với các loài khác, như con cá tương ứng với nước, con chim tương ứng với hư không. Tức là ta cũng vật nường về trái đất. Vậy trái đất nường về đâu mà tồn tại? Trái đất ở trong thái dương hệ, nên quay xung quanh mặt trời, nường về mặt trời. Thái dương hệ là một tiểu thiên thể giới nối trong kinh và quay quanh gương trục là núi Tu - Di Sơn. Có điều, núi Tu - Di được kết tập thành do những quang minh khá vi tế, nên mắt thật không nhìn thấy.

Theo như nhân định chung của nhiều người,

cho rằng chúng ta sinh ra trong thời mạt Pháp, xa thời Phật tại thế, nên số thượng căn, thượng trí, cực hiếm, số trung căn cũng rất hiếm, đa phần là hạ căn, hạ trí. Từ đó thiếu tự tin là mình sẽ tinh tiến trong tu - học ở đời, do vậy sự nỗ lực, cố gắng không cao. Nếu đây là một thực tiễn, thì đáng tiếc thay.

Trong cuộc sống, không ai sinh ra là đã có đủ mọi phẩm chất và năng lực. Đều phải tuân tự đi từ thấp đến cao, đi từ cạn đến sâu. Do kiến tâm, vững trí tu - học mà từ chỗ hiểu ít, hiểu cạn, tới chỗ hiểu rộng, hiểu nhiều; do bền bỉ thực hành nên từ chỗ thô kệch, bệnh hoạn tới chỗ thanh sạch, an thiên. Do bền bỉ như vậy mà từ hạ căn ta tinh tiến tới trung căn, từ trung căn ta tinh tiến tới thượng căn, đồng bậc với chư vị đại đức, đại hạnh trong đời. Đúng như câu nói rất dễ hiểu, rất thực tiễn của Cụ Hồ Chủ Tịch khi trước: Thực hành - hiểu biết, lại thực hành - hiểu biết nữa... nội dung của thực hành và hiểu biết lần sau cao hơn lần trước... Đó là quan điểm biết và làm thống nhất... (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6 Tr. 46) từ đó mà tinh tiến dần lên.

Vì tin rằng chúng sinh sẽ tinh tiến dần lên nhờ tu - học mà đạt quả Niết - Bàn, giải - thoát, nên Chư Phật mới xuất hiện ở trần thế mà chỉ ra vô số con đường đi tới đích đó và dày công phương tiện dạy truyền.

Vậy chúng ta hoàn toàn có đủ mọi cơ sở để tin rằng nếu bền bỉ, nghiêm mật tu - học, ngay trong đời này chúng ta có thể thành tựu. Quả đức tin, nhân đức tin là nguồn cội của mọi công đức trong đời. Đúng như đức Thế Tôn đã truyền dạy "Tin là mẹ của muôn vạn công đức".

Tóm lại, nếu không có đức tin to lớn, để khởi lên một hoài bão làm lẽ sống, làm động lực cực mạnh bên trong, thì không thể có đủ dũng khí để vượt qua những khó khăn, trở ngại trong cuộc sống, cũng như không thể có đủ khí phách để vượt lên trên những đổ kỵ, hiểm khích ở đời để mà tu - học. Đó chính là nhân quả của đức tin, cũng chính là phép nhiệm màu "bất khả tư nghì" của nhân đức tin to lớn trong đời này.

Xin kính chúc và cầu nguyện cho tất cả mọi người tu - học đều tinh tiến và đạt được sự an nhiên tự tại tức là đạt tới cực lạc ngay tại trên đời này.

# KHỔ VUI

## TRÊN CỎI ĐỜI NÀY

□ LINH CHI

Thiên hạ đua nhau nói khổ vui

*Có chí là khổ có chí vui*

*Vui trong tham dục, vui là khổ*

*Khổ để tu hành, khổ ấy vui*

Khi đã biết sống trên đời này là khổ thì cũng phải biết đau khổ không phải của riêng ai mà của chung toàn bộ chúng sinh trên cõi đời này đồng thời phải nhận thức được rõ đau khổ từ đâu tới ?

Theo Phật pháp, chúng sinh trên cõi đời này phải chịu đựng đau khổ là bởi vô minh, đó là vòng luẩn quẩn sinh tử luân hồi đầy ta từ kiếp này sang kiếp khác. Đó là do sức mạnh nghiệp lực của mọi người. Đời người, khổ nhiều vui ít, người có chút thông minh tự hỏi : Tại sao con người lại sinh ra đã sinh ra trong thế gian lại phải chịu bao đau khổ ?

Theo Trần Thái Tông, con người ta sợ đi đau khổ là vì chạy theo 6 căn hướng ra ngoại cảnh, chạy theo dục lạc vật chất, phạm các tội ác nên phải chìm đắm trong luân hồi.

Ông khuyên con người nên hướng về nội tâm để đạt tới sự bình tĩnh sáng suốt của

nội tâm. Con người có nội tâm sáng suốt sẽ không bị ngoại cảnh chi phối, nắm biết được ngoại cảnh, chi phối, khắc phục được ngoại cảnh.

Con người muốn tránh khổ nhưng khổ vẫn bám lấy, muốn vui lại chẳng biết trồng nhân vui, sợ khổ mà vẫn tạo nhân khổ, đó là vô minh

*Biển khổ mệnh mong sóng  
ngút trời*

*Khách trần chèo một  
chiếc thuyền trôi*

*Thuyền ai ngược gió, ai  
xuôi gió*

*Ngoảnh lại cùng trong  
biển khổ trôi.*

Khổ là do con người khao khát dục lạc, do con người buông lung phóng dật, cho nên đức Phật dạy phải luôn luôn giữ các căn, không để tai, mắt thấy và nghe những điều bất chính, đừng để miệng chạy theo sự thèm khát còn thân thì không được đua đòi xa hoa, chạy theo các trần say đắm vào dục lạc.

Sinh, già, bệnh, chết là những quy luật tự nhiên xảy ra trong đời này không ai tránh khỏi. Thế mà những kẻ ít hiểu biết khi thấy xảy ra những sự việc ấy thì hoang mang sợ hãi.

Kẻ hiểu biết thì suy nghĩ không phải chỉ có mình ta phải bệnh tật già chết mà tất cả các loài hữu tình hễ có sinh là có diệt. Đó là quy luật tự nhiên, nên họ không sầu não khổ đau. Họ được xem như những người đã nhớ được mũi tên sáu muợn có tâm thuốc độc mà người thế tục vô trí thường bị bắn

trúng. Pháp ở trên thế gian này là tương đối cũng như khổ và vui, họa và phúc. Trong họa có phúc trong phúc có họa, nên người trí luôn luôn sống bình tâm, sát kế với thịnh suy họa phúc họ không hề động tâm.

Đức Khổng Tử và các đệ tử bị vây hãm bảy ngày mà không lương ăn nhưng Ngài vẫn tươi cười, chơi đàn như không có gì xảy ra. Từ cổng hỏi: "Tại sao thấy gặp hoàn cảnh sống như vậy mà không lo buồn?" Ngài đáp: "Không bao giờ buồn việc gì ta cố gắng hết sức mà xảy ra như vậy là mệnh trời, buồn rầu, thương tiếc phùng có ích gì?" Trong trường hợp khác, Ngài nói: "lúc chưa đạt cái chí của mình thì người quân tử vui ở cái chí của mình, lúc đã đạt được thì vui ở chỗ được, cả đời lúc nào cũng vui không một lúc nào buồn ! kẻ tiểu nhân thì không thế, khi chưa được thì lo không được, khi đã được rồi thì lại sợ mất cái đã được, bởi vậy chỉ lo suốt đời không một ngày nào vui.

Theo Phật pháp, lo buồn vui khổ cũng tương tự như vậy. Sự ham muốn lệ thuộc vào ba cái khổ chính:

1. Khổ để đạt đến điều mình muốn
2. Khổ để giữ điều mình đã được
3. Khổ khi điều mình có mất đi

Phật dạy càng ham muốn càng khổ não. Ham là tham, không phải là thoả mãn ham muốn thì ham muốn chắm



dứt. Hễ còn cùi thì còn chấy, ham muốn được toại nguyện, thì ham muốn càng lớn, túi tham vô đáy, thấy thiếu món này lại thấy thiếu món khác, rồi thêm thương khao khát mãi, nên cái khổ luôn luôn đeo đẳng với người tham.

Mình làm được bao nhiêu thì hưởng bấy nhiêu, ai giàu mình không so đo, mình nghèo đói, không buồn tủi là luôn vui.

"Phú quý thì xem nó như thứ phù vân, đã không cần đến nó thì lo gì nó mất đi. Nên tấm lòng người quân tử mãi mãi thanh thản, thênh thang có một niềm vui suốt đời, không ngày nào u sầu cả" (Khổng Tử).

Đức Phật không phủ nhận có hạnh phúc trong cuộc sống khi nói cuộc đời có những khổ đau. Ngài chấp nhận có những hình thái khác nhau về hạnh phúc cả vật chất lẫn tinh thần. Trong kinh *Tăng nhất bộ* (Nikaya), một trong năm tạng kinh nguyên thủy bằng tiếng Pali, có những bài thuyết pháp của Phật nói lên hạnh phúc của đời ân sĩ và hạnh phúc về cuộc sống gia đình, về khoái lạc giác quan, hạnh phúc của sự từ bỏ thế tục, hạnh phúc vật lý và hạnh phúc tâm linh. Nhưng tất cả đều bao gồm trong Dukkha (khổ). Một cảm giác hoan lạc, một hoàn cảnh hạnh phúc không bao giờ trường cửu bất diệt, sớm hay muộn có sẽ thay đổi, nó sẽ phát sinh đau khổ.

# LỊCH SỬ PHẬT GIÁO VIỆT NAM

## QUA MỘT SỐ TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

□ PTS. NGUYỄN THỊ QUẾ

Phật giáo đã hiện diện trên thế giới chúng ta gần 26 thế kỷ. Tài sản Phật giáo mà chúng ta đang có ngày nay (Đại Tạng Kinh) là nhờ công lao kết tập và gìn giữ của các thế hệ cha ông từ sau khi đức Phật nhập Niết-bàn. Chúng ta có kinh sách để học tập, tu trì đầy đủ như hiện nay là một điều may mắn lớn lao. Dẫu đạo Phật không chủ trương văn tự, dẫu cả một đời hoàng Pháp, Đức Phật nói rõ cuộc Ngài chẳng thuyết một lời... thì đối với đại chúng những thế hệ sau vẫn phải nhờ phương tiện văn tự mà đảm bảo cho lời Phật dạy không bị mai một, để những chúng sinh càng xa thời Phật đản sinh, căn cơ thấp thỏi vẫn có cơ duyên tìm về bản tâm thanh tịnh của mình.

Khi đạo Phật từ Ấn Độ theo hai dòng Bắc truyền và Nam truyền toả đi thì các quốc gia phương Bắc và phương Nam của thế giới này cũng bắt đầu đón nhận đạo Phật với những cách riêng của mình, theo thuần phong mỹ tục, bản sắc riêng của mình và tạo thành những quốc gia Phật giáo với những

tên gọi mà ngày nay đã trở nên quen thuộc: Phật giáo Trung Quốc, Phật giáo Nhật Bản, Phật giáo Triều Tiên, Phật giáo Việt Nam, Phật giáo Sri-lan-ca, Phật giáo Lào, Phật giáo Thái Lan, Phật giáo Myanmar, Phật giáo Campuchia, v.v...

Thế rồi với sự phát triển của xã hội, sự thăng trầm của lịch sử mỗi dân tộc, Phật giáo ở mỗi quốc gia này qua thời gian cũng có một lịch sử của riêng mình. Những người tâm huyết với vốn văn hoá dân tộc đã tự nguyện nhận về mình bốn phận tìm về ngọn nguồn đích thực của dòng chảy đạo Phật nước mình mà tạo nên những công trình nghiên cứu lịch sử Phật giáo làm tài sản cho đời sau. Ở nước ta, công cuộc nghiên cứu lịch sử Phật giáo Việt Nam cũng không nằm ngoài tình tạng chung đó. Đối với mỗi người Phật tử chúng ta trong quá trình tu học, ngoài việc nhớ nghĩ tới đức Bản sư Thích ca Mâu ni đều thấy không thể thiếu hiểu biết về dòng chảy Phật giáo của đất nước để thêm tinh tấn, tự hào. Bởi vì trên thực tế 20 thế kỷ qua, những điều mà Phật giáo Việt Nam làm được để tạo dựng nên một Phật giáo

Việt Nam như hiện tại thực sự không thua kém với các quốc gia Phật giáo bạn. (1)

Trong kho tàng văn hoá chung của dân tộc Việt Nam mà nếu ta hình dung nó như một thư viện đồ sộ, thì đó đây chúng ta dễ dàng tìm thấy những tác phẩm trong đó chứa đựng những tư liệu quý về Phật giáo Việt Nam. Từ khi các nhà bác học Việt Nam đi tiên phong trong công việc viết sử dân tộc như Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú với "Đại Việt thông sử", "Lịch triều hiến chương loại chí", v.v.... Phật giáo Việt Nam đã được nhắc đến trong lịch sử nước nhà như một bộ phận, một thành phần; như một chương sách trong một tập sách. Trên thực tế, Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến đương đại đã thịnh suy, thăng trầm cùng với vận mệnh dân tộc, cùng với lịch sử đất nước Việt Nam và góp phần không nhỏ trong công cuộc dựng nước và giữ nước. (2)

Từ khi Phật giáo du nhập vào đất nước này, nhất là từ khi có sự truyền bá về tông phái và sự phát triển hệ phái, tuy chưa hẳn đã có ý thức viết lịch sử Phật giáo Việt Nam, nhưng các vị sư lãnh đạo Phật giáo Việt Nam qua các thời kỳ đã ghi lại rất nhiều Thiên Phả, lịch sử các chùa, tiểu sử các chư tăng đạo hạnh, sự truyền thừa của các tông phái, v.v.. mà sau này đã trở thành một cơ sở quý báu cho người

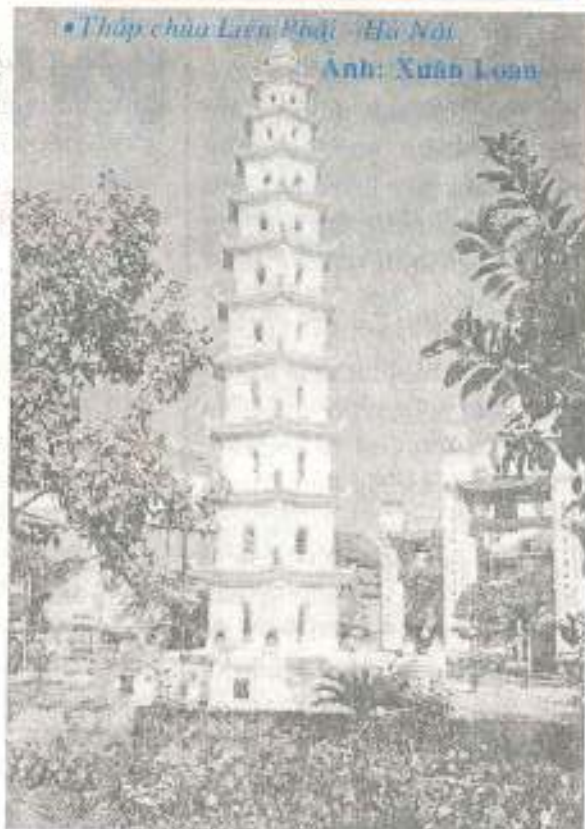
viết sử.

Sau sự xuất hiện đầu tiên của công trình khuyết danh "Phật giáo Nam lai khảo" trên tờ Nam phong số 128 vào năm 1928, người phát khởi công cuộc viết lịch sử Phật giáo Việt Nam Trần Văn Giáp đã trên cơ sở những tài liệu trên đây và nguồn tư liệu tiếng Trung Quốc, tiếng Tây Âu mà hoàn thành công trình "Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến thế kỷ XIII". Đó là luận án Cao học của ông công bố tại Pa-ri năm 1932. Với công trình này của Trần Văn Giáp, Phật giáo Việt Nam được người ta biết đến một lịch sử thật phong phú và độc đáo mặc dù mới chỉ dừng lại ở thế kỷ XIII. (3)

Hơn mười năm sau, năm 1943, Hòa thượng Thích Mật Thế cho công bố công trình "Việt Nam Phật giáo sử lược" mà sau đó vào năm 1969 được tái bản tại Nhà xuất bản Đà Nẵng (Huế), và năm 1966 tái bản tại Hà Nội. (4) Công trình của Hòa thượng là cuốn lịch sử đầu tiên của Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến những năm đầu của thập kỷ 40. Nó

• Tháp chùa Liên Phái - Hà Nội

Ảnh: Xuân Loan



đã "Thể hiện một nỗ lực tổng hợp tất cả tư liệu Phật giáo cho tới thời ấy" (5) và trở thành tài liệu tham khảo quý cho giới nghiên cứu khoa học xã hội Việt Nam nói chung và nghiên cứu lịch sử Phật giáo nói riêng.

Vào thập kỷ 60 một số phát hiện về tư liệu Phật giáo của những nhà khảo cổ học Việt Nam đã được công bố, trong đó đáng chú ý là bài nghiên cứu của giáo sư Hà Văn Tấn "Về một cột kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa Lư". (6) Tác phẩm "Lịch sử Phật giáo Việt Nam" của Minh Tuấn và Chánh Trí cũng được xuất bản ở Sài Gòn trong dịp này đã góp phần làm cho phong trào nghiên cứu lịch sử Phật giáo được động viên, khích lệ hơn.

Nhưng rồi cũng phải đợi đến năm 1974, Phật giáo Việt Nam mới có được một công trình tầm cỡ và tương đối đầy đủ về lịch sử của mình. Đó là công trình nghiên cứu của Nguyễn Lang với Nhan đề "Việt Nam Phật giáo sử luận". (7) Năm 1974, công trình được xuất bản tập I ở Sài Gòn. Tới cuối năm 1978, cả hai tập được ra mắt bạn đọc và "đã hầu như có mặt trong đời sống học thuật của giới nghiên cứu trong nước, Bắc cũng như Nam". (8)

Công trình của Nguyễn Lang ngoài việc tiếp thu những thành quả nghiên cứu của các tác giả đi trước như Trần Văn Giáp, Thích Mật Thể, đã được bổ sung thêm một số tư liệu liên quan tới Phật giáo mà ngành khảo cổ học Việt Nam mới phát hiện trong thập kỷ 60 cùng những tài liệu về Phật giáo Trung Quốc có quan hệ với Phật giáo Việt Nam trong tiến trình lịch sử. Mặt khác, trong khi khảo sát và dựng lại bức tranh Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên tới thế kỷ XIX, thái độ của ông đối với những tài liệu cơ bản của Việt Nam vừa thận trọng, vừa khách quan, không dập khuôn theo những ý định sẵn hoặc theo ý người khác đã nói. Đôi khi ông còn biết tìm ra tiếng nói riêng của những tư liệu xưa cũ có khả năng thông báo một vấn đề nào đó (người khác chưa thấy) mà ông bất ngờ nắm bắt

được. Về thời điểm xuất hiện Phật giáo ở Việt Nam - một đòi hỏi, một khó khăn mà cũng là một tồn tại hiện chưa được thống nhất ý kiến. Ông đã cố gắng, bằng lý luận có tính logic của mình chứng minh rằng: Trung tâm Phật giáo Luy Lâu của Giao Châu (Việt Nam thời cổ) đã hình thành và phát triển trước trung tâm Phật giáo Lạc Dương và Bành Thành của Trung Quốc thời cổ. Trong khi đó, tác giả lịch sử Phật giáo Trung Quốc cho rằng: Phật giáo Ấn Độ tới Trung Quốc chính thức vào năm 67 Dương lịch. (9) Từ đó có thể hiểu rằng Phật Giáo tới Việt Nam còn sớm hơn nữa theo chứng minh trên đây của Nguyễn Lang. Có nghĩa rằng, có khả năng Phật giáo có mặt ở Việt Nam còn sớm hơn thế kỷ I và II sau Công nguyên như trước Nguyễn Lang người ta vẫn quan niệm có thể vào "tiền bán thế kỷ thứ nhất"(10).

Với những tác phẩm từ sau công trình khởi đầu của Trần Văn Giáp, công cuộc nghiên cứu lịch sử Phật giáo Việt Nam đã khẳng định được nhiều điều, nhưng cũng còn nhiều điều chưa được sáng tỏ do thiếu tư liệu và những cơ sở khoa học bổ trợ.

May mắn thay, năm 1975, nước nhà được độc lập và thống nhất. Vận hội mới của dân tộc đã đưa lại nhiều thuận lợi để phát triển cho tất cả mọi lĩnh vực

chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học kỹ thuật.... trong đó có Phật giáo, có công cuộc nghiên cứu lịch sử Phật giáo Việt Nam. Cùng với xu thế nghiên cứu khoa học đa ngành và liên ngành ngày càng phát triển của thế giới, những phát hiện khảo cổ học, những hội thảo khoa học chuyên ngành và liên ngành về lịch sử, dân tộc, khảo cổ, ngôn ngữ, v. v.... của Việt Nam đã đưa lại nhiều thành tựu đáng kể mà người ta có thể lấy kết quả nghiên cứu của một ngành này soi sáng một vấn đề còn vướng mắc một ngành kia. Nhờ đó, nhiều vấn đề chưa được giải quyết, chưa được thống nhất trong các lĩnh vực khoa học, trong đó có Phật giáo cũng được nhiều nhà khoa học xã hội lưu tâm thảo luận, chung sức phát hiện để đạt tới chân lý, góp phần thúc đẩy tinh thần mạnh dạn của những nhà nghiên cứu lịch sử Phật Giáo. Về điều này có thể kể đến tác giả của "Lịch sử Phật Giáo Việt Nam" Lê Mạnh Thát. Ông đã khởi công công trình của mình vào năm 1972 như ông bày tỏ. Công trình của ông viết về lịch sử Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến năm 1940, sẽ in thành 3 tập. Ông đã cho xuất bản tập I (Lịch sử Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến thời Lý Nam Đế) tại nhà xuất bản Thuận Hóa năm 1999.

Nếu nói đặc điểm nổi bật, của ông trong phương pháp luận để hoàn thành công trình của mình thì chúng ta phải nói ngay rằng ông đã sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử tổng hợp một cách triệt để. Tất nhiên, chúng tôi chưa thể và cũng không được phép vội vàng đánh giá chất lượng công trình của ông. Việc này là quyền của giới khoa học, của độc giả và thời gian sẽ trả lời. Nhưng việc ông đã sử dụng những kiến thức, những thành quả về mặt văn bản học, lịch sử, khảo cổ học, ngôn ngữ, dân tộc học, văn học dân gian, v.v... để giải quyết một số vấn đề khoa học của công trình là điều đã thu hút sự chú ý và trân trọng ngay từ đầu của người đọc. Mới chỉ là tập I (Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến thời Lý Nam Đế), ngay từ những trang viết đầu tiên, ông đã dũng cảm đi vào vấn đề đang còn nan giải nhất của lịch sử Phật giáo Việt Nam, đó là thời điểm xuất hiện của Phật giáo ở mảnh đất này. Bằng nhiều nguồn tài liệu phong phú: Anh, Pháp, Nhật, Đức, Nga, Hán cổ và Hán hiện đại, Hán Nôm và cả văn tự Phạn, Pali,.... ông chứng minh rằng: Phật giáo đã có mặt ở Việt Nam từ thời kỳ Hùng Vương thứ nhất và thứ hai, tức là khoảng thế kỷ II - III trước Công nguyên, (11) và người Phật tử đầu tiên của Việt Nam là Chử Đồng Tử.

Từ những nguồn tài liệu đa dạng, đã từng được các nhà nghiên cứu đi trước sử dụng, ông tìm tòi, bóc tách, liên hệ và so sánh để tìm ra cái lõi của vấn đề trong sự hội tụ của nhiều ngành khoa học xã hội chứ không đơn độc thuộc về một dữ liệu riêng của lịch sử hay ngôn ngữ, văn học hay dân tộc học. Và có lẽ lần đầu tiên, ông là người đã rút ra từ trong Lục Độ Tập Kinh những căn cứ để suy ra thời điểm sớm hơn nhiều những công trình đi trước về sự xuất hiện của Phật giáo ở Việt Nam. Điều ấy đã là chân lý chưa? Hoặc đã gần chân lý chưa? Chúng ta còn phải chờ đợi thời gian và sự tìm tòi của nhiều nhà nghiên cứu khoa học nữa. Nhưng trước hết cũng ghi nhận ở đây nhiệt tình khoa học, lòng dũng cảm và tâm nguyện chân thành của ông đối với lịch sử Phật giáo nước nhà rằng "Việc biên tập một bộ lịch sử Phật giáo Việt Nam trở nên cần thiết cho việc tìm hiểu lịch sử dân tộc ta"; rằng "Lịch sử Phật giáo như một bộ phận không thể tách rời lịch sử dân tộc Việt Nam" (12).

Đạo Phật với rất nhiều tông phái cũng chỉ nói một sự thật rằng: Mọi chúng sinh đều có thể thành Phật. Muốn ngàn pháp môn tu tập của đạo Phật cũng chỉ có một mục đích duy nhất đưa chúng sinh tìm về bản tâm chân thật, thanh tịnh vốn có của mình. Còn mọi khoa

học trên thế gian này cũng chỉ có một mục tiêu tìm về chân lý - sự thật lịch sử. Sự tìm kiếm trong đạo Phật (tu tập theo đạo Phật) giúp chúng ta hoàn thiện nhân cách con người; sự tìm kiếm trong khoa học giúp chúng ta hoàn thiện nhận thức về thế giới khách quan. Chắc chắn rằng, công cuộc nghiên cứu lịch sử Phật giáo Việt Nam trong sự tiến bộ của khoa học ngày nay sẽ ngày càng gần tới chân lý - gần tới sự thật lịch sử của mình.

#### Chú thích

(1). Hòa thượng Thích Thanh Từ. *Tam tạng Trúc Lâm giảng giải*, Thiền viện Thường Chiếu ấn hành. TP. Hồ Chí Minh, 1997, tr. 5-7

(2). Lê Mạnh Thát. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập I. NXB Thuận Hoá, 1999, tr. 3

(3). Trần Văn Giáp. *Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến thế kỷ XIII*. Trong cuốn: "Nhà sử học Trần Văn Giáp". Nhà khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 31 - 174.

(4). Hòa thượng Thích Mật Thể. *Việt Nam Phật giáo sử lược*, NXB Thuận Hóa, Huế, 1996.

(5). Lê Mạnh Thát. *Sách đã dẫn*, tr. 3

(6). Hà Văn Tấn. *Về một cột kinh Phật năm 973 nhà Phật hiện ở Hoa Lư*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 78, năm 1965

(7). Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử lược*, tập I và II, NXB Văn học, Hà Nội, 1992

(8). Nguyễn Huệ Chi. *Lên giới thiệu*. Trong cuốn: "Việt Nam Phật giáo sử lược", sách đã dẫn, tr. 7

(9). Hòa thượng Thích Thanh kiếm. *Lịch sử Phật giáo Trung Quốc*, Giáo hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh xuất bản, 1991.

(10). Nguyễn Lang. "Việt Nam Phật giáo sử lược" tập I số 1. Tr. 32, 33.

(11). Lê Mạnh Thát, sách đã dẫn, tr. 25 và tr. 4

(12). Lê Mạnh Thát 563, tr. 4.

# Vài mẫu giai thoại về câu đối

**C**ó một đôi câu đối xuân không biết xuất hiện từ bao giờ và được phổ biến rộng rãi ở Trung Quốc:

*Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng thọ;*

*Xuân mãn cần khôn phúc mãn môn.*

(Trời thêm năm tháng, người thêm tuổi;

Xuân đầy trời đất, phúc đầy nhà).

Ở Việt Nam trước đây, cứ mỗi độ xuân sang nhiều gia đình vẫn trang trí đôi câu đối này cùng với những bức tranh Tết dân gian. Có lẽ vì phục tài văn thơ của Cao Bá Quát (văn như Siêu Quát vô Tiền Hán...) nên ai đó đã gán cho ông là tác giả của đôi câu đối trên và kèm theo những giai thoại lý thú. Chuyện kể rằng có lần chủ nhân của hàng bán quan tài xin họ Cao một đôi câu đối để treo Tết, ông bèn viết luôn đôi câu đối trên và thay chữ Đường vào chữ Môn ở vế thứ hai. Kết quả chữ cuối ở hai vế ghép lại thành Thọ Đường, tức là cỗ quan tài mà trước đây các gia đình có bố mẹ già thường chuẩn bị sẵn để trong nhà. Cách mấy hôm sau, một chị hàng xóm bụng mang dạ chửa cũng đến xin nhà thơ câu đối, ông cũng tặng luôn câu này, nhưng bỏ bớt chữ cuối ở mỗi vế thành:

*Thiên tăng tuế nguyệt, nhân tăng;*

*Xuân mãn cần khôn, phúc mãn.*

Có nghĩa là "trời thêm năm tháng, người cũng tăng thêm". Ý nói người phụ nữ sắp có con và sẽ tăng thêm nhân nhân khẩu, "Xuân đầy trời đất, phúc cũng đầy đủ". Đáng chú ý là trong tiếng Hán, chữ Phúc đồng âm với một chữ Phúc khác có nghĩa là bung, phúc mãn là bụng to, ý nói người phụ nữ có mang. Câu đối thật dí dỏm và có ý tình nghịch.

Ở Trung Quốc cũng có những cái biến tương tự, chẳng hạn có người đã thay chữ Nhân ở vế thứ nhất bằng chữ Nương, thay chữ Phúc ở vế thứ hai bằng chữ Da để dán ở nhà gái điếm:

*Thiên tăng tuế nguyệt Nương tăng thọ;*

*Xuân mãn cần khôn Da mãn môn.*

"Nương" ở vế thứ nhất là chỉ gái làm tiền, "Da" ở vế thứ hai là chỉ khách làng chơi:

Trời thêm năm tháng "gái bán hoa" thêm tuổi;

Xuân đầy trời đất "khách làng chơi" đầy nhà.

Ông nghề Hoàng Mai sống dưới triều Minh Mệnh hồi nhỏ trọ học ở gia đình một người bạn học làm nghề bán tương. Khi đi thi hai người cùng đỗ một khoa, nhưng cao hơn ông một bậc. Ông làm đôi câu đối mừng như sau:

*Bán tự công danh để thượng diện,*

*Tương liêu Khoa giáp quai đồng quí.*

Đại ý là "nửa chữ công danh bạn đỗ trên tôi, hai chúng ta cùng đỗ đạt và vinh quy một ngày". Câu đối thần tình và dí dỏm ở chỗ khi ghép chữ đầu của vế thứ nhất với chữ đầu của vế thứ hai thành chữ "bán tương". Một lần khác ông viết tặng một người đồng hương có danh vọng nhân dịp ông này làm lễ mừng thọ bố lên lão 80:

*Bị phúc như công thiên hạ hữu,*

*Bất tuấn Khánh thọ thế gian vô.*

Có nghĩa là "đầy đủ phúc như ông còn có người có được, ăn mừng thọ tám mươi của bố, thiên hạ hiếm có". Ghép hai chữ đầu của mỗi vế lại thành "bị, bất" là những dụng cụ của kẻ hành khất. Ông muốn nhắc lại chuyện ngày xưa gia đình này nghèo khổ, phải đi ăn xin. Đây là câu đối đùa tếu cho vui, nhưng dù sao cũng không nên, vì đã xúc phạm đến chủ nhân.

Chuyện kể rằng cụ Bùi Bằng Đoàn khi làm tri phủ ở Thái Bình có người đến xin cụ một đôi câu đối mừng ban vừa hết hạn lính ở mẫu quốc trở về và được triều đình phong sắc. Cụ viết luôn hai vế như sau:

*Tiếp tiếp houn hoàn, tề ư tư sắc tử;*

*Bình bình thoái thoai, hát ở hồ huyền hồ.*

(Nhận được tin thắng trận, vui mừng trở lại quê nhà và bước lên tới đó thì được sắc phong; việc binh đao đã yên ổn, lui trở về nói chuyện, kêu ô hô, treo cái cung lên).

Câu đối viết bằng chữ Hán, nhưng khi đọc lên ta có cảm giác là đánh vần quốc ngữ. Câu này còn hóm hỉnh ở chỗ tả rất đúng hoàn cảnh của người lính ở xứ bảo hộ ngày xưa trình độ rất hạn chế, chỉ tiến tới mức đó thì được sắc phong và trình độ học vấn anh ta cũng chỉ ở mức đánh được vần chữ Quốc ngữ.

**Đ**ền Hùng Bưởi Hà Nội có ngôi đền cổ kính : Đền Đông Cổ (đền thờ thần trống đồng) gần bên thành Thăng Long. Đền nơi đây từ ngàn xưa cứ vào dịp đầu năm, vua quan từ nơi cung đình tụ hội lại, rồi đến đến đây làm lễ, gọi là lễ Hội Thê Trung Hiếu.

Trước khi làm lễ nổi lên hồi trống trấn đông cả trời đất âm vang khắp nơi, rồi mọi người từ vua đến quan đều cắt máu xin thê trước Thần Linh:

Làm con bất hiếu

Làm tôi bất trung

Thần Linh Chu diệt.

Lời thê vừa dứt, tiếng trống lại rung vang.

Vào năm 1958, tôi đến đây được nghe sự tích Hội thê xưa, tôi viết được vế đối:

Huyết thê thấu sơn hà cổ kim truyền lưu Từ cổ tích (Lời huyết thê trung hiếu thấm núi sông, xưa nay còn truyền nơi Đền Đông Cổ )

Còn vế thứ hai bao nhiêu năm tôi chưa viết tiếp nổi được.

May sao, năm qua được Nhà nước cùng nhân

Gặp buổi giao thời, có nhiều ông đồ bụng chứa đầy "một bộ kinh sử", nhưng cũng phải ngậm ngùi chia tay với nghề cũ và đành "vứt bút lông đi, dặt bút chì" và đi dạy trẻ con học a, b, c, để kiếm sống. Bạn cũ đã tặng ông một đôi câu đối dán ở phòng học:

*Kinh sử một bộ, thầy dạy đánh vần không mới miệng;*

*Gươm đàn nửa gánh, khách du qua cửa cũng dừng chân.*

Nguyễn Hàm Minh quê ở Quảng Bình, học rộng, văn hay, ứng đối linh hoạt, tính tình phóng khoáng nên được nhân dân trong vùng gọi yêu là Trạng Ninh. Ông là thầy học vua Thiệu Trị, nên khi làm Thị lang bộ Hình, ông được phép tự do vào nơi cung cấm, được nhà vua quý nể và có nhiều dịp tiếp xúc.

Một hôm vua Vi hành ghé vào cửa hàng thợ nhuộm, viết tặng chủ nhà một đôi câu đối:

*Thiên hạ huyền hoàng đồ ngã thủ;*

*Triều đình chu tử tống ngộ môn.*

(Đen trời, vàng đất nhờ tay mở;

dân địa phương tu bổ lại ngôi đền cổ quý - Trước khi làm lễ khánh thành, nổi rung lên hồi trống, tưởng nhớ lại Hội thê Trung Hiếu của các đấng Tiên vương xưa vọng lại, tôi xúc cảm viết tiếp được vế đối:

Cổ linh thấu xã tắc thiên địa tụ tích sử thiên lưu.

(Tiếng trống thiêng xưa thấu vào đất nước, trời đất còn thu tích sử sách lưu giữ muôn đời Hội thê trước thần linh cùng đất nước )

Đầu xuân năm Thìn này, chuẩn bị kỷ niệm ngàn năm lịch sử vua Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long, Tôi muốn dâng đôi câu đối này trước

đền Trung Hiếu : Đông Cổ, nhưng còn e sợ câu đối chưa được trọn vẹn. Xin mong các bậc túc nho, các vị thấu đáo về câu đối bổ sung cho thật hoàn chỉnh câu đối này về Đền Đông Cổ:

*Huyết thê thấu sơn hà cổ kim truyền lưu từ cổ tích*  
*Cổ linh thấu xã tắc thiên địa tụ tích sử thiên lưu.*

VĂN TUẾ

Mũ tía, xiêm điều chặt cửa ta).

Nguyễn Hàm Ninh biết rõ việc đó nhưng hôm sau vào Triều ông làm ra vẻ quan trọng tâu lại nhà vua là có kẻ phản nghịch viết đối câu đối tở về phạm thượng và có ý chống lại triều đình, xin nhà vua ra lệnh truy nã. Nhà vua cười và nói:

- Đó là câu đối của trẫm!

Chuyện kể rằng có một thầy đồ tìm đến nhà môn thám một người học trò cũ đang làm quan ở đây. Ông này không muốn tiếp thân, cứ lẩn lưa mãi và lấy lý do là bận việc. Thấy đồ bèn viết đôi câu đối dán ngay ở cửa công đường:

*Bán tự vì, nhất tự vì, nghĩa đồng quân phụ;*

*Kim nhật bất, lai nhật bất, lễ cách quan dân.*

Đại ý: Nửa chữ là thấy, một chữ là thấy, nghĩa thầy trò ngang với cha và vua; (thế mà) nay không tiếp, mai cũng không tiếp, làm ra vẻ quan cách đối với dân chúng. Nghe nói người học trò sau khi đọc câu đối đã tỏ vẻ hối hận và sai người đi tìm thầy, nhưng chẳng bao giờ gặp lại thầy học cũ.

THẾ ANH (ST)



Tháp đá chùa Nghĩa Xá

# TỪ VIỆN QUANG TỰ ĐẾN CHÙA NGHĨA XÁ

□ HỒ ĐỨC THỌ

**T**hăm chùa Viên Quang hẳn khách hành hương không khỏi trầm trồ ca ngợi cảnh quan, lại có thể ngạc nhiên về sự hiện diện về ngôi chùa cổ trên vùng đất tân bồi thế kỷ XV. Từ đó mà suy ngẫm, vừa ngậm ngùi vừa hãnh diện về sức trường tồn của Phật, đạo.

Viên Quang tự là ngôi chùa có nổi tiếng ở châu thổ sông Hồng, được nhân dân các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình... sùng ngưỡng. Đối với Xuân Trường (xưa là hương Giao Thủy) chùa cổ Viên Quang càng có sự gắn bó, bởi ân nghĩa của Tam Thánh đối với cả một vùng quê, bởi lòng ngưỡng mộ, ý thức tri ân của cư dân vùng biển vốn thực thà chất phác nên dù chùa cổ, làng xưa bị nạn hồng thủy cuốn trôi, khi lập quê mới họ

lại chắt chiu xây dựng, bảo tồn tinh hoa, trân trọng thành quả lao động mà cha ông từ bao đời vun đắp.

Chùa Viên Quang được tái lập ở thôn Nghĩa Xá xã Xuân Ninh huyện Xuân Trường, trên khu đất cao ráo, rộng rãi, lại thuận tiện đường giao thông thủy, bộ. Phía trước chùa có nhánh sông nhỏ nước hòa với sông Ninh Cơ uốn khúc, cùng các cây cổ thụ, cây lưu niên khiến cảnh quan hấp dẫn, thật là một vùng đất "Thủy nhiên, sao hoàn".

Công trình hiện tại, tuy không đủ 36 tòa với hàng trăm gian tháp cao, lớn nhỏ như cổ tự, nhưng ở đây cũng có nhà bia, hồ sen và tam quan ba tầng mái cong in bóng nước lung linh. Chuông chùa Viên Quang nặng 900 cân, đúc năm Minh Mệnh thứ 6 (1826), với dáng đẹp, họa

tiết nổi, chữ khắc chìm chân phương. Tầng ba tam quan cao trên 10m, được treo khánh đồng quy cách 1m30 x 0m,85 đúc năm 1832, cũng là di vật quý, kiểu dáng, cách tạo chỉ viền mép, múm viền hạt cườm, cùng hàng chữ nổi "Viên Quang tự khánh", làm cho công trình tam quan không chỉ đẹp bề ngoài mà còn có vẻ đẹp đớ sộ bề thế.

Phía sau tam quan là công trình giải vũ. Tòa này chân ngang bái đường và được gọi là đình từ hàng trăm năm nay. Lối kiến trúc này ít thấy nên trở thành độc đáo. Phải chăng người dân nơi đây kiến tạo công trình để tiện cho làng lo phụng sự tín ngưỡng, hay còn muốn cho các cụ ông, cụ bà cùng lo việc Phật, việc Thánh.

Sau tòa đình 5 gian làm kiểu chống diêm cao to, đến tòa bái đường 7 gian, làm kiểu mái cong khá duyên dáng. Bái đường quy mô, cột cái, cột quân cùng các cấu kiện cầu đầu, bẩy kẻ, con giương, chúa báng đều bằng gỗ lim. Hệ thống cột cái đường kính 45cm, cột quân đường kính 40cm được đặt trên chân tảng chạm cánh sen thời Lê, hay đặt trên tảng nổi hình tròn hợp với chân cột, làm cho bộ khung có hệ thống chân đế vững vàng, đồng thời tôn thêm vẻ đẹp bộ khung cổ truyền, kỹ thuật độc đáo, chạm đơn sơ mà tinh tế.

Bộ khung chạm khắc đơn giản bao nhiêu thì các bộ cánh cửa chạm thông phong lại cầu kỳ bấy nhiêu với các đề tài tứ linh, hoa lá thật sinh động. Điều đáng tiếc là các bức chạm thời Hậu Lê, các tuyệt tác này đã và đang bị

xướng cấp, cần được tu chỉnh.

Tòa tam bảo và thượng điện làm giao mái với mái đường, tạo thành chữ công (I) và nối hai gian bên của mái đường, thượng điện với nhau là hệ thống tả, hữu vu 10 gian, khiến khu vực chùa chính bao gồm 5 tòa, 28 gian lớn nhỏ, vừa khép kín khu thờ tự tôn nghiêm, vừa tiện công việc tế lễ, cũng như sự nghiêm mật giữ gìn tượng pháp, đồ tế tự.

Phía sau thượng điện còn có vài chục gian nhà tổ, nhà khách, phù mẫu khiến chùa Nghĩa Xá có một đồ án thiết kế cân đối và giữ được phong cách dân tộc. Tổng thể các hạng mục công trình (chưa kể hệ thống tháp mộ) đã có 60 gian, trong 11 tòa lớn nhỏ, khiến chùa cảnh nơi đây to lớn, quy mô và rất hoành tráng.

Đáng chú ý, những tấm bia thế kỷ 12, với nội dung tán dương chùa cảnh Viên Quang, nơi đại sư Giác hải trụ trì, được các đức vua Lý Thần Tông, Lý Anh Tông cùng trăm quan, cung phi lui tới chiêm bái là những sự kiện lịch sử quý giá.

Thời Trần, thời Hậu Lê, thời Nguyễn còn tiếp tục bảo tồn, tôn tạo Viên Quang tự, mà dấu tích là đôi sóc đá cuối thế kỷ 14, nhiều cổ kiệu, long cung, bài vị thời Hậu Lê. Tháp đặt di hài tượng trưng của thiền sư Minh Không và Giác Hải bằng đá rất kỳ công. Cối đá cỡ lớn mà địa phương thường gọi "dũng" đá, với truyền thuyết là những di vật cổ, chính các quốc sư dùng ngâm gạo, giã bánh cúng phật, được chuyển

từ chùa cổ khi gặp nạn hồng thủy về đây...

Một số văn bia thế kỷ 19, các sắc phong thời Lê, thời Nguyễn cũng là những chứng tích quan trọng, giới thiệu về lịch sử thành lập chùa, mối liên quan của Tam Thánh đối với chùa cảnh trên quê hương Xuân Trường - Nam Định.

Chùa Viên Quang thờ Phật theo phái Đại thừa như các chùa miền Bắc. Song việc phụng đạo không nhất nhất dập khuôn như Phật giáo Ấn Độ, Phật giáo Trung Hoa mà ở đây tin ngưỡng hòa đồng với hoàn cảnh lịch sử. Cùng thờ với Phật có cả Tứ Pháp Vân, Vũ, Lôi, Điện là những thần nông nghiệp. Ngoài ra còn có các quốc sư như Từ Đạo Hạnh, Không Lộ, Giác hải, có các vị anh hùng dân tộc như Trần Nhân Tông, Trần Hưng Đạo, Trần Nhật Duật... và thờ cùng với Phật có Mẫu Liễu, có Tổ lập làng, các Sư Tổ, các Tiên Hiền, Hậu Hiền có công với làng xã, chùa cảnh...

Chùa Nghĩa Xá có nguồn gốc từ Viên Quang tự, một cổ tích do hai vị đại sư Minh Không, Giác Hải trụ trì và được vua Lý Thần Tông, Lý Anh Tông tạo điều kiện tu tạo chùa cảnh. Dân gian còn cho Lý Thần Tông là hậu thân của Từ Đạo Hạnh và là bằng hữu của hai vị đại sư Giác Hải, Minh Không. Ba vị này được suy tôn là tam thánh bởi cùng là đạo hữu, cùng đi Tây Trúc học đạo. Giác hải người hương Giao Thủy, Không Lộ quê tại Gia Viễn Ninh Bình, còn Từ Đạo Hạnh tu ở chùa Thiên Phúc Thạch Thất Hà Tây nhưng cả ba đều tài cao,

đức trọng.

Sử sách chép sự cao đạo, chân tu của các vị: Thuở hàn vi thì Giác Hải, Minh Không làm nghề đánh cá, năm 25 tuổi Giác Hải bỏ nghề, đi tu ở chùa Hà Trạch, kết bạn cùng sư Minh Không và Từ Đạo Hạnh. Hai ông được vua Lý Nhân Tông, một vị anh quân triều Lý khen ngợi qua bài "Tán Giác Hải thiền sư, Thông Huyền đạo nhân".

*"Giác Hải tâm như hải*

*Thông Huyền đạo lưu huyền.*

*Thần thông kiêm biến hóa,  
Nhất Phật, nhất Thần Tiên".*

(Giác Hải lòng rộng như biển,

Thông Huyền (chỉ Minh Không) đạo rất huyền diệu,

Thần thông và biến hóa

Một Phật, một Thần Tiên)

Đại sư Giác hải còn để lại hai bài thơ lãng mạn với thiên nhiên, nhưng lại kiên tâm việc đạo. Minh Không cũng còn hai bài thơ tràn đầy tình cảm quê hương. Từ Đạo Hạnh, cũng để lại bốn bài thơ nói về việc đạo. Ba Ngài đều là những bậc chân tu, sử sách cho rằng các Ngài thuộc dòng thiền mật Tông Phương Nam, thuộc thế hệ thứ 12, nhưng hành trạng của các Ngài thật khó phân định. Công lao qua việc lấy đồng đức từ đại khí Việt Nam, chữa bệnh hiểm nghèo cho Vua, dạy dân nghề thủ công... cũng còn mờ mờ ảo ảo. Song tín ngưỡng dân gian, sách vở, bi ký đều thừa nhận, sùng bái đối với các Ngài. Chính vậy nên khi thiên tai làm mất đi công trình này, nhân dân đã chuyển dịch cả văn bia, di vật, đồ thờ đến



## CÂU ĐỐI

- Cõi tâm linh ngưỡng mộ "Phúc hiền" gương tích đức sáng ngời thế thái?
- Rơi cửa Phật tôn thờ "Liêm chính" Trí tu nhân trong vất nhân tình?

Tâm Thanh Thanh

vùng quê mới, coi đây là những kỷ vật không thể thiếu. Khi tạo lập các văn bia thế kỷ 19 người Nghĩa Xá đã không quên ghi lại nguồn gốc chùa cổ, nhắc tới việc tái lập chùa, rồi quá trình làm chùa ở mảnh đất hiện nay vào niên hiệu Tự Đức 19 (1866); Sửa chùa năm Tự Đức 20 (1867) và thời kỳ tu chỉnh lại chùa, khắc bia lưu truyền niên hiệu Đồng Khánh, Thành Thái ghi việc nhà sư bản tự cùng dân thôn, quan chức, thập phương đã dốc tài lực, tâm lực làm cho chùa cảnh khang trang.

- Quá trình tái tạo chùa Viên Quang song song cùng công cuộc vật lộn với thiên nhiên, quai đê lấn biển. Làng xã ngày một khang trang, đời sống ấm no có thể nói là đẹp đời, đẹp đạo. Chùa cảnh tôn nghiêm sau nhiều sự cố thiên nhiên, chiến tranh cũng là sự ghi nhận đối với đời sống tâm linh. Tốt việc đời, đẹp việc đạo là nét đẹp truyền thống, góp phần đưa quê hương, đất nước tiến lên không chỉ trong hiện tại và cho cả mai sau.

## Những loài hoa

### ĐƯỢC TÔN SÙNG TRONG ĐẠO PHẬT

Trong điển tịch Phật giáo, thường xuất hiện một số loại hoa mọc. Chúng tuy là các loài thảo mộc khá phổ biến trong cuộc sống, song đối với Phật giáo nó có truyền thuyết đẹp đẽ và thần bí chúng trở thành danh vật mang nhiều ý nghĩa.

#### HOA SEN - BIỂU TƯỢNG CỦA PHẬT GIÁO.

Kinh Phật chép: Phật Đà vốn là Bồ tát trên trời chuẩn bị giáng sinh xuống trần vào gia đình quốc vương Tịnh Phạn ở Kapilavastu (nay là vùng đất của nepan). trước khi Phật Đà giáng sinh, trong cung đình của vua Tịnh Phạn hiện ra 8 loại tướng lành, hàng trăm loài chim tụ tập trên đỉnh cung đình véo von sướt hoạ. Hoa cỏ của bốn mùa tất thảy đều tốt tươi, nước trong hồ đột ngột dâng đầy như những cánh hoa sen kỳ diệu trên vòm xe. Vương hậu Mada như có được dự cảm bền trở về hậu cung, tinh lặng tinh thần. Khi đó Bồ Tát hoá thành voi trắng sáu ngà chui vào bào thai...

Sau khi thành Đạo, người ta gọi chỗ Phật Đà ngồi chuyển pháp luân (bồ đạo) "tòa sen" và thế ngồi tương ứng là "thế ngồi hoa sen", tức hai chân giao thoa, hai bàn chân đặt đối nhau trên hai đùi, lòng bàn chân hướng lên trên. Vì thế sau này nghệ thuật Phật giáo thường lấy thủ pháp tượng trưng để thể hiện đề tài này. Phu nhân Mada ngồi trên hoa sen, xung quanh có voi trắng nhỏ 6 ngà

phun nước hương về phu nhân hoặc phu nhân nằm mộng có voi trắng dâng hoa, đó là biểu trưng thay cho sự "nhập thai". Có lúc, người ta lại chỉ dùng một đoá sen để thể hiện biến tướng này. Trong một bức tượng chuyển pháp luân, Phật Đà ngồi ngay ngắn trên bông sen to được tạc vô cùng tinh tế, đặt giữa lòng hồ, ánh sáng trong hồ lấp lánh, những bông sen nhỏ khác thì vây quanh Phật Đà...

Không những trong nghệ thuật mà trong điển tịch Phật giáo, hoa sen cũng thường xuất hiện. "Diệu pháp liên hoa kinh" lấy hoa sen tượng trưng cho giáo nghĩa thuần khiết, cao nhã. "Tập bảo tạng kinh" còn chép cả câu chuyện về "Liên hoa phu nhân" đoạn trang, mỗi bước đi đều nở hoa sen. Khi quốc vương biết tiếng liền cho làm cung phi, gọi là "Liên hoa phu nhân". Trong con mắt thành kính của tín đồ, Phật chính là sen, sen chính là Phật - Đời Đông Tấn, cao tăng Tuệ Viễn sáng lập Bạch Liên xã, còn phái Tịnh Độ Tông từ sau đời Đường, Tống cũng được gọi là Liên Tông.

#### BỒ ĐỀ - CÂY GIÁC NGỘ

Cây bồ đề, còn gọi là "giác thụ", "đạo thụ", là một trong bốn loài cây lớn của Phật giáo. Từ "Bồ Đề" dịch âm từ tiếng Phạn là Budhi, có nghĩa "giác" "trí" "đạo". Bồ đề chính là cây Pippala - một loài cây cao to, lá hình quả trứng, thân vàng trắng. Trước khi Phật giáo ra đời, nó chỉ là một loài

cây hết sức bình thường. Đến khi Thích Ca Mâu Ni giác ngộ dưới gốc cây pippala thì nó được gọi là cây bồ đề và trở thành loài cây quen thuộc trong kinh điển của Phật giáo.

Trong nghệ thuật Phật giáo Ấn Độ, cây bồ đề xuất hiện rất nhiều, khi thì với thủ pháp tượng trưng để biểu thị sự thành đạo, khi thì với 7 cây bồ đề để chỉ quá khứ Phật đã nhập Niết Bàn. Trên chiếc tháp nổi tiếng của danh lam Ấn Độ, có một bức vẽ bày thủ đang lễ trước cây bồ đề... Cùng với sự truyền bá của Phật giáo, cây bồ đề cũng theo dấu tích của người truyền giáo phổ biến khắp ở Trung Quốc, Đông Nam Á và một số nơi ở Âu Mỹ.

#### SALA

Cây Sala, còn gọi là cây Maha sala hay cây vô ưu cũng là một loài cây quen thuộc trong kinh điển Phật

giáo. Phật Đà giáng sinh và nhập tịch đều có liên quan tới cây sala. "Bản sinh kinh" chép, phu nhân Mada sau khi mang thai, theo phong tục đương thời, tất phải trở về nhà mẹ đẻ để sinh nở. Khi bà tới vườn Lapini liền ghé vào nghỉ. Cây sala trong vườn lúc đó đang nở đầy hoa. Vương hậu đến một gốc cây sala, giữ tay nắm chặt một cành buông bên cạnh bà, Thái tử Tất-đạt-đa đã ra đời tại gốc cây này. Ngày nay trong vườn còn có chùa của Mada phu nhân, trong chùa còn lưu giữ một tấm đá có khắc hình Thái tử Tất-đạt-đa giáng sinh...

Phật Đà viên tịch cũng dưới cây sala. Theo truyền thuyết Phật Đà truyền đạo hơn 40 năm, thì đã tới tuổi 80, sinh mệnh cũng sắp tận, muốn nhìn lại lần cuối ngôi chùa mình đã dựng. Về tới thành Kusinagara, bệnh tình

Ngài đã nặng, bèn vào rừng sala bên sông Hiranyavati, đặt chỗ nằm dưới hai cây Sala (Sala song thụ). Và thế là trong rừng sala, Phật Đà đã an tịnh đi vào cõi Niết Bàn. Gọi là song thụ vì hai cây cùng sinh, gốc bám chặt vào nhau, còn các nhánh lá thì quấn quýt không rời. Nghe nói, ở đây có tất cả 8 cây song thụ. Khi Phật Đà nhập tịch, chúng liền biến thành màu trắng, hình dáng như bạch hạc cho nên người ta thường gọi là "hạc lâm" hay "sương lâm", "song lâm"...

#### JAMBU - CÂY TƯ DUY (CÂY ĐIỂM PHÚ)

Thái tử Tất-đạt-đa sau khi ra đời lần đầu tiên ngồi ngay dưới gốc cây Janibu bắt đầu suy tư về chân lý, thế gian và đạo lý nhân sinh. Theo "Phật sử hành tán" chép: Một hôm vua Tịnh Phạn đem Thái tử Tất-đạt-đa cùng đi cử hành một loại nghi thức. Một mình ngồi dưới gốc Jambu, khi đám thị nữ đều đã đi hết, Thái tử vén bức màn, nhìn đám cỏ xanh bị giẫm nát, rồi cảnh những ấu trùng bị giết chết, bầy chim tranh nhau ăn, thái tử không giấu nổi bi thương. Ngồi dưới gốc cây Jambu, lần đầu tiên Thái tử mặc tưởng về nỗi phiền não và khổ sở phổ biến trên thế gian, dường như đã có dự cảm xuất gia. Khi đám thị nữ trở lại, thấy mặt trời đã lặn, duy có bông cây Jambu trên đầu Thái tử vẫn tĩnh tại bất động để che cho Thái tử, còn Thái tử cũng ngồi bất động thì liền chạy đi báo cho quốc vương. Quốc vương trở lại, cảm thấy kỳ dị bèn làm lễ cho con trai mình...

Sau này, Thái tử xuất gia thành đạo, cây Jambu trở thành loài cây quen thuộc của Phật giáo. Bhiksu - tượng trưng cho từ khư.

Cây Bhiksu (bát số) vốn là loài hương thảo trên núi tuyết. Loài cỏ này có 5 ưu điểm: Đặc tính nhu mềm, lan tới nhiều nơi, hương thơm bay xa, có thể trị nhiều bệnh và luôn hướng về mặt trời.

Vì Phật Đà yêu cầu chúng tăng khoan dung nhẫn nại, khắc khổ tu hành, hoảng dương Phật pháp, cứu vớt chúng sinh thoát khỏi bể khổ, đạt tới Niết bàn nên các tăng nhân của Phật giáo được gọi là "bát số" (Bhiksu (Từ khư).

#### ẢNH HỒNG

Theo tạp chí thế giới tôn giáo văn hoá (1998).



# Năm Canh Thìn nói chuyện **RỒNG**

**R**ồng là con vật huyền thoại trong số 12 con giáp. Huyền thoại về dòng dõi Con Rồng Cháu Tiên đã ăn sâu vào tiềm thức của dân ta, trở thành niềm tự hào của muôn đời nước Việt. Rồng trở nên cao quý, tượng trưng cho sức mạnh, cho thiêng liêng là một biểu tượng văn hoá mang khát vọng cao cả của đất nước 4000 năm văn hiến. Rồng đi vào đời sống thực tiễn của con người, xuất hiện tại những nơi linh thiêng như đình chùa miếu mạo, đi vào lịch sử, văn học. Nhân năm Canh Thìn, xin mạn phép liệt kê thành một tư điển bỏ túi về hình tượng con Rồng qua ca dao - tục ngữ - thành ngữ để bạn đọc nghiên ngẫm ngẫm nga trong những ngày xuân thanh thản.

- Ăn như rồng cuốn, làm như cà cuống lội sông (ý phê phán kiểu làm chơi mà ăn thật, có ăn mà không chịu làm cho ra hồn).

- Ăn như rồng cuốn, uống như rồng leo, làm như mèo mửa (ý như câu trên).

- Ban vàng ơi hỡi ban vàng, long lân quy phụng một đoàn tứ linh (lời để cao tôn vinh một người bạn mà mình yêu quý).

- Bao giờ cá lý hoá rồng, đến ơn cha mẹ âm bóng ngày xưa (cá lý: cá chép) cá chép hoá rồng ví với việc học trò đỗ đạt được thăng quan tiến chức, có dịp báo hiếu ơn phụ mẫu.

- Bỏ thí giờ Thìn, ăn xin giờ Tý (ngu ý không ai giàu mãi, cũng không ai nghèo mãi).

- Hôm nay đem tiền ban phát cho thiên hạ, ngày mai cũng có thể trở thành ăn xin.

- Con rồng cháu tiên (Theo huyền sử thì tổ tiên ta là Lạc Long Quân, dòng dõi Rồng, lấy bà Âu Cơ dòng dõi Tiên).

- Chạm rồng trở phượng (ngoài nghĩa đen, còn có ý phê tở điểm rườm rà).

- Dấu ngói cửa sổ chạm rồng, chiếu hoa nệm gấm không chồng cũng hư (dựa thuyết Âm Dương mà khuyên mọi thứ phải kết hợp với nhau mới tạo ra cuộc sống bình thường).

- Đắc thời đắc thế thì khôn, sa cơ rỗng cũng như giun khác nào (Khi gặp thời gặp thế thì công danh sự nghiệp phát nhanh, đến khi sa cơ lỡ vận thì chẳng khác chi dân hạ tiện).

- Đầu rồng đuôi tôm (ám chỉ hạng người bên ngoài nhìn thấy bề thế bảnh choẹ, nhưng thực chất lại tầm thường hèn hạ, tẻ lậu).

- Gái cổ chồng như rồng có vây (Gái giá đơn côi làm ăn một mình vất vả chật vật, lợi sinh cũng ít, nhưng nếu có chồng cùng chung vai hợp sức thì tha hồ vùng vẫy, xây tổ ấm).

- Học chẳng biết chữ cu chữ cò, nói những chữ như rồng như rắn (chê bai kẻ chỉ học như vẹt, nói suông, dốt hay nói chữ).

- Làm trai lấy được vợ hiền, như cầm đồng tiền mua được miếng ngon; phận gái lấy được chồng khôn, xem bằng cá vượt vũ môn hoá rồng (Trai



• Ảnh: Tuấn Hải

được vợ hiền, gái được chồng khôn là niềm hạnh phúc).

- Máy khi rồng gặp mây đầy, để rồng than thở với mây vài lời, nữa mai rồng được mây xuôi, biết bao giờ lại nổi lời thuy chung? (Rồng mà gặp mây mới chỉ khí vẫy vùng, không gặp được mây khác nào điều không gặp gió. Trong đường đời ngược xuôi, kẻ đi người ở, tình duyên ắt phải gặp trắc trở dở dang).

- Mượn màu một chút làm duyên, mấy đời gỗ mục đóng nên thuyền rồng (Phê phán lối sống mị dân, đánh lừa người, mà có khi lại đánh lừa cả chính mình).

- Ngày nào nên ngãi vợ chồng, đôi ta như cá hoá rồng lên mây (vợ chồng mà được bền duyên cảm sắc thì hạnh phúc nào bằng!)

Phụng múa rồng bay (thường dùng khen chữ khen văn của

một người tài hoa, chữ đã đẹp mà vẫn còn tài tình).

• Rống giao đầu, phụng giao đuôi, nay tui hỏi thiệt mình thương tui không mình? (đã biết vợ chồng tâm đầu ý hợp rồi, mà vẫn còn hỏi cho "chắc ăn" dù biết hỏi là thừa thãi).

• Rống đến nhà tôm (ám chỉ một người có địa vị cao sang, giàu có đến thăm người thấp hèn, nghèo khổ).

• Rống mây gặp hội (ám chỉ người gặp cơ hội, vận hội tốt).

• Rống nằm bể cạn phơi râu, mấy lời anh nói giấu đầu hở đuôi (trách người đang sa cơ lỡ vận mà còn gian dối, không chân tình với người mình thương).

• Rống ở với giun (nói đến tình cảm phải sống chung đụng với người chẳng ra gì làm mình bực bội, như người khôn sống với kẻ ngu, quân tử

sống với tiểu nhân...)

• Rống thiêng uốn khúc (anh hùng hào kiệt gặp vận xấu phải ẩn nhẫn chờ đợi chờ thời).

• Rống vàng tắm nước ao tù, người khôn ở với người ngu bực mình (câu này mang ý giống câu "Rống ở với giun")

• Rống đen lấy nước đục mùa, rống trắng lấy nước thì vua đi cày (Rống đây là mây ở chân trời. Theo kinh nghiệm của nhà nông ngó xem trời mây để đoán thời tiết).

• Tinh cờ anh gặp nàng đây, như cá gặp nước như mây gặp rống (nói về tình duyên đang thuận lợi).

• Trai ơn vua, cưới thuyền rống; gái ơn chồng, bồng con thơ (nói đến thân phận hẩm hiu của phụ nữ trước bất công).

• Trứng rống lại nở ra rống, liu điu lại nở ra dòng liu điu (ngụ ý nói cha mẹ khôn ngoan,

có ăn có học thì đẻ con khôn ngô tuấn tú, sáng láng thông minh, và ngược lại).

• Vẽ rống thành giun (ám chỉ kẻ bất tài, làm gì cũng sai bét trật lất).

• Vẽ rống vẽ rắn (chê kiểu làm dài dòng luộm thuộm, bày vẽ lời thối).

• Vén mây thấy cặp rống xanh, thương ai thao thức năm canh khóc rống (nghĩ đến duyên đôi lứa mà ôm nỗi nhớ nhung da diết).

• Vóc rống thì để hầu vua, vải thô lụa xấu thì chừa cho dân (ám chỉ cái thói quen hể có của ngon, của quý thì mang đi bán cho người khác, còn mình thì dùng thứ dở thứ tồi).

• Còn rất nhiều câu ca dao, tục ngữ khác có Rống góp mặt, nhưng diện tích đất không đủ cho rống vùng vẫy, đành thôi vậy.

HUYỀN TỊNH THỦY

## CÂU ĐỐI

### TÂM THANH THANH

- Vãng cảnh - đón xuân sang, yêu thiện tích phật đời, say đắm nghĩa cha ông tạo tạo.
- Thăm chùa - mừng tết đến, trọng thien kinh am thất, mãi mề tình đất tổ sinh thành.

### BÙI VĂN THÁCH

## Hương về nhân đức

Muốn xây cái cốt thiện nhân  
Trước hết phải hiểu đường phân lẽ đời  
Giữa tâm người với tâm người  
Nếu không trung thực sự thời bất an  
Dân sinh ao ước mệnh toàn  
Hắn là phải tính chuyện bàn đức nhân

### VŨ QUANG TẤN

## Lên chùa

Lên chùa đất Phật thăm nghiêm  
Sắc không cực lạc cõi thiên Tây Phương.  
Người trong nhất nhòa khói hương  
Hai ông thiện ác, ai thương giàu nghèo?  
Mấy ai làm phúc lộc theo  
Chỉ mong cầu được thật nhiều lạ chưa!  
Chúng sinh la liệt ngoài chùa  
Ngửa tay hứng giọt nắng mưa tháng ngày.  
(Tháng ba: chùa Thầy, Tây Phương)

### BÙI MINH KHIẾT

## Chớm xuân

Mênh mông huyền ảo chiếu sương tím  
Hương khói bay thơm tỏa ngát hồn  
Giọng tụng kinh thiết tha đắm đắm  
Trời chớm xuân rồi! Xao xuyến hơn.

# NGHỆ THUẬT TẠO TƯỢNG

(Tiếp theo)

□ PGS. CHU QUANG TRỨ

**N**goài 32 tướng chính, đức Phật còn có 80 vẻ đẹp phụ theo, phân tích tỉ mỉ thêm 32 tướng ấy, tất cả làm trang nghiêm cái thân thể ứng hóa của Phật, khiến cho chúng sinh thấy đem lòng tôn kính và hoan lạc.

## 2. Tám mươi vẻ đẹp (Bát thập tùy/chủng hảo)

Tám mươi vẻ đẹp này dựa theo 32 tính tốt mà hiện ra, nên gọi là chủng hảo hoặc tùy hảo. Tuy nhiên mỗi Từ điển đều nêu đủ 80 nét tốt đẹp của đức Phật, nhưng sắp xếp không theo thứ tự và ngay trong một Từ điển lại có nét trùng nhau, bên cạnh đó giữa các Từ điển lại có nhiều nét khác nhau, vì thế nếu tổng hợp đầy đủ thì sẽ vượt số 80 khá nhiều. Ở đây chúng tôi hệ thống lại dựa theo Phật học từ điển (Đoàn Trung Còn, Sài Gòn, 1966) và Từ điển Phật học Hán Việt (Phân viện nghiên cứu Phật học, Hà Nội, 1992) đi từ cái chung đến cái riêng với số 80:

1. Tướng quý nhất của đức Phật là chữ Vạn ở ngực (卐)
2. Thân mình tỏa hào quang dài 1 trượng
3. Khi đi có hào quang chiếu trên thân
4. Dáng điệu, dung mạo, cử chỉ như sư tử
5. Đi đứng đậm thām, oai nghiêm như voi chúa
6. Tướng đi như ngỗng chúa
7. Dung mạo ngay chính không lệch lạc



•Tượng Phật bà Quan Âm, chùa Phổ Minh, Nam Định

8. Hình thể tốt đẹp đủ đều
9. Khi trở mình, xoay người như voi chúa
10. Thân không vật gì làm lu mờ hoặc lem luốc được
11. Mọi thành phần cơ thể đều đầy đủ và hoàn thiện.
12. Thân trĩu trọng, không khuynh động
13. Thân mình cao lớn, rắn chắc
14. Cõi chúng sinh bình đẳng như nhau
15. Tuân tự ứng với nhân duyên mà thuyết pháp
16. Thuyết pháp chẳng chấp trước
17. Tùy theo ngôn ngữ của chúng sinh mà thuyết pháp
18. Âm thanh tùy theo chúng sinh chẳng tăng chẳng giảm
19. Phát âm ứng với thanh của chúng sinh
20. Tiếng nói vang trầm
21. Thân trong sạch, mềm mại, không cong vẹo

- Ảnh: Vũ Hồng Thuật
22. Thân bóng bảy mượt mà, không uốn éo
  23. Trụ xứ yên không động
  24. Oai chân hết thấy
  25. Mọi chúng sinh thấy đều vui mừng
  26. Chẳng kính chúng sinh
  27. Chúng sinh có ác tâm khi thấy Ngài cũng đều hòa nhã, vui vẻ.
  28. Chúng sinh ngắm thân tướng Phật mà chẳng thể ngắm hết
  29. Chúng sinh ngắm mãi không chán
  30. Nói năng hòa nhã vui vẻ với chúng sinh đúng theo ý thích họ
  31. Khi đi chân cách mặt đất 4 tấc và hiện ấn vân
  32. Khối xương chắc như móc khóa
  33. Lỗ chân lông tỏa ra mùi thơm
  34. Miệng tỏa ra mùi thơm

- tuyệt vời
35. Lòng mềm mại, sạch sẽ
  36. Lòng xoắn theo chiều bên phải
  37. Lòng màu hồng
  38. Mạch máu sau ẩn kín
  39. Không thấy đỉnh tướng. Chòm đỉnh đầu Phật ngẩng nhìn càng nhìn càng cao, nên không thấy đỉnh.
  40. Đầu rất nở nang
  41. Tóc xoắn đẹp, có hình những chữ Thánh như chữ Vạn, chữ Kiết/Cát, chữ Đức.
  42. Tóc màu ngọc xanh đen
  43. Tóc có hàng ngũ vén khéo, rất đều, không rối
  44. Tóc có mùi thơm, sợi không cứng
  45. Mắt và trán đối với nhau rất cân phân
  46. Mắt rộng dài, như cánh hoa sen xanh
  47. Mắt sáng, trong, vui
  48. Lòng mày như trăng non
  49. Lòng mày màu đen
  50. Cặp lông mày đều nhau, cân phân đều đặn
  51. Cặp lông mày châu vào nhau
  52. Mắt mũi thanh tịnh đầy đặn như vầng trăng tròn
  53. Mũi cao, lỗ mũi không lộ
  54. Dái tai rủ xuống
  55. Hai gò má đầy đặn
  56. Môi đỏ như quả táo bả
  57. Mấy răng cửa thì bầu tròn
  58. Mấy cái răng cửa trắng và sắc nhọn đằng đầu
  59. Mấy cái răng cửa đều với nhau hết
  60. Lưỡi màu đỏ hồng
  61. Lưỡi mềm
  62. Bụng thon
  63. Bụng chằng lổ
  64. Bụng hình cây cung
  65. Rốn đều
  66. Rốn sâu tròn đẹp
  67. Tay chân trắng đỏ như màu hoa sen

68. Tay chân tròn trịa
69. Tay chân sáng bóng
70. Tay chân mịn màng
71. Tay chân rất cân phân với nhau
72. Tay chân mềm mại, sạch sẽ
73. Cánh tay dài
74. Ngón tay tròn thon nhỏ
75. Móng như màu đồng đỏ, móng và lóng bóng
76. Vân tay sáng thẳng
77. Vân tay dài không đứt
78. Xương đầu gối rắn chắc tròn đẹp

79. Mắt cá ẩn sâu  
80. Gót chân rộng rãi

Ba mươi tướng tốt và tám mươi nét đẹp của đức Phật là những gợi ý cho việc tạc tượng Phật. Nhưng thực tế sách Phật giáo xưa hiếm, phần lớn nghệ nhân chỉ nắm và thể hiện những nét lớn, và thật ra cũng có nhiều chi tiết không thể hiện trên tượng được, ở đây cũng chỉ là những tài liệu tham khảo để có cái nhìn đầy đủ.

### III - NHẬN DẠNG TƯỢNG PHẬT

Từ những nguyên tắc của lý thuyết về cách tạo tượng được các nghệ nhân xưa truyền miệng một cách khái quát và được kinh sách ghi lại tỉ mỉ, chúng ta có thể khảo sát và nhận ra thể chung của tượng Phật Việt Nam.

Phật cũng như mọi người, trong cuộc sống luôn ở trong các tư thế: đi - đứng - nằm - ngồi, và các nghệ sĩ điêu khắc xưa khi tạc tượng Phật cũng theo bốn tư thế này gọi là tứ oai nghi (hành - trụ - ngoạ - tọa). Tuy vậy trong thực tế ít gặp các tượng Phật đi - đứng - nằm. Tượng Thích Ca sơ sinh về lý thuyết thì diễn tả khi Ngài mới sinh ra đã đi 7 bước trên 7 bông hoa sen, nhưng khi

tạc tượng thì hầu hết ở thế đứng yên chụm chân. Tượng Phật A Di Đà đôi khi cũng có tượng đứng (như ở chùa Tây Phương - Hà Tây), nhưng hầu hết ở thế ngồi. Tượng Phật nằm chỉ ở đế tài Phật nhập Niết Bàn, chỉ có ở một số chùa. Trong khi đó tượng Phật ngồi lại hết sức phổ biến, vì thế chúng tôi tập trung vào tư thế này. Khác các tượng không phải Phật có thể ngồi thoải mái, tượng Phật phải ngồi theo quy định chặt chẽ. Riêng Phật Di Lặc là Phật của tương lai, hiện tại chưa ra đời, do đó tượng Ngài có thể ở thế ngồi thoải mái để gợi ra một thế giới tương lai đủ đầy hấp dẫn mọi người. Các tượng Phật khác đều phải ngồi theo thế Kết Già Phu Tọa. Sách *Luân Tri độ* xác nhận: "Trong các phép ngồi, Kết Già Phu Tọa là cách ngồi yên ổn, không mỏi mệt. Đó là phép ngồi của người ngồi thiền (...). Cách ngồi của phép thu pháp, ma vương thấy nó thì lòng sợ hãi (...). Thấy bức vẽ phép ngồi Kết Già, ma vương cũng sợ hãi. Phương chi con người đã đi vào đạo ngồi yên không lay động".

Từ điển Phật học dẫn các sách Phật giáo, cho biết: Kết Già Phu Tọa có hai loại: Một là Cát Tường, hai là Hàng Ma.

- Cách ngồi Hàng Ma: Dùng bàn chân phải đè lên bắp đùi trái, sau đem bàn chân trái đè lên bắp đùi phải, còn bàn tay thì cũng lấy tay trái đặt giữa trên bàn tay phải.

- Cách ngồi Cát Tường: Trước tiên đem bàn chân trái đè lên về đùi phải, sau đem bàn chân phải đè lên về đùi trái, khiến hai lòng bàn chân giữa trên hai về đùi. Bàn tay

cũng tay phải dè tay trái, đặt trên nơi ngồi xếp bằng. Cách ngồi Cát Tường này còn được gọi là cách ngồi Hoa Sen (Liên Hoa tọa) như sách Bát tư nghị sớ, còn cách ngồi Cát Tường chỉ cần đặt bàn chân phải trên đùi trái thì gọi là cách ngồi *Bán (Kết) Già*.

Theo sách *Tri minh tạng giáo Du - giả pháp môn* thì các thiền gia chủ yếu truyền cho nhau cách ngồi Cát Tường, tuy nhiên cách ngồi Hàng Ma cũng có lúc dùng. Trong cách ngồi Cát Tường có hai kiểu: Cát tường toàn phần gọi là cách ngồi Hoa Sen, trong thực tế không phổ biến lắm. Cát Tường cái biên gọi là cách ngồi Bán (Kết/Kiết/Cát) già thì rất phổ biến. Tượng Phật Thế Tôn chùa Phật Tích - Bắc Ninh có vạt áo che kín lòng đùi nên không rõ chân nào ở trên chân nào, cũng không rõ dưới vạt áo hở cả hai bàn chân hay chỉ một bàn chân, nhưng quan sát cách để tay thì rõ ràng bàn tay trái dè lên lòng bàn tay phải, vậy hẳn là tọa thiền theo cách Hàng Ma, và loại ngồi này quá hiếm.

Dù ngồi theo cách nào thì gọi chung vẫn là Kết Già Phu Tọa, không chỉ ở thế chân tay mà còn phải ngồi ngay ngắn, dướn thẳng để lưng vuông góc với mặt sàn, mắt khép hờ nhìn xuống chóp mũi để vẫn gắn với ngoài cảnh nhưng tập trung soi rọi nội tâm, làm cho tinh thần mình mãn để trở nên sáng suốt tốt lành. Sớ dĩ được như thế là nhờ hệ thống các huyết ở dọc xương sống lên đến đỉnh đầu được khai mở nhờ con thần xà lửa Kundalini đi dần từ dưới lên theo quá trình tu luyện của người ngồi thiền.

Tổng hợp một số tư liệu đã công bố rải rác, nhất là cuốn

*Tọa thiền* của Thích Tâm Giác (nhà in Việt Liên, Sài Gòn, 1963), chúng tôi (PGS-PTS Trần Lâm Biền và tôi) nghĩ rằng người xưa đã gắn sự giác ngộ với thứ tự khai mở luân xa trong các trung tâm lực:

1. Ở đốt xương sống cuối cùng là trung tâm lực đầu tiên có một huyết được tượng trưng bằng bông hoa sen 4 cánh màu đỏ, ở đó hội tụ tinh khí âm dương, cũng tiềm ẩn con thần xà. Khi con thần xà hoạt động, luân xa Muladhara khai mở thì tạo điều kiện để tu luyện tiếp sẽ vượt lên khai mở các luân xa phía trên.

2. Ngang nơi bộ phận sinh dục là trung tâm lực thứ hai, được tượng trưng bằng bông hoa sen 6 cánh màu đỏ thắm. Tại đây, khi luân xa Savadishtana được con thần xà bò tới khai mở thì người đó cảm thấy thể phách và thể vía di chuyển lạ lùng, có được phép thần thông.

3. Ngang nơi rốn là trung tâm lực thứ ba, được tượng trưng bằng bông hoa sen 10 cánh màu tím. Tại đây khi luân xa Manipura được con thần xà bò tới khai mở thì người đó biết được kiếp trước của mình cùng chúng sinh, biết cả quá khứ và vị lai cá nhân.

4. Ngang với tim là trung tâm lực thứ tư, được tượng trưng bằng bông hoa sen 12 cánh màu hồng vàng. Tại đây khi luân xa Anahata được con thần xà bò tới khai mở thì người đó đoạt được phép thần Tha tâm thông, không cần hành động vẫn có thể hiểu được tâm niệm và tư tưởng chúng sinh.

5. Ngang nơi cổ là trung tâm lực thứ năm, được tượng trưng bằng bông hoa sen 16

cánh màu xám. Tại đây, khi con thần xà bò tới khai mở luân xa Vischuda thì người đó nắm được phép thần Thiên nhĩ thông, có thể nghe được những tiếng ở xa ngàn dặm, dù là tiếng động rất nhỏ của côn trùng.

6. Ngang nơi sơn căn giữa hai lông mày là trung tâm lực thứ sáu, được tượng trưng bằng bông hoa sen 2 cánh màu trắng. Tại đây khi con thần xà bò tới khai mở luân xa Ajna, thì người đó đoạt được phép thần Thiên nhãn thông, có thể thấy vật ở xa ngàn dặm, dù là vật rất nhỏ.

Về bông sen trắng hai cánh này, có người cho là con mắt thứ ba, nếu ai tập trung tư tưởng vào đây thì sẽ cảm nhận được sự tự chủ và sáng suốt. Có nhà nghiên cứu cho rằng khi bông sen nở là người ta có ý thức Yoga, hiểu được nội tâm của người và vật, có ý chí mạnh để gây ảnh hưởng tới nội tâm của người và vật.

7. Cuối cùng hội vào đỉnh đầu là trung tâm lực thứ bảy, được tượng trưng bằng bông hoa sen 1.000 cánh màu xanh ở giữa ánh vàng bao bọc. Con thần xà bò tới tận đây sẽ khai mở luân xa Sahasrara thì người đó đạt tới phép thần Lưu tận thông tức trí tuệ Phật: sáng suốt cùng tận, hiểu lẽ huyền vi vũ trụ, nắm bắt đầy đủ quá khứ - hiện tại - vị lai với mọi vận động trong vũ trụ. Bông sen nghìn cánh này được xem là cái tướng tuyệt hảo ở đỉnh đầu Phật càng ngẩng cao không thể nhìn thấy được (Vô kiến đỉnh tướng), nó cũng đồng nhất với âm AUM mệnh mạng là câu thần chú ngắn gọn nhất mang ý nghĩa thiêng liêng trong việc giao tiếp với những lực lượng

# Chuyện cổ tích

## NƠI CHỢ TẾT

siêu hình có sức mạnh lớn lao.

Cùng với những cách ngồi Kết Già Phu Tọa khác nhau, tượng Phật bao giờ cũng phải có tóc xoắn như con ốc (thông thường từ chân tóc uốn về bên phải ngược chiều kim đồng hồ), đỉnh đầu có nhục kế nổi lên như chiếc bát úp, đầu tóc xanh đen nhưng trên nhục kế lại có một mặt tròn nhỏ thếp vàng là biểu hiện của Vô kiên đỉnh tướng. Tai tượng dài gần chạm vai. Cổ cao ba ngón. Tay tượng phần lớn kết ấn Tam Muội hoặc ở các thế thuyết pháp và cứu độ, cổ tay đeo vòng. Ngực tượng thường có chữ Vạn (đúng ra phải quay ngược chiều kim đồng hồ, nhưng đôi khi cũng làm ngược lại). Hầu hết tượng Phật khoác áo cà sa che kín người hai nửa cân nhau, gọi là Tăng-già-lê gồm áo mặc trong, áo mặc giữa và áo mặc ngoài, nhưng đôi khi (như ở chùa Bà Tê - Hà Tây, chùa Côn Sơn - Hải Dương) lại mặc áo Tăng-kỳ-chi từ dưới nách phải vắt vòng qua vai trái (như vậy cánh tay phải để trần). Tượng truyền áo Tăng-kỳ-chi do đức Phật sáng chế ra, nhưng khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc, việc để lộ vai phải không phù hợp phong tục người Hán nên thay bằng áo cà sa. Tượng Phật thì cả da thịt và y phục đều thếp vàng ròng và bao giờ cũng ở trên đài sen. Nhờ những đặc điểm trên, trong chùa tượng Phật không thể lẫn với tượng Bồ tát và các nhân vật khác, nhưng cũng vì thế mà không được phong phú bằng các loại tượng khác. Nhưng nét trên mới chỉ thể hiện một phần nhỏ những qùy tướng của Phật

(vồn nữa)

Tan học, Khoa ra khỏi trường, đi qua phố xá nhộn nhịp vào Xuân, mắt buồn bã không màng ngắm nghĩa cảnh sắc vui tươi ở quanh mình. Người kia tất bật, kẻ nọ nôn nao, ai cũng lo toan cho những ngày tết sắp đến, có lẽ chỉ có Khoa là không còn hứng thú gì để nghĩ ngợi suy tư về những ngày cuối năm này, hay những ngày của tân xuân thêm một tuổi mới... Khoa đang buồn, nỗi buồn nặng trĩu trong lòng làm cho những bước chân của Khoa cũng nặng trĩu. Mang bộ mặt buồn lo bước vào nhà, Khoa vội cho ánh mắt mình chạy trốn, tránh cái nhìn dò xét âu lo của người cha. Nhưng Khoa đã không giấu được cha điều gì. Ông cất tiếng nhẹ nhàng hỏi:

- Con đi học về đó à? Có chuyện gì mà mặt mày buồn thiu vậy?

Khoa lăm lét nhìn cha, lúng búng trong miệng:

- Dạ... dạ... con đâu có ... buồn.

Cha Khoa im lặng, nhìn chăm chăm về phía con trai cũng rất lâu, rồi buông nhẹ nhàng từng tiếng:

- Con lại đây cha biểu!

Khoa rụt rè bước lại bên cha, nơi ông đang ngồi là những bộ lư đèn bằng đồng vừa được bôi dầu bóng bày biện ngón ngang khắp chiếu. Cha nhìn Khoa, hỏi:

- Con bị điểm 1 hay là "Trưng vị"?

- Dạ đâu có. Cha kiểm tra vở

con xem...

- Vậy sao con buồn? Ban nào đánh con phải không?

- Thưa cha... không có gì đâu mà. Cha kiểm tra mình mấy con đi, xem có bị xây xước, thẹo thẹo gì không?!

Cha phì cười. Bàn tay lấm lem dầu bóng của ông xoa rồi tung đầu tóc của Khoa lên. Khoa bối rối nhìn cha, định nói gì đó nhưng lại thôi. Cha lại hỏi, lần này giọng hơi gằn:

- Sao buồn lắm vậy? Cha nhìn con cha biết. Đừng giấu cha. Sao vậy, con trai?

Khoa nín thinh, cúi gằm mặt xuống. Rồi giọng nghèn nghẹn cất lên:

- Con bị oan. Tụi bạn nghi con ăn cắp cây bút của bạn An!

- Sao lại nghi cho con? Cây viết mất ở đâu? Lúc ấy con đang ở đâu?

Tự dưng, Khoa muốn khóc oà lên, nhưng vì trước mặt là cha chứ không phải là mẹ. Nếu là mẹ thì Khoa đã khóc tu hu ngon lành rồi. Mẹ Khoa thường hay dỗ dành, còn cha thường nói: "Con trai không được khóc lóc như con gái, phải cứng rắn và dũng cảm..." Im lặng thật lâu, Khoa thưa lí nhí:

- Giờ ra chơi, con với ba bạn khác vào lớp lấy báo Thiếu niên tiên phong ra sân xem. Sau đó, bạn An hô mất cây bút máy, và đổ bừa cho con lấy. Cô giáo cũng nghi con ăn cắp và còn lục cặp con nữa...

- Rồi sao nữa? Kể tiếp cho cha nghe!



- Con không ăn cắp, thì làm sao kiếm được cây bút trong cặp con được? May mà sau đó, cô cho lục hết cặp của các bạn, mới lòi ra cây bút trong cặp bạn Chí, bạn ấy lấy khi cùng vào lớp với con để lấy báo ra xem...

Cha Khoa tất lưỡi kêu lên:

- Trời đất, người này lấy mà nghi oan cho người kia. Oan cho con tôi quá xá...

Khoa rơm rớm nước mắt, cúi đầu nhìn xuống đất. Cha cau mày nghĩ ngợi, rồi bùng tiếng cười khẩy, vỗ vai Khoa một cái thật mạnh, nói:

- Thôi, con đừng buồn làm gì. Để cha kể cho con nghe câu chuyện cổ tích này...

Khoa ngạc nhiên không hiểu, định mở miệng hỏi thì cha đã trầm giọng kể:

- Xưa, xưa lắm rồi, có một ngôi chùa gần chợ. Trong chùa có một nhà sư đức độ nghiêm mình và đạo hạnh sáng ngời, ngài có rất nhiều đệ tử theo tu học, lớn nhỏ đủ cả. Một hôm, nhằm ngày hai mươi ba tháng chạp đưa ông táo về trời, ngài sai một chú tiểu ra chợ mua một số đồ cúng. Chú tiểu rời chùa vào chợ, lòng thích thú ngăm xem chợ tết chộn rộn trăm màu trăm sắc, nên cứ đi quanh quẩn hết hàng này sang hàng khác. Đang dạo chợ, bỗng nghe có người la lên thất thanh "Móc túi, móc túi!" Mọi người liền túm lấy chú tiểu, cho rằng chính chú là kẻ gian vừa móc túi của người kia, vì lúc ấy chú đang ở gần người bị hại nhất...

Kể đến đó, cha dừng lại, cầm chân đèn lên lau chùi thân nhiên. Khoa nóng ruột, vội hỏi:

- Rồi sao nữa cha? Chú tiểu là người tu hành xuất gia đầu Phật mà cũng... móc túi ư?

Cha mỉm cười, lắc đầu kể tiếp:

- Không phải đâu con. Ngay sau đó, người ta đã bắt được thủ phạm khi hắn lẩn trốn lên lỏi vào đám đông giữa chợ, và vậy mới biết là đã nghi oan, bắt oan chú tiểu. Chú tiểu nhỏ tất nhiên được tha về...

Khoa tất lưỡi:

- Giống như con bị quá. Tức quá phải không cha?

Nưng chùi chân đèn, cha Khoa cười cười tiếp:

- Chuyện chưa hết đâu. Con biết sau đó ra sao không?

- Rồi sao nữa cha? - Khoa tò mò hỏi.

- Chú tiểu về chùa, kể lại đầu đuôi câu chuyện mình bị thiên hạ nghi oan, bắt oan giữa chợ tết đông người cho sư thầy nghe. Sư thầy nghe xong... con biết ông ta xử ra sao không?

- Chắc ông ôm chú tiểu vào lòng, rồi dỗ dành như cha đối với con vậy. Sau đó, sẽ thuyết pháp cho chú tiểu nghe về hạnh nhân nhục... Con nói có đúng không cha?

Cha lại cười, lắc đầu lia lịa:

- Trật lất. Sai bét rồi. Cho con điểm trúng vệt lợn cũng chẳng oan đâu!

Khoa cười tươi tán trong ngưỡng ngưỡng, hỏi:

- Ủa, vậy chứ sư thầy xử sao với chú tiểu hở cha?

- Sư thầy nghe xong thì giận lắm, ông ta bắt chú tiểu nằm dài ra đất rồi đánh cho chục roi mây vào mông!

Khoa kinh ngạc tột độ:

- Ủa, sao kỳ vậy cha? Sao ông lại đánh đòn chú tiểu mà không giận những người ngoài chợ?

- Con có hiểu nhà sư đánh chú tiểu vì tội gì không?

Khoa nhả mặt, lắc đầu:

- Con không hiểu nói. Cái ông sư thầy này... kỳ cục quá. Đã biết đệ tử mình bị oan mà còn đánh đòn là nghĩa lý gì?

Cha Khoa cười ha hả khoát trá, xua tay ra hiệu:

- Không oan đâu. Con nghe cha kể tiếp cho hết đã. Đánh đệ tử xong mười roi, sư thầy hỏi: "Con có biết thầy đánh con vì tội gì không?". Chú tiểu khóc hu hu: "Bach thầy, con... không biết!" Sư thầy gân giọng, nói: "Giữa chợ tết đông người tại sao người ta không nghi cho ai mà lại nghi cho con? Không phải tại con đứng gần người bị hại, vì cũng có nhiều người đứng gần như con. Người ta nghi cho con là kẻ gian, kẻ cắp vì bộ tịch, vì tác phong của con lúc ấy khiến cho người ta không thể tin cậy, tin tưởng con được. Con đã không giữ tư cách của mình ở chốn đông người. Chỉ vì thiếu tư cách nên con mới bị mọi người coi thường rề rề. Thấy đánh phạt con vì tội ấy!"

Ngừng một lát, cha cười hiền từ, hỏi Khoa:

- Con có hiểu cha kể cho con nghe chuyện cổ tích giữa chợ tết này để làm gì không?

Khoa cúi đầu trầm tư, rồi ngưỡng ngưỡng thưa:

- Dạ, con hiểu. Đúng là lâu nay con không đăng hoàng... Con giống chú tiểu trong câu chuyện quá!

Vừa lau chân đèn, cha vừa chậm rãi nói:

- Giống. Nhưng có một điều khác, con à!

- Khác gì vậy, cha?

- Khác ở chỗ chú tiểu bị sư thầy đánh phạt cho nhớ đời mà tu sửa nhân cách, còn con không bị cha đánh roi nào cả!

Khoa cười toe toét, hạnh phúc trước cái nhìn đầy thương yêu của cha. Khoa vừa cảm nhận được một mùa xuân tươi vui, rộn ràng vừa xông ào vào nhà mình. Ôi, mùa xuân thật đẹp.

# TRẠNG NGUYÊN

## NHỮNG KHOÁ THI

**T**heo Phan Huy Chú tính từ 1246 đến 1787 thì có 125 khoa thi với 127 Đình Nguyên, trong đó có 47 Trạng Nguyên. Triều Trần có 9, triều Lê sơ có 21, triều Lê Trung Hưng có 6, triều Mạc 11 vị. Xét từng miền về quê: Bắc Ninh 12, Hải Dương 8 Hà Nội 4, Hà Tây 4... Quả là hiếm vì trong lịch sử khoa cử của nước ta kể tới nhà Hậu Lê, không kể triều Nguyễn vì không lấy Trạng Nguyên có: 2374 người đỗ đạt từ 145 khoa thi. Khoa thi các năm Bình Thìn 8 vị là Mạc Đĩnh Chi (Lũng Đông, Nam Tân, Nam Thanh Hải Dương, Nguyễn Nghiên Tư (Phú Lương, Phú Tương, Quế Võ, Bắc Ninh) Vũ Kiệt (Yêu Việt Thuận Thành, Bắc Ninh) Nguyễn Quang Bật (Bình Ngô An Bình Thuận Thành - Bắc Ninh) Nguyễn Giản Thanh (ông Mạc Hương Mạc, Tiên Sơn, Bắc Ninh) Nguyễn Thiệu (Canh Hoạch Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Tây) Trịnh Tuệ (Sóc Biền - Vĩnh Lộc - Thanh Hoá) Phạm Trấn (Đoàn Tùng, Tứ Lộc, Hải Dương) nhân xuân Canh Thìn, kỷ niệm, 990 năm "Thăng Long Hà Nội" xin kể mẩu chuyện về các vị quan Trạng.

### LUƠNG QUỐC TRẠNG NGUYÊN

Mạc Đĩnh Chi (1272 - 1346), tên chữ là Tiết Phu đỗ Trạng khoa giáp Thìn 1307 đời Trần Anh Tông. Làm quan đến chức Tả Bộc Xá, đi sứ Nguyên hai lần đối đáp giỏi được

phong Lương Quốc Trạng Nguyên. Làm quan thanh liêm, vua ban phước thần cho dân lập miếu thờ tại quê hương ông vốn là cháu của Trạng Nguyên Mạc Hiếu Tích đỗ năm 1086. Mạc Đĩnh Chi tướng mạo xấu, giống chú Khỉ Tô Thiên. Vua không cho đỗ Trạng, ông làm bài phú "Ngọc Tinh Liên Phú" để ví von:

**NĂM  
RỖNG**

- Từ vị thược được lúc này  
Lầu vàng ao phượng nở đầy  
những bông

Nếu địa vị vô cùng cao cả  
Quý thanh danh tường đã  
sáng ngời!

Vua nghe xong cho làm Nội thư Gia (thư viện Hoàng Gia) rồi cho đi sứ mừng Nguyên Vũ Tông lên ngôi, sau đó lại đi sứ mừng Nguyên Thái Định lên ngôi. Người Trung Hoa thấy hình hài xấu có vẻ coi khinh, Một hôm Tế Tướng mời vào phủ đường trong tòa có bức tường thêu con sê (tước) màu vàng đầu trên cành trúc. Ông tướng thật bèn vó. Mọi người cười ầm. Ông chạy lên vó rồi xé luôn bức tường. Mọi người ngạc nhiên, ông

đáp: xưa nay tôi thường thấy họa sê vẽ mai tước, chứ chưa thấy vẽ trúc tước bao giờ" Mọi người và tế tướng gật gù không trách ông. Đi sứ sang Cao Ly (Triều Tiên), ông thi cùng một vị quan, làm xong trước bài Minh: - Lúc thịnh vượng đầy đủ - là Y Doãn Chu Công - Lúc mùa đông lạnh lẽo - là Bá Di, Thúc Tề... Bài đó sau được viết trên quạt của sứ thần Cao Di. Dưới triều Trần Minh Tông, có lần sau đêm vua sai người bỏ tiền vào trước cửa nhà ông. Sáng sau ông mang trả vua. Vua khen ông trong sạch tặng cho hai chữ "Lịch sự". Người đời còn truyền tụng về câu chuyện đối đáp giữa ông và người Trung Hoa. Một lần họ đối:

'Cây ki vón là một loài gỗ  
Cái chén không phải một  
loài gỗ

tại sao lấy cây ki chén."

Mạc Đĩnh Chi đối ngay:

"Tàng là người  
Phật không phải là người  
Tại sao lấy tàng thờ Phật!"

Lần khác họ đối:

"Đàn trích tụ trên cành, bàn vẽ  
Luận ngữ!

Biết thì nói là biết

Không thì nói là không biết

Thế mới là biết!"

Mạc Đĩnh Chi đối lại:

"Chú ếch kêu trên bờ ao,  
đọc sách Mạnh Tử!

Vui cùng một mình vui nhạc  
Vui cùng nhiều người vui  
nhạc

Hỏi đảng nào vui hơn?

Câu đối hay vì sứ Nguyên chê tiếng Việt nói lừ lừ như chim thì cụ Mạc trách lại tiếng của sứ Nguyên nghe ồm ồm như tiếng ếch trong ao. Thật vô quyết dày có móng tay nhọn.

Người viết Phụng thành  
Xuân sắc phú

Nguyễn Giản Thanh người Ông Mạc (Làng Me Từ Sơn - Bắc Ninh). Ông sinh năm 1842, đỗ khoa Mậu Thìn, Đoan Khánh thứ tư (1508), làm quan tới Hàn Lâm thi thư kiêm Đông Các Đại học sĩ, đi sứ phương Bắc được thăng Lễ Bộ Thượng Thư. Khi mất được tặng tước Hầu. Ông có tập *"Thương còn Chu Ngọc thi tập"*, con ông là Nguyễn Giản Liên đỗ Hoàng Giáp Đình mùi (1487) làm quan Đốc Cáp sứ trung. Lũ nhỏ, buổi học đã tan, mưa nên trở nán lại, thảy ra về đối:

- Mưa không có then khoá  
mà giữ khách.

Trò Thanh đối lại:

- Sắc dầu rõ màu mà đim  
chết bao người.

Thầy giáo ra câu khác:

- Trăng có cung mà chẳng  
bắn ai.

Một người bạn của lớp là Hứa Tam Tĩnh (làng Ngọt) đối:

- Phấn chẳng quyền uy gì  
mà người dễ bị sai khiến.

Trong kỳ thi Hội, Hứa Tam Tĩnh làm văn hay hơn Nguyễn Giản Thanh. Khi thi Đình, bài phú Nôm "Phượng Thành Xuân Sắc" vượt bài phú chữ Hán của Hứa Tam Tĩnh. Vua Lê Uy Mục phân văn thỉnh ý kiến của Hoàng Thái Hậu, bà chọn bài của Thanh nên dân gian có câu "Trạng Me đề trạng Ngọt". Thăng Long (Hà Nội) ở thế kỷ 16 được tả rõ:

- Chợ Hoè dầm ảm

Phố Ngọc mây vân

Trại lạnh lệ đá cầu vên áo

Gái eo le rú yếm đôi quần.

Chợ Hoè Nhài (phường Nguyễn Trung Trực nay) và Ngọc Hà (phường Ngọc Hà nay) là hai đầu Đông Tây của Hoàng thành Thăng Long ngàn xưa.

VĂN HẬU (ST)

## Chùa Thánh Quang VÀ ĐỀN CHÙA LÀNG YÊN NỘI

□ NGUYỄN TỌA

hiến chùa,

*Danh hai Thánh tự Phật như thần."*

và "Phái điển Đông A  
truyền tự điển,

*Hương hai Quang tự ấn từ tâm".*

Tương truyền, 7 năm sau chiến thắng quân Nguyên lần thứ nhất (Mậu Ngọ - 1258), để phát triển sản xuất làm cho đất nước giàu mạnh, vua Trần đã xuống chiếu cho các vương hầu, công chúa chiêu tập dân phiêu tán để khai khẩn đất hoang, mở mang vùng ven kinh thành Thăng Long (1)

Công chúa Túc Trinh, con gái vua Trần Thánh Tông (1258 - 1278) đã rời cung điện ra vùng phía tây bắc kinh thành Thăng Long; lúc đó còn là hoang địa lập đình diễn. Công chúa bỏ tiền của phát chẩn, cấp giống vốn cho dân nghèo dựng nhà, vỡ đất cấy trồng làm ăn sinh sống. Sau khi lập được làng Cổ Nhuế Viên, công chúa Túc Trinh đã tới miền đất hoang hoá này (tức An Nội) để làm việc ăn đức đó.

Chúa bảo: "Ban đầu vâng mệnh vua cha, ta mới chiêu được mười nhân khẩu, thấy mảnh đất bên bờ sông vừa đẹp vừa tiện đi lại nên ta cho lập ấp nhỏ ở xứ vườn, sau đóng thành làng. Làng đó ta đặt là Cổ Nhuế Viên. (3)

Nay ta lập thêm làng mới này, thấy dân chúng chịu khó làm ăn, biết nghe lời phải, bầy

Làng Yên Nội, xã Liên Mạc, huyện Từ Liêm (Hà Nội) có chùa Thánh Quang (Thánh Quang tự) và đền chùa (tối linh từ) là hai di chỉ quý ghi lại sự kiện lịch sử đời Trần chống giặc Nguyên Mông, quá trình hình thành một làng Việt Cổ ngoại thành Thăng Long với công lao sự nghiệp của Công chúa Túc Trinh.

Thánh Quang tự do công chúa Túc Trinh xây dựng nên cùng với việc lập làng An Nội xưa, nay gọi là Yên Nội. Nhân dân Yên Nội thờ bà làm Hậu Phật. Hiện nay ở hậu điện có tượng công chúa Túc Trinh.

Còn ở đền Chúa, nhân dân đúc tượng đóng đèn thờ công chúa Túc Trinh làm thần chủ, đặt tên là "Tối linh Từ" (Chuong ở đền khắc chữ "Tối linh từ chung").

Theo nhân dân địa phương thì công chúa Túc Trinh sau khi lập làng đã xây dựng chùa và đi tu ở đây. Để ghi nhớ và tôn vinh công lao sự nghiệp của công chúa, sau ngày công chúa Túc Trinh mất, dân làng lập đền thờ. Hiện còn hai đôi câu đối cổ có ý nghĩa gắn với tên chùa Thánh Quang bởi hai nhóm từ: Thánh tự (vén thứ hai, câu thứ nhất) và Quang tự (vén thứ hai, câu thứ hai) đó là

*"Tích thóc Hoàng gia tiên*

giờ đất đã sạch cỏ, thế là từ Cổ Nhuế Viên lại có thêm Cổ Nội. (4) Bấy giờ dân đã an cư lạc nghiệp, ta đặt tên cho làng là An Nội. An Nội có sau, Cổ Nhuế Viên có trước. Cổ Nhuế viên là anh, An Nội là em. Hai làng biết thương yêu nhau, quý trọng nhau thì ta mới yên lòng. Ta đã xin triều đình khoanh khu đất làng ta hình chiếc quạt giấy mở, mong cho làng mãi mãi mát mẻ, phong quang (5) "

Nhân dân vô cùng phấn khởi, hứa làm theo lời dạy bảo của chúa, xin được muôn đời thờ cúng làm theo di chúc khi Chúa trăm tuổi về châu cảnh Phật.

Chùa Thánh Quang xây theo cấu trúc nội công ngoại quốc. Tam quan ở sau hậu cung treo quả chuông "Thánh Quang tự chung" khắc bản di chúc của công chúa Túc Trinh, ghi niên hiệu đời vua thứ tư tức Trần Anh Tông (1293 - 1314). Nguyên Văn bản di chúc như sau:

"Duy, Hoàng Việt Trần Triều đệ tử đế:

Túc Trinh công chúa chủ hồng Chung nhất khẩu, trọng tứ bách cân, lưu Từ Liêm Hương - Thánh Quang Tự ( Cổ Từ Liêm hương, kim cai vi An Nội xã ).

Trứ Tam Bảo điển địa thủ lộ nô tì lưu phụng hương hoá, thượng phẩm minh tự Trần Khắc Hãn.

Phù sinh ư tư thế giả, giai nguyện hữu tử tôn. Hữu tử tôn tác bách niên chi hậu, phần mộ bất hoang, tiên nhân chi tế tự bất phế giả.

*Thiết niệm : Mỗ*

*Túc Thế bất trùng thiện quả,*

*Kim sinh bất tu thiện duyên,*

*Hoạn kỳ thụ ư hữu thân,*

*Tội hựu tạo ư vô hậu.*

*Mục tuy vị thần, tình tắc dĩ ai.*

Sử ký phân điển địa nô tì, nhi dữ bất tiến chi huyh đệ,

thực nhược lưu thủ phần mộ cập xuất vi Tam Bảo chi thí vật, tỷ nhi phụng kỳ hương hoá. Sự tử như sinh, tế dĩ tuế thời, kính chung nhược thủy, thị cố dự kỳ sinh tiến dĩ ngữ, đại vi tử hậu chúc thư, khắc vu hồng chung, truyền vu hậu thế.

Thượng lai quốc gia chi thường pháp, hạ vọng huynh đệ chi thuận tâm. Cầu vi chung ngôn, nan đào võng hiến!

Hữu nhược điển địa phần dư hương hoá nô canh thực, cập tiến Tam Bảo vật dĩ hữu khu phận, nhược nô chúng hữu nhất bất cần phụng hương hoá giả tính tự xâm đoạt Tam Bảo điển địa, tức nô chúng cộng tu trạng cáo triều đình luận tội.

Nhược huynh đệ mỗ nhân, tự thác thế chiếm đoạt Tam Bảo điển địa, tính nhiều nhượng sai sử hưởng hoá, nô tức nô chúng diệc cộng tu trạng cáo triều đình luận tội. "

Dịch nghĩa:

" Vua thứ tư triều Trần, nước Việt. Công chúa Túc Trinh đúc chuông lớn nặng 400 cân để ở hương Từ Liêm, chùa Thánh Quang (xưa là làng Từ Liêm, nay đổi là xã An Nội ).

Đưa ruộng đất vào Tam Bảo cho nô tì giữ thờ cúng.

Phẩm vật tốt được Trần Khắc Hãn viết chữ rõ ràng, sáng sủa.

Đời người sống gửi trong chốc lát cũng là một đời. Điều mong mỏi trong lòng là ai ai cũng có con cháu. Có con cháu thì trăm năm về sau mồ mả chẳng để trống không, người chết rồi thì việc cúng tế cũng không phải bỏ.

*Thiết nghĩ, ta đây:*

*Suốt đời chẳng trồng quí tốt,*

*Nay sinh chẳng sửa duyên lành.*

*Lo đã chịu là hữu thân,*

*Tội lại gặp là vô hậu.*

Mắt dầu chưa nhắm, tình

thời đã thương. Cho nên phải chia ruộng đất cho nô tì và cả anh em trong họ. Ai cũng phải giữ gìn phần mộ cùng với quí vật của Tam Bảo.... Vì cố đó, Ta ghi lời dân lúc còn sống

Thay làm chúc thư sau khi chết

Khắc ở chuông này, truyền để đời sau.

Trên nhờ phép thường của Nhà nước,

Dưới mong lòng thuận của anh em.

Nếu trái lời trong chuông, khó tránh khỏi lưới pháp luật.

Từ nay, ruộng đất chia cấp cho hương lửa nô tì cấy sinh sống và ruộng đất tiến làm của Tam Bảo đã có phân biệt. Nếu trong nô chúng có người không chịu phụng sự hương hoá lại tự tiện xâm chiếm ruộng đất của Tam Bảo thì nô chúng phải cùng nhau tố cáo lên triều đình luận tội.

Nếu anh em người nhà ta cấy thế chiếm đoạt ruộng đất của Tam Bảo, trễ nải việc hương hoá thì nô chúng phải cùng nhau tố cáo lên triều đình luận tội."

Cũng trong chuông này, có phần "ghi chú: Nguyên chuông cũ bị phá mất không biết duyên cớ và từ năm nào. Nhân dân cho đúc chuông mới, đồng ba trăm cân, thiếc tám cân, vàng hai mươi tám phần, lời văn y như chuông cũ, treo ở tam quan.

Tự đúc, Ất Hợi (1875), tháng hai đúc thành quả chuông khắc bài văn chuông làm ghi".

Theo dân làng thì chuông cũ do công chúa Túc Trinh đúc đã 700 năm tính đến ngày nay và chuông bị mất từ thời Lê - Trinh. Đến năm 1875 mới đúc lại như lời ghi chú khắc trên chuông.

# ĐẠO PHẬT

## TRONG CUỘC SỐNG THỰC TIỄN

□ Tiến sỹ K.SRI DHAMMANANDA

(Tiếp theo)

*(Trong các số trước, cuốn sách này đã đề cập đến các vấn đề: Đạo Phật là gì?, Ba khía cạnh để hiểu đạo Phật. Nội dung học thuyết của Đạo Phật gồm: Thông điệp của các Đức Phật. Số này sẽ đề cập tiếp đến các phần còn lại của phần (3). Từ điều đế, Bát chính đạo, Niết bàn, Nghiệp, Tái sinh và các số sau sẽ đề cập tiếp đến phần (4): Sự thực hành đạo Phật trong xã hội hiện đại gồm: Văn hóa, các nghi thức tôn giáo; Quan niệm của đạo Phật về việc thọ cúng, Các hình ảnh bị xuyên tạc; Lòng tin tưởng và một đời sống tôn giáo; Lòng khoan dung trong đạo Phật; quan niệm về thánh thần và tội lỗi; Những sai lầm về ngộ nhận; Đạo Phật ở các nước; Sự pha trộn trong đạo Phật; các Phật tử trước bước ngoặt; Đức Phật với các tên khác nhau; các ấn phẩm, kết luận).*

### TỨ ĐIỀU ĐẾ

Hiểu biết rõ về bốn sự thật cao quý (Hay còn gọi là Tứ điều đế) là một điều cần thiết trong việc thực hành đạo Phật. Những sự thật đó là việc nhận ra được bản chất của sự khổ (khổ đế), nguyên nhân của sự khổ (tập đế), việc giải thoát ra khỏi sự khổ (diệt đế) và phương pháp chấm dứt sự khổ và đạt được giải thoát (đạo đế). Nếu không hiểu về bốn sự thật quan trọng này, chúng ta sẽ không nhận ra được bản chất của các vấn đề bức xúc của con người và sẽ tiếp tục nếm trải khổ đau.

Chỉ có ở một tôn giáo - đó là đạo Phật, thì bốn sự thật này mới được làm sáng tỏ. Qua việc hiểu về bốn sự thật này, chúng ta nhận thấy là khổ không có gì khác ngoài việc không thỏa mãn những gì trong cuộc sống và tình cảm của chúng ta. Nguyên nhân của sự không thỏa mãn này là tự nhiên và không do bất cứ ai hay bất cứ thế lực nào tạo ra cả. Trong mọi thành phần và hình thức của năng lượng, sự va

chạm, mâu thuẫn, mất cân đối hay sự thay đổi đều liên tục xảy ra, như khoa học đã khẳng định tất cả mọi vật thể hữu hình tồn tại do sự vận động va chạm và điều đó sẽ đưa đến sự thay đổi, vậy nên, thay đổi là đặc trưng của cuộc sống. Khi tình trạng thay đổi liên tục này mà chúng ta trải nghiệm về mặt thể chất và tinh thần trong từng giây phút, có liên quan đến tình cảm và lòng khát khao của con người, thì chúng ta trải nghiệm sự không thỏa mãn hay sự khổ.

Từ Giáo pháp (Dhamma) chúng ta thấy được rằng nguyên nhân của sự khổ không phải là tội lỗi từ căn nguyên hay là do lỗi nguyên hay ảnh hưởng của bất cứ vị thần, quỷ hay ma nào như một vài tôn giáo đã tin như vậy, mà là do lòng khao khát muốn tồn tại và các thú vui về giác quan (lục dục) của chúng ta. Con người thấy khổ khi họ không hiểu biết (vô minh) và cố gắng thỏa mãn các đòi hỏi tham lam, vô hạn độ của ngũ quan, những điều chỉ đưa đến lo lắng, sợ hãi và thất vọng. Do vậy khi một người hiểu rõ được bốn sự thật này, họ sẽ cố gắng vượt qua được sự bất hạnh của mình bằng cách giảm sự yêu thích và chán ghét của mình đi, đó là gốc rễ của tất cả những hành động xấu.

### BÁT CHÍNH ĐẠO

Sau khi nhận rõ được nguyên nhân của sự khổ, chúng ta có thể diệt được chúng bằng cách làm theo một phương pháp do Đức Phật đề ra. Phương pháp này hay con đường này được gọi là con đường thánh tám ngành, hay tám con đường cao quý hay còn gọi là Bát chính đạo, để cho những ai muốn an lạc và hạnh phúc thì hãy làm theo.

Con đường cao cả này gồm 8 nhân tố: hiểu biết đúng (chính hiểu biết), suy nghĩ đúng, (chính tư duy); Nói năng đúng (Chính ngữ),

hành động đúng (chính nghiệp), sống bằng nghề nghiệp đúng (Chính mạng) cố gắng đúng (Chỉnh tinh tiến), tinh thức đúng (chính niệm) và tập trung tư tưởng đúng (Chỉnh định). *Giới* hay kỷ luật đạo đức được củng cố bằng cách thực hành chính ngữ, chính nghiệp và chính mạng. *Định* hay là sự tu dưỡng tinh thần được phát triển qua việc áp dụng chỉnh tinh tiến, chính niệm và chỉnh định. Phát triển *Giới* và *Định* sẽ làm nảy sinh *Tuệ* hay là sự sáng suốt, bao gồm chỉnh kiến (chỉnh hiểu biết) và chỉnh tư duy sự độc đáo và ưu thế trong những lời dạy của Đức Phật nằm trong phương pháp thực hành này. Khi thực hành Bát chính đạo, con người có thể làm trong sạch tâm ý của mình về phát triển về tinh thần để trở thành một con người cao quý và hoàn hảo.

Con đường Bát chính đạo mang tính chất phổ quát và đem lại kết quả tốt cho những ai thực hành nó không chỉ những người theo đạo Phật mà bất cứ ai làm theo con đường đó. Chúng ta cũng không phủ nhận rằng khi thực hành phương pháp này đôi khi chúng ta cũng phải đương đầu với những khó khăn song người ta có thể vượt qua bằng cách áp dụng chỉnh tinh tiến. Ngược lại nếu không đi theo con đường này thì chúng ta cũng không tránh khỏi những khó khăn. Chúng ta sẽ phải đương đầu với những kiểu khó khăn khác, mà các khó khăn nghiêm trọng nhất trong tất cả là khó có các cơ hội để làm việc tốt và gặp gỡ các bạn bè tâm linh tốt.

Thật là dễ cho ai đó đi từ chỗ đầy ánh sáng của một đời sống tinh thần, tâm linh tốt đẹp vào chỗ tăm tối, và cũng thật là khó khi đi từ chỗ tối tăm ra ánh sáng đời sống tinh thần.

### NIẾT BÀN (NIBBANA)

Con đường Bát chính đạo đã giải thoát con người khỏi khổ đau, mang lại hạnh phúc và an lạc cho con người trong kiếp sống này và các kiếp sống sau. Song đó chưa phải là tất cả. Sự thực hành theo con đường này cuối cùng sẽ đưa con người đến việc đạt được niềm hạnh phúc tối cao là Niết bàn. Niết bàn không phải là một khái niệm thần bí mà là sự thể hiện hoàn hảo của cái tuyệt đối mà nó vượt qua mọi biểu hiện của hạnh phúc như được mô tả theo cảm nghĩ thế gian.

Nếu chúng ta có thể hiểu được thực tại của bản thân chúng ta thì chúng ta có thể dễ dàng hiểu được những gì Đức Phật đã dạy. Chúng ta có thể đi vòng quanh thế giới để tìm ra chân lý mà người đã thế, song chúng ta chỉ tìm thấy nó khi chúng ta khám phá trong nội tại bản thân chúng ta bằng cách sử dụng thiền định để có được tri thức thâm sâu, nhìn thấu được bên trong sự việc (tri kiến, thâm kiến) và cái thấy này thường được gọi là kiến tính. (ND) Qua sự thiền định như vậy (insight meditation) chúng ta có thể thâm nhập vào thực tại và hoàn toàn thoát khỏi sinh, bệnh, lão, lo lắng, khổ sở... An lạc, hạnh phúc và sự bình yên là trạng thái Niết bàn, là kết quả đạt được bởi một người đã phát triển tâm trí ở đỉnh cao của sự thanh tịnh và hoàn hảo.

Qua việc trình bày về Tứ diệu đế và Bát chính đạo, chúng ta thấy rõ ràng con đường giải thoát là thông qua việc thực hành giáo pháp (Dhamma) và không có sự can thiệp hay ban thưởng của một bậc Thánh thần nào. Do đó chúng ta không được thụ động và tin vào định mệnh mà hy vọng rằng sẽ có ai đó ở bên ngoài cứu chúng ta thoát khỏi vòng luân hồi (Samsara). Nếu chúng ta tu dưỡng bản thân để trở thành những con người lành mạnh thì kết quả sẽ đến một cách tự nhiên. Nhưng người Phật tử cũng không tin rằng ai đó sẽ được ban thưởng hoặc bị trừng phạt về các hành động tốt, xấu của mình do bởi số phận của mình hay do sự phán xét của bậc thánh, thần nào. Mà đó chính là sự vận hành của một quy luật tự nhiên luật Nhân - Quả hay Nghiệp báo, đã đưa đến hạnh phúc hay đau khổ cho mỗi con người.

### NGHIỆP BÁO (KAMMA)

Luật Nhân - Quả rất quan trọng, nó giúp chúng ta hiểu được nguyên nhân gây ra những khác biệt của loài người. Tất cả chúng ta đều phụ thuộc vào những tư tưởng, lời nói và hành động thiện và bất thiện của chúng ta. Bất cứ hành động nào mà chúng ta thực hiện với một ý định thì đều được thúc đẩy bởi những tư tưởng thiện hay bất thiện. Dựa trên các động cơ này chúng ta tạo ra nghiệp tốt hay nghiệp xấu. Nghiệp tốt mang lại kết quả tốt, trong khi nghiệp xấu đưa đến kết quả xấu. Kết quả của các nghiệp xấu và tốt của chúng ta có thể được gặt hái ngay trong đời này hoặc các đời sau.

Luật Nhân - Quả Nghiệp báo là một quy luật tự nhiên của vũ trụ và không do một đấng tối cao nào sáng tạo ra. Qua sự vận hành của luật này, tất cả mọi người đều gặt hái quả chín của các hành động của họ và nó làm cho người thì được giàu sang, đẹp đẽ, được tôn vinh, người thì xấu xí, nghèo nàn hèn kém. Đạo Phật không chấp nhận niềm tin là có một vị thánh thần hay ma quỷ nào đó có trách nhiệm về những sự khác nhau giữa con người. Đức Phật nói rằng những tình cảm vui thích và khó chịu không phải do Thượng đế trừng phạt hay ban thưởng mà nó nảy sinh do kết quả tự nhiên của các hành động xấu và tốt của chúng ta. Ai cũng phải chịu kết quả xấu hoặc hưởng kết quả tốt của các hành động của mình cho dù người đó có tin vào *Nghiệp báo* hay không. Do vậy, khác với những gì mà một vài người tin tưởng, con người nhất định không phải là một vật thí nghiệm của một đấng siêu nhiên nào đó và có thể bị trừ khử khi không muốn. Đạo Phật coi con người là một chủ thể có khả năng phát triển sự hiểu biết để giải thoát bản thân mình khỏi sự đau khổ nếu con người được chỉ cho các cách làm thế nào để đẩy lùi sự ngu dốt (vô minh).

### TÁI SINH

Theo Đức Phật, cuộc sống hiện tại không phải là cuộc sống đầu tiên mà cũng không phải là cuộc sống cuối cùng. Quá trình sống cứ tiếp tục chùng nào lòng ham muốn tồn tại vẫn còn trong tâm trí và sự tham muốn này lại tích lũy các nghiệp lực tốt và xấu. Do vậy, chừng nào các nghiệp lực và lòng ham muốn hiện hữu vẫn còn, thì tái sinh lại tiếp tục xảy ra.

Sự tồn tại của chúng ta không bắt đầu với cuộc sống này của con người mà cũng không kết thúc với một cuộc sống vĩnh hằng trên thiên đàng hay ở địa ngục. Cuộc sống của chúng ta cứ tiến hóa qua vô số những kiếp sống tùy theo chất lượng của Nghiệp đã được tích lũy. Quá trình này sẽ tiếp tục đến khi nào, vào một ngày nào đó người ta nhận ra được nguyên nhân của sự tồn tại của mình trên cõi đời này, và qua sự nhận biết đó nó sẽ cố gắng hành động để đưa quá trình này đến một sự chấm dứt hoàn toàn, không thể tái hồi nữa. Sự đạt được đó là mục đích cuối cùng gọi là Niết Bàn.

Sự tái sinh (rebirth), chứ không phải là sự đầu thai (reincarnation) đã được dạy trong đạo Phật. Sự khác nhau là ở chỗ, ở sự đầu thai, người ta tin rằng có một linh hồn trải qua các lần sinh ra liên tiếp, trong khi đó, tái sinh không chấp nhận ý tưởng về một linh hồn. Tái sinh có thể xảy ra như thế nào mà không có linh hồn, như được đề cập đến trong đạo Phật là một tư tưởng tôn giáo cách mạng. Tất cả các tôn giáo trước và sau Đức Phật đều giương cao niềm tin về linh hồn, vì không có nó, họ không thể giải thích cái gì sẽ xảy ra cho cuộc sống sau khi chết. Đức Phật đã giải thích rất rõ ràng tái sinh mà không có linh hồn có thể xảy ra như thế nào. Để hiểu được sự giải thích của Đức Phật về tái sinh, vẫn phải nghiên cứu về Tâm lý học Phật giáo về bản chất của các khả năng tinh thần) và bản chất của các nghiệp lực và các năng lực vũ trụ (Để hiểu rõ hơn về quá trình này, hãy tìm đọc cuốn "Bạn có tin vào tái sinh" cũng của tác giả).

Con người được sinh ra liên tục, trong vòng *Luân hồi* cho đến khi nào nó nhận ra được cái giá trị của việc vượt ra khỏi tất cả những sự kềm còi của con người bằng việc trau dồi một tâm tư cao quý. Khi nó sẵn sàng chấp nhận mọi trách nhiệm của cuộc đời và phát triển một sự hiểu biết thâm sâu vào thực tại, thì nó bắt đầu đi theo một đường xoắn ốc đi lên. Con người có thể cứu thoát bản thân nó bằng những cố gắng của nó được hướng dẫn bởi giáo pháp. Với nghĩa này thì Đức Phật được coi như là *Đấng cứu tinh* ở chỗ Người đã chỉ ra con đường để tự cứu thoát cho mọi người.

Do vậy đối với đạo Phật, số phận của con người không phải là do tình thương của một đấng siêu nhiên nào đó ban phát sự cứu rỗi theo một ý thích bất chợt mà được quyết định bởi cố gắng của con người trong việc trau dồi những tư tưởng, lời nói và hành động tốt đẹp. Khi một con người hiểu đầy đủ về trách nhiệm đạo đức của mình thì người đó bỗng nhiên được nâng từ tình trạng bất lực, bơ vơ trở thành một người đầy trách nhiệm, tự trọng và được khích lệ.

(Còn nữa)

ĐỖ THỊ BÌNH

*Dịch từ nguyên bản tiếng Anh  
(Kỳ sau "Sự thực hành đạo Phật  
trong xã hội hiện đại")*

TÚ MỐC

DUYNG TUYẾT LAN

*Cảm nhận Xuân*

## CHÙA HƯƠNG

Liều ăn cần mạch bèo,  
 Thời đừng tìm kiếm nôi  
 Gó chân tình thấm thới  
 Hây buông mình,  
 Như nắng Xuân rạng rỡ,  
 Vời vợi tí tâng cao  
 Núi đi vào cõi Tịnh,  
 Cùng Trăng Xanh hiến hóa  
 Dịu dàng lãng chiếu soi...

Bến Đục qua dòng nước suối trong  
 Thuyền xuôi cửa Phật nguyện cầu mong  
 Mưa xuân lất phất vui vào hơi  
 Lẻ học, lòng thành xin kính dâng  
 Đốc núi cheo leo, nhẹ bước dần  
 Cỏ cây bàng dầy vẫy chào xuân  
 Động cao, rừng thâm, triển non suối  
 Biêng biếc khung trời rạng rết vân  
 Dò dầy ngan ngát tỏa trăm hương  
 Man mác quanh mình quyến khởi hương  
 Lối nhỏ, chùa xa, xa tiếng mõ  
 Thốn chiều, chum vọng, vọng dấu hương  
 Nhưng ai đã tới đất Hương Sơn  
 Ngắm cảnh đừng chân đá vấn vương  
 On me "Nước non giấu cảm xúc"  
 "Bầu trời cảnh bụi" hơi đầu hơn.

ĐÀO HANH

*Cửa Phật*

VĂN THỨC

*Ngẫm*

Chuyên đời vô xứ - Người ơi  
 Ngừng lên Đức Phật sáng ngời hào quang  
 Nhịp nhùng tiếng mõ gieo vàng  
 Thế nhân rũ áo qua tan bụi đời

Thức ta vẫn chỗ quên mình  
 Bởi lòng có thức mới hình dung ra  
 Ngẫm mình rồi sẽ thấu ta  
 Hiểu đời tương tự như là hiểu thân  
 Trong vòng có sự duyên luân  
 Lòng mình chưa tỉnh khó phân nổi người



\* Tượng Phật dưới chân núi Đục Thủy, Ninh Bình

Ảnh: Tuấn Hải

MÔNG ĐẮC

*Chùa Non Nước*

Một hồn non nước một chùa non  
 Thế kỷ rêu phong mãi mãi còn  
 Thánh thất chuông ngân chiếu tỉnh lòng  
 Non càng thương nước nặng lòng hơn.

- Không vì vinh hoa phú quý lại đánh mất danh dự lương tâm, bậc trượng phu xông vào với danh thơm;
- Chẳng bởi lợi lộc công danh mà lãng quên luân thường đạo lý, trang nam tử vẫn vững vàng đức sáng.

- HỒNG MẪU ĐƠN -



# PHẬT GIÁO CAMPUCHIA

□ TRƯƠNG SỸ HÙNG

## 1. Quốc gia Phù Nam miền đất cổ sớm có kinh tạng Pall:

Sách *Lương thư, quyển Phù Nam truyện*, chép là năm 514 Xàdabātma chết, con thứ là Lurudibātma giết anh trưởng rồi lên ngôi. Năm 519 Lurudibātma sai sứ dâng cho Trung Quốc tượng Phật bằng gỗ Chiên-đàn. Sứ giả cuối cùng của Phù Nam đến Trung Quốc năm 539 có nói ở nước Phù Nam có tóc Phật dài 1 trượng 2 thước. Lương Vũ Đế sai Thích Văn Bảo theo sứ Phù Nam về nước, để rước tóc Phật. Đó là sự kiện đầu tiên có liên quan đến Phật giáo Campuchia thời cổ. Pháp sư Chân đế Tam tạng, về sau cũng từng rước tóc Phật từ Phù Nam về. *Tục Cao tăng truyện* có ghi: "Khoảng năm Đại Đồng (535 - 545) có sắc chỉ cho bọn sứ thần Trương Phạn đưa sứ Phù Nam về nước sau đó xin bộ *Kinh luận* của danh tăng". Sách *Lịch đại tam bảo ký* còn khẳng định: "Phù Nam là một cường quốc văn hóa"... "họ có các bộ kinh điển tiếng Phạn, phần lớn là chưa truyền đến Trung Quốc". Ở chùa Ta Prohm ở phía nam Phù Nam, có bia ghi 10 bài kệ bằng tiếng Phạn. Bài kệ thứ 6 nói việc vua Lurudibātma quy y tam bảo Phật Pháp Tăng làm Lurubāt. Rõ ràng nhà vua là một tín đồ Phật giáo trung thành "Không phải là thực hiện nghĩa vụ của Vương quyền, mà là con người trên thế giới này thực hiện chỉ

hướng làm việc thiện" (1)

Như vậy nước Phù Nam mới hưng thịnh từ khoảng thế kỷ I sau Công nguyên. Đến thế kỷ 5, 6 thì đạt đến mức độ cực thịnh. Trong khoảng trên dưới 500 năm. Phù Nam là một vương quốc giàu mạnh và cũng là một nhà nước Ấn Độ, đầu tiên ở vùng Đông Nam Á. Phật pháp cũng được thịnh hành. Hơn thế, Phù Nam là một trạm chuyển dịch lớn của Phật giáo về phía đông.

Trong sử sách Trung Quốc, từ Lurudibātma về sau không thấy tên các vua của Phù Nam. Khoảng năm 540 trở đi Phù Nam bị Chân Lạp thôn tính. Đầu thế kỷ VII vua Phù Nam còn cho sứ đến triều cống Trung Quốc, có lẽ vì chưa bị diệt vong. Năm 672 Phù Nam mới hoàn toàn thuộc về Chân Lạp.

## 2. Chân Lạp với dấu vết mờ của Phật giáo Đại thừa:

Chân Lạp được người Trung Quốc gọi là Khome hoặc Campuchia vào khoảng thế kỷ 6 đến 13. Tên nước Chân Lạp, lần đầu tiên thấy chép trong truyện Chân Lạp ở *Tùy thư*.

Vào khoảng năm 550, sau khi Lurudibātma của Phù Nam qua đời, nước Chân Lạp ở phía bắc Phù Nam lúc ấy chiếm cứ vùng trung hạ du sông Mêkông; trung tâm sớm nhất là Bassak (bao gồm miền Bắc Campuchia và phía nam nước Lào). Chân Lạp vốn là thuộc quốc của Phù Nam, sau nhân cơ hội đem quân chống lại và

kiềm tính luôn phía đông Phù Nam, rồi dần dần lớn mạnh. Chân Lạp chiến thắng Phù Nam vào khoảng trước sau năm 550. Vua Bhavavarman I, ở ngôi; nhưng người chỉ huy chiến dịch dường như lại là em trai nhà vua là Cetrasena Mahendravarman.

Trong *Tùy thư, quyển Chân Lạp truyện*, chép: "Nước Chân Lạp ở vào phía tây nam nước Lâm Ấp vốn là thuộc quốc của nước Phù Nam, cách quận Nhật Nam độ 65 ngày đi thuyền. Phía Nam nước này tiếp giáp nước Xa Cừ, phía tây giáp nước Chu Giang". Và có đoạn văn ghi rõ là vào năm Đại nghiệp 12 (năm 616), Chân Lạp từng sai sứ đến triều cống, những điều ghi chép trong bản truyện, dường như là lời của công sứ". Căn cứ vào văn bia Campuchia có thể biết được rằng năm 598 vua Babā Batma còn đang ở ngôi. Đến đầu đời Trinh Quán (627 - 649) nhà Đường, Yxanatién lại đẩy mạnh việc mở rộng lãnh thổ chinh phục thành Qmanditapura ở lưu vực Stung san, xây dựng kinh đô mới đặt tên là Vyadhapura. Văn bia của Campuchia, có chép rằng vua trị vì năm 626 là Isanavarman. Sau khi Chân Lạp chinh phục Phù Nam thì cư dân vẫn tiếp tục thiếp thu văn hóa và tôn giáo Ấn Độ. Việc thờ thần Siva trên thực tế là một quốc giáo, Phật giáo Đại thừa cũng được phát triển rộng khắp, tình hình cũng gần

giống với thời kỳ Phù Nam. Phong cách nghệ thuật của người Khơme, dường như hoàn toàn mô phỏng theo Ấn Độ. Dựa vào các di tích còn lại ngày nay, có thể nhận ra các đặc trưng như sau:

1. Kiểu Tháp Tà Phnom từ cuối thế kỷ 6 đến đầu thế kỷ 7 phần lớn là đại biểu cho nghệ thuật cuối thời kỳ Phù Nam. Những bức tượng điêu khắc tìm thấy ở Ang Kor Prei bao gồm cả tượng thần đạo Bàlamôn và tượng Phật; là có quan hệ rất sâu sắc với nghệ thuật Ấn Độ, thế nhưng trong đó cũng có cả khuynh hướng buổi đầu của nghệ thuật Ăngco.

2. Kiểu thức Sambor Prey Kuk khoảng thế kỷ 7 còn lại ba khu vực di tích chùa chiền có thể coi là công trình kiến trúc tôn giáo ở thành Yxala của vương quốc Chân Lạp thời kỳ đầu dựng nước.

3. Kiểu thức Prei Kmeng từ nửa cuối thế kỷ 7 đến thế kỷ 8 nổi lên là vòng hoa có trang trí đẹp hơn. Tượng điêu khắc chỉ có một pho là tinh xảo, đó là tượng thần Harihana hợp thể hai thần Vishnu và Siva (1).

#### 4. Phật giáo Ăngco:

Xàda Batma đệ nhị là người khai sáng ra vương triều Ăngco. Văn bia nói ông ta "từ nước Trào Oa" đến, có thể là vào cuối thế kỷ 8, nước Trào Oa hưng thịnh đã mở rộng thế lực đến tận bán đảo Malayxia và đất đai vùng ven biển của Chân Lạp; bắt Chân Lạp hàng phục thành thuộc quốc. Xàda Batma có thể bị bắt làm tù binh và phải lưu vong ở nước ngoài. Một tấm bia khắc có nói đến Campuchia bị Trào Oa thống trị và vua Xàda Batma đệ nhị xây dựng một vương triều mới.

Xàda Batma từ Trào Oa trở về Chân Lạp đánh đuổi thế lực thống trị của Trào Oa và thoát ly khỏi quan hệ thuộc quốc quốc của Trào Oa, cố gắng thống nhất đất nước. Ông trị vì 48 năm, đầu tiên đóng đô ở thành Indrapura (phía đông tỉnh Kôngpông Chăm ngày nay)

sau lại dời đến phía bắc Biển Hồ, xây dựng Hariharalaya khai thác đất đai. Cuối cùng ông mới đến núi Mahendraparvata, ở cách đông bắc Ăngco 30 dặm; xây dựng kinh đô, chính thức lên ngôi. Ông mời một vị tăng lữ đạo Bàlamôn là Hiranyadema đến triều đình làm nghi thức tôn giáo, bỏ sự trời buộc về tinh thần của vương triều Trào Oa, để ông trở thành một vương triều độc lập chân chính. Sau khi ông củng cố nền thống trị ở khu vực Biển Hồ, liền cho dời kinh đô đến khu vực đất đai bằng phẳng là Hari Hara Landa. Ông là vị quốc vương đầu tiên sáng tạo ra nghệ thuật Ăngco, mở ra một thời kỳ huy hoàng nhất trong lịch sử Campuchia.

Xàda Batma đệ nhị qua đời, Jayavarman II (850 - 877) kế vị. Rồi đến một người có quan hệ huyết thống bằng hệ kế thừa, đó là Indravaraman I (877-889). Ông rất quan tâm đến việc xây dựng thủy lợi, làm hồ chứa nước và đào sông khai đường giao thông hạn hản thì cung cấp nước tưới, khiến cho kinh tế vùng Ăngco có những

#### THÍCH CHÂN TRI

#### HÀNH THIÊN CHÂN NÚI ĐỤC KHÊ.

*Dường hành thiên đá dầm lòng lạnh  
Cỏ ven bờ thấm lạnh đêm đông  
Trời mênh mông, đất mênh mông  
Trăng rằm trong vắt, đèn lồng "chân như"  
Bước chánh niệm, tâm tư tĩnh thức  
Một con trâu uốn khúc ngang đường  
Khuyến trần mau xuống bờ nương  
Trần nghe, vội lánh, nương đường cho sự  
Khe núi đá lồ nhờ lỗ sự  
Nước sạch ngấm hun hút hang sâu  
Long lanh thạch nhũ ánh máu  
Hình hình sắc sắc, ngỡ đâu vô thường*

bước phát triển mới. Năm 879, ông cho xây dựng 6 tòa miếu bằng gạch ở gần Noluos để thờ phụng Xàda Batma đệ nhị và tổ tiên. Năm 881, ông cho xây dựng miếu Bakong để làm Lăng già cho vương gia. Yasovarman (889-900) nối ngôi là một vị quốc vương anh minh sáng suốt. Ông đã đẩy lùi sự xâm lấn của Chiêm Thành.

Ông di chuyển kinh đô về phía tây bắc cách xa hơn 10 ki-lô-mét, xây dựng thành ấp mới ở vùng núi tương đối bằng phẳng, gọi là Yasodharapura mỗi chiều dài 4 km. Sau khi ông lên ngôi vua, phàm các nơi danh lam thắng tích trong nước, không kể là theo tông phái nào, đều cho xây dựng các Tăng viện có tên giống nhau. Mỗi Tăng viện có một người Tăng trưởng, trông nom cai quản tín đồ. Tăng trưởng là người phải có học thức đầy đủ, có 50 giúp việc chào mời cho khách lữ hành ngủ trọ, chữa bệnh cứu người, nhưng cấm không dùng nữ giới. Phật giáo thời kỳ này gọi là Phật giáo Đại thừa.

(còn nữa)

# VÀI MẸT VỀ PHẬT GIÁO Ở LÀO

□ NGÔ THẾ THINH

**Ư**ớc vọng của tôi là được tận mắt nghiên cứu, tìm hiểu Phật học tại các nước ASEAN và châu Á.

Rất may mắn cho tôi là tháng 11-1999 vừa qua tôi đã được dự một loạt lễ hội Phật giáo ở Lào và lễ khai mạc năm du lịch của Lào vào ngày 18-11-1999. Dịp may có một không hai đối với tôi là có điểm phúc được hành hương một số lớn chùa chiền, lung linh rực rỡ ánh vàng, do bàn tay lao động và trí tuệ tuyệt vời của nhân dân Lào đã tạo nên trong nhiều thế kỷ.

Sau đây chúng tôi xin lần lượt giới thiệu:

Thất Luông và hội Thất Luông 18-11-1999.

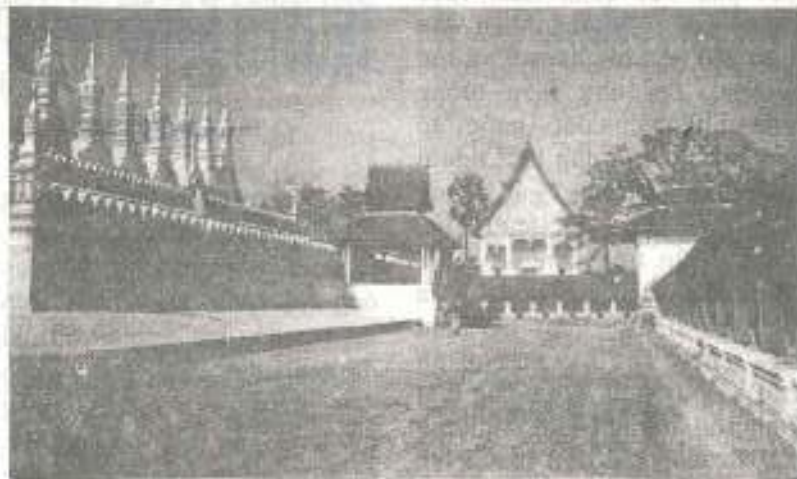
Chùa Inpeng  
Chùa Thất Phun  
Chùa Sisaket và bảo tàng quốc gia  
Chùa Bụt Ngọc - Hophrakeo.

Chùa và đền Việt Nam tại Viêng Chăn.

## I. THẤT LUÔNG VÀ HỘI THẤT LUÔNG

Hội Thất Luông năm nay được khai mạc vào ngày 18-11-1999 theo lịch Lào là ngày mồng 10 tháng 10 âm, sớm hơn âm lịch một ngày tức ngày 11 tháng 10 âm lịch.

Ngày 18-11-1999 cũng là ngày khai mạc năm du lịch Lào 1999-2000. Từ sáng sớm hàng ngàn người từ các tỉnh của Lào đã tụ hội về đây để dự lễ. Mỗi tỉnh một đoàn, mỗi nơi một sắc thái văn hóa, ở nơi đây. Đi đầu là các nhà sư với



Thất Luông

Ảnh: Ngô Thế Thịnh

những bộ áo cà sa tươi thắm. Tiếp theo là các đoàn voi, có 7 con voi đi diễu hành, dẫn đầu là một voi trắng khổng lồ! Rồi lần lượt các đoàn của các tỉnh Hua Phan, A-tư-pư, Xavanakhét, Sayabouri, Luangprabang... tất cả đổ về đây tụ hội ở Thất Luông rực rỡ ánh vàng.

Nào đoàn xe bò cổ kết hoa của sayabouri bánh xe Lo cao đến gần 2m - Theo sau là những đoàn người đeo mặt nạ, kết bông trắng tượng trưng cho vùng dẹt bông, vải sợi. Lần lượt các đoàn Vũ nữ cung đình với màu sắc vô cùng rực rỡ, vừa đi vừa múa, vừa dâng hoa, bình hoa là nhiều bông hoa kết thành hình tháp, hình năm rụy. Những hình tháp như đã khắc sâu vào tâm khảm Phật tử ở Lào!

Rồi lần lượt các đoàn rước những cây tiền đem cúng vào chùa! Những đồng tiền kíp được kết thành những cành hoa đưa về cửa Phật! người Lào rước cả những "Bàng

Phay". Bàng Phay là những cây pháo thăng thiên khổng lồ mà thân pháo là những cây mai dài, đẹp, thẳng tắp có khi dài tới 10m - 12m. Xưa kia ở kinh đô họ bán ban ngày, nay bán về đêm. Pháo thăng thiên, Bàng Phay có lẽ phụt cao tới ngàn mét! Cảnh tượng hành hương về Thất Luông với chiêng trống inh ỏi, tù và, đàn sáo vang trời! Thật là vui vẻ! năm nay tại khuôn viên rộng lớn của Thất Luông lại có cả một hội chợ phong phú của ba nước: Lào - Việt - Thái. Khách du lịch có đủ: Pháp, Đức, Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển, Nam Phi Ixraen, Việt Nam, Nhật Bản, Trung Quốc v.v... Đặc biệt năm nay, lần đầu tiên nước Lào đón một hòa thượng Nhật Bản đến dự lễ Thất Luông, hành hương đất "Triệu voi".

Thất Luông di tích lịch sử vĩ đại!

Thất Luông là một am tháp lớn (Stupa) được vua Set-tha-thi-rat xây dựng từ năm 1566. Công trình vĩ đại rực rỡ ánh

# Đạo Phật

## TRUYỀN SANG PHƯƠNG TÂY NHƯ THẾ NÀO

(Tiếp theo kỳ trước)

□ HUYỀN CƯƠNG

vàng được xây dựng ở một am tháp cổ mà các phật tử Lào tin rằng nơi đây gìn giữ xá lý của Phật! (1) tháp cao tới 45m, trong lịch sử đã nhiều lần bị tàn phá bởi quân xâm lược ngoại bang. Nhưng nhân dân Lào vẫn liên tục bảo vệ và tôn tạo nó, coi như biểu tượng thiêng liêng của đất - nước "áo chiến bào" của dân tộc! người Lào tin rằng trong Thất Luồng còn mai táng, tóc của Đức Phật! Phần trên cùng của tòa tháp dát vàng! Tượng vua Sethathirat được đặt uy nghi ngay trước am tháp bao quanh bởi bốn tu viện. Điều đặc biệt ở thủ đô Viêng Chăn là những đại lộ chủ yếu đều mang tên đất nước và những bậc khai quốc công thần. Đại lộ Setthathirat song song với đại lộ Samsenthai - Samsenthai là con vua Phạ Ngừm. Samsenthai lại song song với đại lộ Phạ Ngừm - Phạ Ngừm là vị vua đầu tiên đưa tượng Phật Pha Bông vào Lào từ Khơme. Đường Phạ Ngừm lại song song với bờ sông Mè Coóng (Mè Công) con sông mẹ đã tạo ra Tổ quốc "Lạn xang" "Triệu voi" - Tiếng Lào "Lan" là Triệu - Xang là voi. Đại lộ từ dinh chủ tịch nước chạy thẳng đến khai hoàn môn rồi đến Thất Luồng được mang tên Tổ quốc "Lạn Xang".

(Còn nữa)  
N.T.T

(1) Xá lý của Phật - Miền Nam còn gọi là Xá Lợi có thể là tro, cốt, di hài, vật thể, tóc tai... liên quan đến ngọc thể của Phật.

(2) Tiếng Lào đọc là sông Mè - Coóng - Mè là mẹ, là lớn, là cái - coóng là sông Mè Coóng - Sông Cái - Sông Mẹ - người Pháp không đủ dấu giọng nên phiên âm lệch là Mè - Công! Thiết nghĩ nên gọi đúng tiếng Lào.

Lần đầu tiên Suzuki viếng thăm Mỹ kéo dài bảy năm. Ông qua đời vào năm 1966 lúc ông 96 tuổi. Hầu như "đơn thương độc mã", chính Suzuki đã làm cho Phật giáo Thiền Tông trở thành một phần không thể thiếu của nền văn hóa Mỹ. Mối quan tâm của công chúng bắt đầu được khơi dậy nhờ tác phẩm Bàn về Phật giáo Thiền Tông (Thiền Luận) của ông xuất bản vào năm 1927. Sau đó ông đã cống hiến một phần đáng kể cuộc đời làm việc của mình để giải thích Thiền học cho công chúng phương Tây trong các khóa giảng mà có lẽ chính ông cũng biết rằng họ đã hiểu được. Ngay cả trong thập kỷ 1950, vào độ tuổi tám mươi, ông vẫn đảm nhiệm những bài giảng do viện đại học Cơ Lâm Bria ở Niu Ốc mời. Nhiều sách của Suzuki về Thiền học và văn hóa Nhật Bản, được viết rất ngẫu hứng và hoàn toàn độc lập về phong cách, đã để lại một ấn tượng không thể phai mờ trên khắp thế giới những người nói tiếng Anh.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai ở phương Tây xuất hiện một phong trào quan tâm tới việc nối kết giữa kinh nghiệm tôn giáo với hiệu quả của các chất gây ảo giác, ví dụ như chất mescaline (chất được chiết xuất từ chồi của cây xương rồng). Một số người tự thử nghiệm đã đạt tới đỉnh cao của hiện tượng

mà người ta thường gọi là "thiền mệt đừ" (beat zen). Những cuốn sách xuất hiện vào thời kỳ này, ví dụ như cuốn Những Cửa Cửa Của Nhận Thức (The Doors of Perception) của tác giả Aldous Huxley và những cuốn sách bàn về các vấn đề liên quan đến tâm thức của con người, đã tạo ra một xu hướng văn hóa có nhiều nét gần gũi với các thuật ngữ và khái niệm cơ bản của các tôn giáo phương Đông. Điều đó đã trở thành một điều tiên quyết không thể thiếu cho một xã hội tiến bộ. Hiện nay nhiều người phương Tây nghiêm túc quan tâm đến Phật giáo sẵn sàng thừa nhận rằng họ đã được giới thiệu tôn giáo này chính vào lúc mà ở đó xuất hiện phong trào hippie chống lại khuôn phép cứng nhắc của giáo hội Cơ Đốc chính thống trong thập kỷ 1960 và đầu thập kỷ 1970.

Không giống như sự hoàng truyền sang châu Âu, Phật giáo đến châu Mỹ từ hai hướng khác nhau. Mối quan tâm mang tính học thuật và văn chương như ở Anh, Pháp và Đức đã song song có mặt tại Hoa Kỳ nhờ công trình của các học giả, các nhà văn và bởi các tổ chức, như Thiền Viện đầu tiên của Mỹ thành lập năm 1930 tại Niu Ốc... Tuy vậy, châu Mỹ không chỉ tiếp giáp với Đại Tây Dương mà còn trông ra Thái Bình Dương. Khoảng cuối thế kỷ 19 có nhiều người di cư từ Trung Hoa và Nhật Bản sang

California. Trong số đó có nhiều người theo đạo Phật, mà phần đông thuộc tông Tịnh Độ. Dầu cho người di cư phải cố gắng rất nhiều trong sinh hoạt để khỏi bị lạc lõng trong một xã hội với tinh thần Cơ Đốc giáo của đa số người Mỹ, đạo Phật vẫn tiếp tục phát triển mạnh tại Bờ Tây Hoa Kỳ, trong cộng đồng con cháu những người nhập cư từ châu Á. Tuy nhiên đó là một đạo Phật đã được sửa đổi với những nghi thức cầu nguyện mà nhìn bề ngoài ít nhiều có những nét giống với nghi thức trong truyền thống Cơ Đốc giáo. Từ năm 1944 các nhóm Jōdo-Shinshū (tông Tịnh Độ ở Nhật Bản) đã được tổ chức dưới hình thức giống như "Một nhà thờ Phật Giáo tại Hoa Kỳ".

Trong những năm gần đây, có một nhân tố rất quan trọng, làm ảnh hưởng mạnh đến các Phật tử ở Mỹ. Đó là sự hình thành phong trào "tôn giáo mới" của người Nhật, chưa từng thấy trước đây, mang tên Sōka Gakkai. Tại châu Mỹ phong trào này được thành lập tại Santa Monica với tên gọi Nichiren Shōshū. Hiện nay người ta ước tính là có trên nửa triệu người theo. Câu hỏi, rằng tại sao Sōka Gakkai lại trở nên hấp dẫn như vậy đối với người Mỹ và hiện cũng đang thu hút sự quan tâm của người Âu, còn chưa có lời đáp. Có lẽ nhờ không phải là một tôn giáo có hệ thống tổ chức tập trung chặt chẽ với những giáo điều khô cứng, nên đạo Phật đã có thể dễ dàng phát triển theo nhiều truyền thống rất khác nhau. Tuy nhiên, sự thành tựu đáng ngạc nhiên của Nichiren Shōshū có thể được coi một cách giản đơn như một bằng chứng đối với nhu cầu đổi mới trong việc hoằng truyền đạo

Phật hay không, vấn đề này hiện đang còn nhiều tranh cãi. Dầu sao thì đây cũng có thể là một trong những nguyên nhân gây ra dư luận cho rằng đạo Phật là tôn giáo phát triển mạnh nhất ở phương Tây hiện nay.

Lịch sử chưa đủ thời gian để hình thành một cái nhìn công bằng và ổn định đối với những chuyển biến văn hóa ở các xã hội phương Tây trong thập kỷ 1960 và những năm đầu thập kỷ 1970. Liệu có phải là một sự thức tỉnh lớn hay chỉ là một lệch lạc lớn trong quá trình đi lên của xã hội, như một vài ý kiến đã đề cập loáng thoáng ở đầu đó. Quá khứ có thể được tạm thời bỏ qua, nhưng không thể bị quên lãng hoàn toàn. Chủ nghĩa tự do cực đoan (quá trớn) trong thời kỳ này có thể xuất phát từ tính ngây thơ và được cổ vũ bởi sự buông thả, nhưng dầu sao nó cũng tạo điều kiện cho con người dám nhìn thế giới một cách trực diện, vượt qua mọi thông lệ, mọi định kiến và cả những truyền thống cũ mèm. Tinh thần dũng cảm ấy đã cho phép người phương Tây dễ dàng tìm đến với những giá trị tinh thần phương Đông một cách tự nguyện và tinh táo hơn.

Vào năm 1979 một sự kiện, mà từ lâu được coi là không thể xảy ra được, đã xuất hiện tại miền nam nước Anh và trở thành một hình mẫu nổi tiếng. Đó là tu viện Rừng Chithurst, một tổ chức Tăng già Phật giáo được thành lập và hoạt động ngay trên đất châu Âu, hệt như nó được đặt tại một vùng đất nào đó ở phương Đông. Mỗi sáng các thầy đi khất thực dọc theo những con đường nhỏ miền quê nước Anh, mang theo bình bát của mình đến các nhà vui lòng cúng dường thức ăn cho các

thầy. Trong tu viện có khoảng hai mươi lăm tỷ kheo thụ giới Vinaya (giới luật theo truyền thống Nguyên thủy). Chẳng hạn như, các thầy không bao giờ cầm tiền và khi các thầy cần phải đi đâu, một Phật tử sẽ mua vé cúng dường các thầy. Về mọi mặt sinh hoạt hàng ngày trong tu viện hầu như không có sự khác biệt giữa tu viện Chithurst với Wat Nong Pah Pong, là tu viện ở đông bắc Thái Lan đỡ đầu cho tu viện Chithurst.

Vị cựu viện trưởng của tu viện Wat Nong Pah Pong, một bậc thầy đáng kính theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy, Ajahn Chah, trong nhiều năm đã thu nhận nhiều môn đệ là người nước ngoài. Một trong những môn đệ xuất sắc nhất của Ngài, là một người Mỹ có pháp danh là Ajahn Sumedho, đã được Ngài giao phó nhiệm vụ thành lập tu viện Rừng Quốc tế, Wat Pah Nanachat, cũng ở đông bắc Thái Lan. Tu viện này đã thành công vượt mức. Vào năm 1977 Ajahn Sumedho tháp tùng Ajahn Chah sang thăm nước Anh và sau đó ở lại để thành lập một tăng già rất thành công tại tu viện Chithurst nói trên. Bước ngoặt diễn ra vào năm 1978 với một tặng phẩm không ngờ. Đó là khoảng 44 hecta đất rừng không có người ở tại miền Sussex Tây, quả là một môi trường thích hợp để tạo lập một tu viện rừng theo mẫu hình Thái Lan. Ngay trong năm sau tòa nhà Chithurst cũ kỹ và xiêu vẹo, nằm cách cửa rừng khoảng vài trăm mét, đã được mua lại và bắt đầu một tiến trình sửa chữa.

Bao nhiêu nỗ lực bỏ ra thật bỏ công. Chithurst ngày nay đã trở thành một tu viện quốc tế nổi tiếng với các tu sĩ đến từ châu Âu và từ các nước nổi tiếng Anh

trên toàn thế giới. Nhiều trung tâm khác theo truyền thống Phật Giáo Nguyên Thủy cũng lần lượt xuất hiện ở những địa điểm khác nhau trên đất Anh, trong số đó có một phức hợp rất rộng lớn ở vùng Hertfordshire hiện cũng do Ajahn Sumedho phụ trách chính. Năm 1985 hai tu sĩ thuộc phức hợp này được cử sang Niu Di Lân để thành lập một tu viện chi nhánh. Hình như cũng đang có kế hoạch thành lập thêm một tu viện chi nhánh nữa ở Thụy Điển. Số lượng các tu viện chi nhánh tăng nhanh như vậy chưa hẳn đã gây ấn tượng lớn. Điều đáng chú ý nhất ở đây chính là chất lượng đời sống tinh thần trong các tu viện vẫn được duy trì đều đặn. Tại Chithurst giới luật được giữ thật nghiêm trong một điều kiện sống hết sức thanh đạm. Ngay cả những khách thăm tình cờ cũng đều cảm thấy một không khí hòa hợp không thể nghi ngờ trong tu viện. Bầu không khí ấy chỉ có thể có được nhờ ở chính các tu sĩ trong tu viện thường xuyên thực hành các giới hạnh một cách tinh cần và thật sự tự giác, không cần tới sự nhắc nhở hoặc cổ súy. Cho dù trước kia người phương Tây thường bị lên án là họ chỉ theo các tôn giáo phương Đông một cách không chuyên sâu, ngày nay dường như đã có nhiều người Âu - Mỹ tại chính các tu viện này sẵn sàng hiến dâng cả đời mình một cách thật sự nghiêm túc theo đường lối tu hành chặt chẽ của Phật giáo Nguyên Thủy.

Chithurst có được thuận lợi như vậy chính là nhờ mối liên hệ mật thiết với một tu viện ở phương Đông nên được tiếp xúc trực tiếp với truyền thống lâu đời và có thể được thừa hưởng những kinh nghiệm của nhiều thế kỷ. Trong khi đó, với chung các

thiền viện ở phương Tây thường không được ở trong điều kiện may mắn như thế. Dù rằng công việc mở đường đã được thực hiện bởi một người như tiến sĩ D.T.Suzuki, những người nước ngoài được đến tu học tại Nhật Bản và được nhận làm dự tuyển thụ giới vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại. Người Nhật không chỉ là một dân tộc hải đảo, mà đất nước họ lại đóng cửa đối với thế giới bên ngoài trong thời gian khoảng 250 năm từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19. Sự cách ly kéo dài ấy làm trầm trọng thêm tính nhậy cảm của họ đối với sự phân biệt chủng tộc. Nếu tính đến chủ nghĩa vô sinh về văn hóa ấy cộng thêm những thua thiệt đối với một người phụ nữ, thì những thành công của Peggy Kennett, mà sau này đã trở thành ni sư Rōshi Jiyū - Kenneu, quả thật là đáng kể. Nguyên là một người tu học theo truyền thống Phật Giáo Nguyên Thủy, năm 1962 Kennett được thụ giới trong truyền thống Thiền Lâm tế Trung Hoa ở Ma Lặc Ca thuộc Ma Lay Xia. Sau đó Sư đã thành người phụ nữ đầu tiên trên thế giới được thụ nhận vào Sōjiji, một trong hai thiền viện chủ yếu của phái Sōtō ở Nhật Bản (thiền viện phái là Eiheiji). Năm 1969, sau khi được phép giảng pháp, Sư đã thành lập Shasta Abbey, một thiền viện Sōtō ở bắc California, và trở thành viện trưởng đầu tiên của thiền viện này. Sự quyết tâm và lòng dũng cảm mãnh liệt, mà Sư phái có để vượt qua những trở ngại lớn lao ở cả hai xã hội Nhật Bản và phương Tây, thật đáng được mọi người tán phục.

Dù rằng hiện nay có lẽ nổi tiếng nhất vẫn là Trung tâm thiền San Francisco được thành lập từ năm 1961 dưới sự chỉ đạo của

thiền sư phái Sōtō là Shūnryu Suzuki, tác giả cuốn sách nhỏ tâm Thiền, Tâm của Người bắt đầu (Zen Mind, Beginner's Mind), Shasta Abbey cũng là một trong những thiền viện rất thành công ở bờ Tây nước Mỹ. Chỉ ba năm sau khi thành lập, Shasta Abbey đã đủ sức để thành lập một chi nhánh tại nước Anh, thiền viện Throssel Hole Priory, gần Hexham ở vùng Bắcumberland. Cả hai thiền viện này đều rất giống các thiền viện Sōtō Nhật Bản, tuy có khác đôi chút. Điểm khác biệt chủ yếu có lẽ chính là sự bình đẳng hoàn toàn của nữ giới. Bên Nhật các thiền viện Sōtō chỉ dành riêng cho tăng và có lần các thiền viện này dạy rằng các thiền sư phái Sōtō được phép lấy vợ. Trong khi đó ở Shasta Abbey và Throssel Hole tăng và ni sống bên nhau và cùng sử dụng một thiền đường, ở đó họ cùng ăn, cùng ngủ, cùng thực tập trau dồi tâm trí. Tuy vậy nếp sống độc thân được yêu cầu hết sức nghiêm khắc đối với cả bên tăng lẫn bên ni. Những khác biệt khác là thuộc về hình thức, như các kinh văn tiếng Nhật được dịch sang tiếng Anh và được tụng đọc với giai điệu giống như thánh ca trong các nhà thờ Cơ Đốc giáo. Dù rằng những nhượng bộ như vậy chỉ là để dễ hòa hợp với nền văn hóa phương Tây nhưng không phải là luôn luôn được sự ủng hộ nhất trí. Về cơ bản, việc thực hành thiền tại các thiền viện này ngày càng được yêu cầu thực hiện gần giống như ở Nhật Bản. Đối với những ai chấp nhận thiền như là một lối sống thì lại được yêu cầu thực hành các giới luật cá nhân cao hơn.

(Còn tiếp)

Phỏng theo Andrew Powell  
trong "Living Buddhism" -  
London, 1994.

# TẠI ÂU MỸ SỐ NGƯỜI ĂN CHAY GIA TĂNG

Mười hai phần trăm dân Anh đã chuyển sang ăn chay. Khoảng hai mươi phần trăm dân Mỹ đã theo chân những người ăn chay như Paul Newman, Robert Redford, Jane Fonda... Nhiều người Pháp, không còn tha thiết món bít tết vì sợ thịt bò điên. Lo xa hơn nữa, một số người đã chuyển hẳn sang các món rau đậu, tham gia hàng ngũ những người ăn chay khoảng năm phần trăm dân số.

Người Pháp bắt đầu mất thiện cảm với thịt đỏ đậm từ năm 1980 khi thịt và mỡ được xem như nguyên nhân các chứng tim mạch. Trong hai năm qua tại Paris 38 hàng chế biến thực phẩm ăn chay được khai trương. Quầy hàng bán thực phẩm bằng thịt được nhiều người ưa chuộng "Hippopotamus" vừa chế ra món chả chay (Vegiburger) thay cho món Haburger trong thực đơn của tiệm mình. Nhận thấy có thêm nhiều khách chọn món

Salades, cửa tiệm này cũng đã lập một thực đơn gồm nhiều món ngũ cốc, rau, đậu nành để đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Tác giả cuốn "ăn chay thực hành", nhà dinh dưỡng học Ghislaïne Lepetit de la Bigne cũng là người thảo thực đơn ăn chay đầu tiên được giới thiệu trên tàu Eorostar, chạy ngầm qua eo biển Manche nối liền Anh - Pháp. Những đầu bếp nổi tiếng, thành trì của nghệ thuật nấu ăn Pháp cũng hướng về phong trào này.

Một số nhân vật nổi tiếng, ngôi sao điện ảnh, người mẫu thời trang đã ăn chay. Nữ giám đốc ngoại vụ hãng Cartier đã cho dọn toàn các món chay đãi khách trong một bữa tiệc lớn để giới thiệu kiểu đồng hồ Tank của Pháp.

TRỊNH THỊ HƯỜNG

(Theo VSD) 678/99

## CHÙA QUẢNG NGHIÊM

HOÀNG LÊ

Còn gọi là chùa trăm gian hoặc chùa so. Chùa ở thôn Lũ, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ Hà Tây, xây dựng trên núi Mã Sơn (tức núi Mã chùa).

Vào đầu thời Trần (thế kỷ 13), Minh Đức chân nhân khởi tạo. Minh Đức chân nhân họ Nguyễn tên Nữ, tên tự là Bình An, người làng Bối Khê huyện Thanh Oai (nay thuộc Hà Tây). Chân nhân tu hành đắc đạo, được vua Trần Nhân Tông vời về tiếp kiến tại triều và ban hiệu là Minh Đức chân nhân.

Huyền thoại kể rằng: Khi làm chùa thợ ngoài, thợ mộc đóng vài trăm người mà hàng ngày chân nhân chỉ thổi một niêu cơm thế mà ăn hết lại thấy đầy. Cũng có lần thiếu muối, chân nhân chỉ đi vài bước đã về đến Bối Khê lấy đem lên v.v... Khi chùa dựng xong chân nhân sai làm một hòm gỗ rồi ung dung bước vào ngôi, nói là để bàn bạc bí quyết với Phật. Các đệ tử theo lời dặn sau 100 ngày mở hòm gỗ ra chỉ thấy hương thơm toả ngát không thấy dấu vết thi thể. Đệ tử liền làm lễ cầu siêu qui hoá, trung tôn là Bồ tát chân nhân và tạc tượng để thờ (thường gọi là tượng Đức thánh Bối). Thời Hậu Trần được phong là Khai Sơn đại từ bị Bồ tát. Cuối đời Hồ chùa bị quân Minh đốt phá. Đầu thời Lê mới dựng lại. Thời Lê trung hưng có hai vị quan tại triều

góp tiền công đức trùng tu lớn. Hai vị đó cũng được dân tạc tượng thờ ở chùa.

Chùa trùng tu qui mô ngang dọc, làm theo di tích chùa cổ, phần nào giữ được đường nét kiến trúc thời Trần. Năm Đinh Sửu (1577) Bảo Sơn tiên sinh xây dựng Đà Cung, toà thượng điện, thiêu hương, tiền đường, hành lang tả hữu. Năm Kỷ Hợi (1599) tu bổ lại điện Đà Sơn, tô tượng Phật, chạm cột vẽ rui, khiến chùa to đẹp hơn. Các đời sau lại tiếp tục sửa - kiến trúc ngày nay chủ yếu là kiến trúc thời Nguyễn nhưng còn nhiều dấu tích xưa như gạch nung trước rồi dán hoa văn vào, sau đó nung lại, như hình trang trí cá hoá rồng, hình người ngồi 2 tay giơ lên cao, rồng lân, hổ, voi, ngựa, chim thần Garuda phụng theo ở bệ đá thời Trần nhưng không thể hiện được về chi tiết. Loại đất nung này là phong cách thời Mạc.

Hai Pho tượng được thờ nói ở trên thì một vị là võ quan Đặng tiến Đông (1783 ?) người làng Lương Xá. Chương Đức (nay là Chương Mỹ, Hà Tây) về sau giữ chức Đô đốc trong quân đội của Quang Trung đã chỉ huy trận tiến công quân Thanh ở đóng Khương Thượng mùa xuân Kỷ Dậu (1789). Dân làng So hàng năm vẫn mở hội chùa vào các ngày 4, 5, 6 tháng giêng tức là hội lễ tưởng niệm ngày qui hoá của Minh Đức chân nhân và cũng là ngày kỷ niệm trận đại thắng Đống Đa của Quang Trung, Nguyễn Huệ.

# CHÙA GIÁC LÂM

## TỔ ĐÌNH CỦA PHÁI LÂM TẾ

### DÒNG ĐẠO BỔN NGUYÊN Ở NAM BỘ

□ HỒ NGỌC LIÊN

Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - TP. HCM

Chùa tọa lạc tại 118 đường Lạc Long Quân, phường 10, quận Tân Bình TP.HCM, xây dựng năm 1744, do cư sĩ Lý Thụy Long người Minh Hương quyền tiến xây cất. Chùa đã trải qua nhiều lần trùng tu, nhưng mang tính chất quy mô và lớn là vào năm 1798 và 1900.

Mở đầu con đường giác đạo vào cửa Phật là tam quan. Tam quan chùa Giác Lâm kiến trúc và nghệ thuật cũng giống như các chùa cổ ở Nam Bộ đều xây dựng muộn (1955). Nội dung biểu hiện của nó không ngoài ý nghĩa triết lý của Phật giáo. Ba cánh cửa, ba con đường, chính là ba cách nhìn nhận xem xét: không quan, trung gian và giả quan. Tam quan là những hàng cột bằng xi măng. Mái tam quan chia làm 3 phần riêng biệt, mái giữa cao hơn hẳn, hai mái hai bên nhỏ cân xứng. Trên mái lợp ngói ống đại màu đỏ. Các mảng trang trí trên đỉnh mái giữa hình ảnh cách điệu "lưỡng long châu nguyệt". Các góc mái là mô típ trang trí hình các con vật trong hệ thống tứ linh như hình ảnh con rồng, con phượng, lân... Các con vật trang trí đều được làm bằng gốm sứ màu xanh. Phía trên cao, hàng cửa giữa là hàng chữ Hán màu đỏ, dịch là "Giác Lâm Tự", dọc hai bên cột trụ là hàng câu đối:

*Giác hộ quang khai từ thiện đồng lai quy hướng tổ*

*Lâm tuyền phổ nhuận ngộ mê cộng hưởng tuệ vi đình*

Dịch là:

Giác hộ thành thang đón khách thiện tử về hướng tổ

Lâm tuyền tinh tịch đưa người mê ngộ tới vi đình.

(Tin Phú dịch) (1)

Qua câu đối này đã cho biết chùa Giác Lâm xưa kia đã là một tổ đình khá lớn ở Nam Bộ bởi sự ghép lại của 4 từ, 2 từ đầu, 2 từ phía cuối câu: "Tổ đình Giác Lâm". Gần đây (1999), một tam quan mới, ngay gần sát đường Lạc Long Quân, đã được xây dựng lên, tăng thêm phần trang nghiêm của ngôi chùa. Cổng mới cũng có dạng hai mái chông diềm như cổng cũ, phần trang trí cổng mái và những góc mái cũng những đề tài mang ý nghĩa Phật giáo như: những hình ảnh trang trí rồng cách điệu hoa lá, bánh xe pháp. Các đề tài trang trí đều được làm bằng xi măng, quét vôi trắng.

Kiến trúc chùa theo hình chữ tam gồm ba tòa nhà: chánh điện, nhà trai tăng, nhà giảng. Giữa trai tăng và nhà giảng là khoảng sân thiên tình, điều hòa ánh sáng, không khí trong chùa. Nhà chính điện và trai tăng có mái dạng bánh ít, có bốn mái xoè rộng, góc mái không uốn cong như các chùa miền Bắc và một số chùa miền Trung, mà góc lườn mái là dạng trang trí gấp khúc, tạo cảm giác hài hòa, mang tính đặc thù của kiến trúc chùa Nam Bộ. Mái chùa lợp ngói âm dương, trên lườn nóc là dạng trang trí "rồng châu nhật nguyệt". Phần dưới lườn nóc trang trí đề tài "bát tiên". Những mảng trang trí đều được tạo bằng gốm mầu gắn vào. Cửa chính của chánh điện quay về hướng nam, hướng "bát nhả". Trước cửa chùa có bức bình phong, trang trí bình phong cũng khác hẳn các trang trí khác ở chùa Nam Bộ, mang nhiều đề tài trang trí khác nhau như hình ảnh sư tử mang phong cách điệu khác Ấn Độ, những họa tiết trang trí "dang lá lật" theo phong cách trang trí phương Tây, mà hình tượng này ta vẫn thường bắt gặp ở một số ngôi nhà cũ ở huyện Đức Hòa (tỉnh Long An). Hai bên bức bình phong còn có hai cửa nhỏ dẫn thẳng tới sân trước chùa.

Chiêm nghiệm ngôi chùa từ vị trí, môi trường cảnh quan, đến kiến trúc ta mới thật sự cảm nhận hết vẻ đẹp của ngôi chùa. Sự kết hợp giữa ngôi chùa với khu vực vườn, tháp xung quanh chùa với bóng cây cao... tất cả tạo cho cảnh chùa vẻ thanh tao, mang mầu u huyền. Ở đó, con người có thể như được tẩy trần để gần gũi với thiên nhiên, với giáo pháp hơn.

Bước chân vào chính điện, ta như cảm thấy một không khí thiêng liêng vừa trang



nghiêm lại vừa giản dị của chùa bởi màu sắc và ánh sáng trong chùa được phối hợp với nhau cùng kiến trúc hòa thành một tổng thể nghệ thuật.

Sự bài trí tượng thờ tại chánh điện chùa Giác Lâm được bố trí theo hai hệ thống chính. Tượng A Di Đà Tam Tôn và bộ Tam Thế Phật. Cũng tại bàn thờ giữa ở chánh điện còn có một số tượng Phật, Bồ Tát và các vị thần như: Phật Thích Ca Sơ Sinh, Phật Di Lạc, Phật Cửu Long, và bộ tượng Phạm Thiên, Nam Tào, Bắc Đẩu, tượng Ác Thiện. Đặc biệt tại bàn thờ tam bảo, nơi gắn với chúng sinh là bộ tượng năm vị Phật. Đây cũng là bộ tượng được thờ phổ biến ở các ngôi chùa cổ ở Nam Bộ. Hai bên tả, hữu bàn thờ chính điện là bộ tượng thờ các vị La Hán và Thập Điện Diêm Vương, ngoài ra còn có các tượng: tượng Tổ Bồ Đề Đạt Ma, tượng Già Lam Thánh Chúng (còn gọi là tượng Quan Công), tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát và Long Vương. Đối diện với hệ thống bàn thờ giữa là bàn thờ các vị tượng bảo vệ chốn cửa thiền. Đó là tượng Hộ Pháp và tượng Tiêu Diện Đại Sĩ (một hình tượng hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát). Sau chính điện là gian thờ Tổ, nơi đây không những thờ các vị trụ trì chùa Giác Lâm mà còn thờ hình ảnh và bài vị của các Thiền Sư, đã đặt nền móng cho hình thành và phát triển của Phật giáo Nam Bộ nói chung, phái thiền Lâm Tế nói riêng, nhất là phái Lâm Tế dòng đạo bốn ngọn.

Sự bài trí tượng thờ không chỉ ở chánh điện mà còn được bài trí ở nhà trai. Tượng thờ được bài trí ở nhà trai chủ yếu là những tượng được tạo tác trước so với tượng thờ ở chánh điện. Tại đây có bàn thờ tượng Bồ Tát Chuẩn Đề, bộ tượng A-Di-Đà tam tôn, tượng Di Lạc, Bồ Đề Đạt Ma, tượng Thập Điện, Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu v.v... Đặc biệt có pho tượng Phật Thích Ca khá cổ, theo các nhà nghiên cứu thì pho tượng này phong cách tạo tượng từ miền Bắc. Dọc hai bên sát tường từ nhà tổ đến hết nhà trai tầng còn có các bàn thờ dạng tam cấp để bài vị và hình ảnh những người quá cố của gia đình phật tử.

Viếng thăm chùa Giác Lâm, khách không chỉ thấp nhang lạy Phật mà còn được chiêm ngưỡng vẻ đẹp kiến trúc của ngôi chùa cổ Nam Bộ những công trình điêu khắc mang

đậm dấu ấn của cư dân vùng đất phía Nam như: bao lam, câu đối, phù điêu, hoành phi v.v... những đồ thờ cổ quý giá. Các tác phẩm chạm khắc, ngoài sự phong phú về đề tài trang trí như: "lưỡng long tranh châu", "rồng châu nhật nguyệt", "tứ linh", "hoa-diêu", "tùng-lộc", v.v... mà còn có giá trị về mặt nghệ thuật.

Về mặt nghi lễ, sinh hoạt Phật giáo. Ngoài 4 buổi tụng kinh (thời kinh) mỗi ngày như: buổi sáng sớm (4 giờ sáng); cúng Ngọ (11 giờ trưa); buổi chiều (16 giờ thí thực móng sơn) và tịnh độ (19 giờ), chùa tổ chức làm lễ cầu siêu, cầu an, lễ quy y, lễ phóng sinh theo yêu cầu của gia đình phật tử vào những ngày lễ lớn của Phật giáo.

Lễ lịch được tổ chức hàng năm tại chùa:

15 tháng giêng âm lịch lễ Thượng nguyên

19 tháng hai âm lịch vía Quan Âm Bồ Tát

14 tháng bảy âm lịch lễ Trung nguyên, lễ

Vu lan

15 tháng mười âm lịch lễ Hạ nguyên

15 tháng tư âm lịch đại lễ Phật Đản

26 tháng ba âm lịch lễ Giỗ Tổ

3 tháng mười hai âm lịch lễ tảo tháp.

Là ngôi chùa cổ của thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và Nam Bộ nói chung, chùa Giác Lâm đóng vai trò như một tổ đình của chi phái lâm tế, dòng đạo Bốn Ngọn.

Di tích chùa Giác Lâm ngoài giá trị kiến trúc, điêu khắc, đồ thờ mang tính chất tôn giáo, nó còn mang trong mình ý nghĩa văn hóa lịch sử với những pho tượng cổ, nghệ thuật chạm khắc bao lam, phù điêu... tinh xảo và một phong cách thờ cúng cũng như nghi lễ thờ cúng nhiều nét riêng, chùa đã góp phần tạo nên đặc trưng văn hóa Phật giáo trong cộng đồng người Việt ở thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và Nam Bộ nói chung. Do đó, chúng ta phải tuyên truyền, giáo dục cho mọi người dân, hiểu được giá trị mọi mặt di tích văn hóa nghệ thuật kiến trúc, để hình thành ý thức bảo tồn di sản văn hóa, để cho mọi người trong nước và khách thập phương, không những ngày nay mà cả mai sau được chiêm ngưỡng và cảm thụ.

#### Ghi chú:

(1) Nguyễn Quảng Tuân - Huỳnh Lứa - Trần Hồng Liên, "Những Ngôi Chùa ở thành phố Hồ Chí Minh", Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh 1993, tr 39.

# Hồ Lang PHỤ QUẢN ÂM

Như chúng ta đã biết, hình tượng Đức Quan Âm đã ăn sâu - in đậm vào tâm thức của muôn người con Phật, và đã để lại nhiều điển tích (giai thoại) trong dân gian. Trong kinh phổ môn mà hàng ngày Tăng - Ni Phật tụng chúng ta hay từ bụng cổ nói Ngài thường hay thị hiện dưới dạng nhiều thân tướng khác nhau để tùy duyên hoá độ chúng sinh. Ở bài viết này chúng tôi xin giới thiệu về một trong những hóa thân của Ngài (tương truyền) vào khoảng năm Nguyên Hòa đời Đường (806-820) ở Thiểm Tây Trung Quốc có một người đàn bà bán cá, hàng ngày thường xúc giỏ cá ra chợ bán. Cũng vì chị ta rất xinh đẹp, dịu dàng nên những kẻ cầu hôn kéo đến rất đông. Người đàn bà bán cá nói: "Ai muốn lấy tôi, nếu trong một đêm mà học thuộc lòng được: "Quản Âm phổ môn phẩm" thì tôi sẽ lấy người đó". Đến khi trời sáng có tới 20 người thuộc lòng hết phẩm kinh. Người bán cá lại nói: "tôi chỉ có thể lấy được một người, làm sao có thể lấy được nhiều người như thế?"

Nếu đêm nay nữa ai tụng thuộc lòng được "Kinh Kim Cương" tôi sẽ lấy người đó!" Đến hôm sau khi trời vừa hừng số người thuộc kinh được hơn 10 người. Người đàn bà lại lấy: "kinh Pháp Hoa" ra để giao ước. Cuối cùng chỉ có một người con trai họ Mã là đọc thuộc cho nên người đàn bà bán cá đã theo đúng lời giao ước, sánh duyên cùng chàng trai họ Mã.

Trong ngày nghênh thú, khi khách khứa đến mừng còn chưa về hết thì người bán cá đó đã trúng cảm mà chết, và được mai táng ở bãi cát vàng vùng ngoại ô.

Vài ngày sau, có một lão Tăng chống gậy Thiết tượng đến hỏi thăm nhà họ Mã; mộ người bán cá ở đâu? Khi nhà họ Mã dẫn lão Tăng đến nơi an táng, lão Tăng liền dùng gậy thiết tượng khai mộ để kiểm nghiệm tử thi, thì chỉ còn lại một bộ hoàng kim để khoá xương cốt. Lúc đó Lão tăng mới nói với mọi người rằng: "Đây là Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, trước đây đã hoá thân làm người bán cá để giáo hoá chúng sinh". Nói xong lấy thiết tượng khoá khoá cốt bay lên không trung rồi biến mất. Từ đó trở đi ở Thiểm Tây người tín phụng Phật giáo ngày càng nhiều. Dân gian đã tạc tượng Mã Lang Phụ Quan Âm, tất cả các tượng đều lấy hình tượng người



đàn bà tay sách giỏ cá, cho nên còn được gọi là: "Ngư Lam Quán âm". Cũng có tranh vẽ hình tượng người đàn bà cười trên lưng con cá lớn đang bơi trong nước.

Hiện tại ở phần hậu cung nhà giảng chùa Quán Sứ - Hà Nội có tồn trí pho tượng "Ngư lam Quan Âm" (quan âm tay sách giỏ cá) này.

TUỆ CHẤN

(Theo cuốn: Trung Quốc Phật giáo đồ tượng giải thuyết. Trần Đức Thọ dịch)

(Hình tượng đức Quan Âm này khắc trên đá ở chùa Cam Lộ vào đời nhà Minh).

## MÔNG MỘT TẾT TRƯỜNG SINH NỔ BÔNG

Trường sinh là tên loài cây nở bông vàng, có hương thơm với đặc điểm luôn tươi không héo. Cây Trường Sinh tên khoa học Justicia Nigricans des Acanthacées được phân biệt thành nhiều loại như: Trường sinh rách lá (Cotyledon

Laciniata), Trường sinh lớn lá, (Cotyledon Serreta) và Trường Sinh tròn lá (Sedum Anacam - perseros des Crassulacées).

Người ta mua cây Trường Sinh chủ yếu để trưng bày một cách trang trọng trên các khánh thờ bàn

thờ. Trường sinh rách lá thường gọi Trường sinh bông là loại thông dụng, có bày bán hàng ngày trên thị trường các chợ, nhiều nhất vào những ngày mồng một ba mươi, mười bốn, Rằm (âm lịch). Hai loại cây tròn lá và lớn lá đều được dành bán đại trà hàng năm đúng vào dịp Tết Nguyên Đán.

Bài, ảnh: LÊ HỮU LÊ.

## KỶ NIỆM 10 NĂM NGÀY THÀNH LẬP PHÂN VIỆN VÀ TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM (30/11/1990-30/11/1999)

Ngày 30/11/1999 tại phân viện nghiên cứu Phật học Việt Nam 73 Quán sứ Hà Nội đã trọng thể tổ chức lễ kỷ niệm 10 năm ngày thành lập phân viện và tạp chí nghiên cứu Phật học Việt Nam.

Chứng minh buổi lễ có HT Kim Cương Tử - Phó Chủ tịch thường trực HĐTSTWHPGVN - Tổng biên tập Tạp chí nghiên cứu Phật học VN HT Thích Phổ Tuệ - Phó Chủ tịch HĐTSTWHPGVN - Phó Tổng biên tập tạp chí Nghiên cứu Phật học. HT Thích Thanh Tứ - Phó chủ tịch HĐTSTWHPGVN, TT Thích Thanh Nhiễu - Phó Tổng thư ký HĐTSTWHPGVN, TT Thích Thanh Duệ, TT Thích Viên Thành, TT Thích Bảo Nghiêm, các TT ủy viên HĐTSTWHPGVN cùng chư tăng ni Ban biên tập tạp chí và Văn phòng ITWHPGVN.

Tới dự buổi lễ có ông Lê Quang Vịnh - Trưởng ban Tôn giáo của Chính phủ, ông Trần Khánh Dư - Vụ trưởng Vụ II cùng các đại diện ban Tôn giáo của Chính phủ, đại diện MTTQ VN, đại diện Cục Xuất bản Bộ Văn hóa Thông tin. Đồng đạo các GS, Tiến sĩ, các nhà nghiên cứu, các cộng tác viên đã về dự.

Sau nghi lễ cầu gia bị TT Thích Thanh Quang thay mặt BBTTNCNCPH tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu, HT Thích Phổ Tuệ đọc lời khai mạc. HT Tổng biên tập Kim Cương Tử nói về ý nghĩa việc thành lập Phân viện NCPH trong thời đại ngày nay. Hòa thượng nói: Đạo Phật có thiên kinh vạn quyển, tám mươi, bốn ngàn pháp môn với ba tạng kinh, luật, luận, việc nghiên cứu Phật học để cho tín đồ Phật tử và mọi tầng lớp người thấu hiểu



được giáo lý đạo Phật thật cao siêu và khoa học mang lại an lạc cho con người đó là việc hoàng pháp hết sức lợi lạc và thiết thực, vì vậy cần có các vị cao tăng, các vị tăng ni, tri thức hết lòng thành tâm giúp đỡ để Tạp chí nghiên cứu Phật học ngày càng phát triển mạnh mẽ. Giáo sư Hà Văn Tấn báo cáo kết quả hoạt động của phân viện trong 10 năm qua đã đạt được nhiều thành tích tốt đẹp, tạp chí Phật học phản ánh được nhiều nội dung phong phú, trình bày hoàn chỉnh được các vị độc giả rất hoan nghênh, nhưng bên cạnh đó còn có nhiều mặt tồn tại đó là nhân sự và tài chính: Về mặt nhân sự việc điều hành hầu hết đều tập trung vào các vị cao tăng tuổi cao sức yếu, mọi công việc đều do TT Thích Gia Quang phải đảm đương hết sức vất vả, vì vậy giáo hội cần phải quan tâm hơn nữa cùng giúp sức để Phân viện đạt được hiệu quả tốt xứng đáng với tầm quan trọng mà Giáo hội đã đặt ra. Về tài chính còn rất hạn chế những kết

quả đã đạt được và duy trì tồn tại trong 10 năm qua phần nhiều là do sự đóng góp công đức hết sức nhiệt tình của Ban Biên tập cùng các nhà nghiên cứu, các giáo sư, tiến sĩ, và các cộng tác viên, không hề quản ngại khó khăn đã tự nguyện đem hết tâm huyết trí tuệ của mình góp phần vào sự nghiệp hoàng dương chính pháp.

Nhân dịp này ông Lê Quang Vịnh - Trưởng ban Tôn giáo của Chính phủ đã tặng lẵng hoa chúc mừng ngày thành lập phân viện và phát biểu ý kiến tán thán thành tựu của phân viện nghiên cứu Phật học, và Ban biên tập Tạp chí nghiên cứu Phật học cùng toàn thể cộng tác viên đã có nhiều cố gắng đóng góp công sức để đạt được kết quả tốt đẹp trong 10 năm qua. Mong muốn phân viện nghiên cứu Phật học ngày càng có nhiều kết quả tốt đẹp hơn nữa trong Phật sự với phương châm *Đạo pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội*.

# BẢO CÁO TÓM TẮT 10 NĂM HOẠT ĐỘNG CỦA PHÂN VIỆN - TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

*Nam mô bản sư thích ca mâu ni Phật*

Theo chương trình hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ 2, trong đó có việc chấn hưng tư tưởng trong sáng và tích cực trong nền giáo lý Phật Đà, để đáp ứng yêu cầu tìm hiểu, nghiên cứu và tu tập theo đạo Phật của số đông tăng ni, Phật tử, và cũng là để đáp ứng nhu cầu Phật học của nhân dân, nhất là trong giới trí thức để phù hợp với sự phát triển của khoa học xã hội ngày nay. Tháng 4 năm 1989 viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam được thành lập tại thành phố Hồ Chí Minh và đến tháng 11 - 1990 thì Phân viện Nghiên cứu Phật học

được thành lập tại Hà Nội mà hôm nay chúng ta làm lễ kỷ niệm tròn 10 năm ngày thành lập của Phân viện, đánh dấu một bước đi lên, một sự phát triển mới trong sự nghiệp nghiên cứu Phật học và hoàng dương Phật pháp của Phật giáo Việt Nam trong lịch sử của mình. Có được sự phát triển này là nhờ vào công đức của toàn giáo hội, nhất là Hội đồng trị sự GHPGVN đã đưa ra chương trình và đường hướng hoạt động đúng đắn sát với thực tế, làm lợi lạc cho xã hội, nhân sinh và cũng là nhờ vào sự quan tâm giúp đỡ, động viên của Nhà nước mà các hoạt động trong lĩnh vực Nghiên cứu Phật học được dễ dàng và thuận lợi.

học Hán - Việt với trên 2 vạn từ. Phân viện đã phiên dịch song bộ "luật tứ phần" gồm 60 quyển và đã Xuất bản được tập đầu, các tập tiếp theo đang chuẩn bị để đưa vào xuất bản; Phân viện cũng đã ra được các đầu sách: *Phật học quán nghi, Thiên uyển tập anh, Phật giáo chính tín, Phật giáo những vấn đề triết học, Kinh lễ 6 phương, Chú kinh nhật tụng* bằng tiếng Việt được độc giả tán dương. Ngoài những ấn phẩm trên thì Phân viện phải làm công việc thường xuyên của mình là xuất bản Tạp chí Nghiên cứu Phật học. Lúc đầu với tờ Nội san Nghiên cứu Phật học, sau trường thành lên tờ Tạp chí Nghiên cứu Phật học ra 2 tháng/kỳ rất đều đặn. Mặc dù còn có những mặt hạn chế song về nội dung luôn luôn đảm bảo và có chất lượng. Phân viện mong được sự giúp đỡ ủng hộ của quý vị cộng tác viên nhiều hơn nữa để làm cho tờ Tạp chí phục vụ độc giả được tốt hơn.

Bên cạnh việc xuất bản Tạp chí, ra các đầu sách thì Phân viện còn tổ chức được một số cuộc hội thảo khoa học nhằm làm sáng tỏ giá trị đúng đắn của Phật giáo đóng góp vào đời sống tinh thần của xã hội, làm cho tăng ni Phật tử thấy rõ trách nhiệm trong việc xây dựng cuộc sống mới trong giai đoạn đất nước đang đổi mới đi lên dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.

Trên đây là một số những công việc mà Phân viện đã thực hiện được trong 10 năm qua góp phần vào việc hoàng dương Phật

## TỪ XUÂN LÃNH

### VIỆT TRIỆT SƠ TỔ TRÚC LÃNH

*Người lên đỉnh núi cheo leo  
Bỏ trang huyến mộng bình đèo trắng sương  
Người ngồi giữa cõi vô thường  
Hỏi đâu xứ sở cõi nguồn tử sinh  
Người về cõi áo vô minh  
Của không trắng chiếu tâm bình lặng trong  
Bụi trần rũ xuống hư không  
Gây Thiên một bóng thông đong đỏ đời  
Đầu Đà hạnh Trúc Lâm ơi  
Đầu chân Yên Tử đất trời Phù Vân  
Đóa hoa Thiền nở trắng ngàn  
Pháp âm thấm diệu vọng ngân ngân ngân  
Áo sòng toà mắt nhân gian  
Cho non sông kết trái vàng Phật tâm.  
Người về đỉnh núi hoá thân  
Trái mây yên nghỉ mấy tầng trời cao  
Gây Thiên gác lại trắng sao  
Trái thân huyến mộng nhập vào Châu Như  
Cõi đời cát bụi phù lưu  
Ngàn năm mây trắng phiêu du đất trời ...*

15-5-1998

pháp lợi lạc chúng sinh trong sự nghiệp chung của giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tuy nhiên những thành tựu của nó còn rất khiêm tốn vì nó còn gặp một số khó khăn, hạn chế, như hạn chế về mặt nhân sự, chuyên môn, khó khăn về mặt tài chính nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến công việc của Phân viện. Phân viện đang tìm cách khắc phục những khó khăn trên, Phân viện mong được sự quan tâm hơn nữa của Giáo hội, sự ủng hộ hơn nữa và sự giúp đỡ hơn nữa của nhà nước, và sự giúp đỡ hơn nữa của Quý vị cộng tác viên, của các nhà khoa học trí thức, của Quý Phật tử và Quý độc giả để cho Phân viện cũng như Tạp chí được phát triển, phục vụ cho sự nghiệp hoàng dương Phật pháp, lợi lạc quần sinh, và phát huy bản sắc văn hóa Phật giáo góp phần vào sự giữ gìn và phát huy đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

## CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA PNVCPHVN NĂM 2000

**T**heo kế hoạch Nghiên cứu, phiên dịch và xuất bản của Phân viện thì năm 2000 Phân viện sẽ tổ chức thực hiện:

- Tiến hành phiên dịch bộ *Phật Quang đại từ điển*.

- Biên soạn cuốn lịch sử *Phật giáo Thăng Long - Đông Đô Hà Nội* và cuốn lịch sử *Phật giáo thế kỷ 20*.

- Xuất bản tiếp bộ "*Luật từ phàm*" tập 2.

- Trước mắt là chuẩn bị nội dung tạp chí số Xuân Canh Thìn đón chào xuân thế kỷ mới, giai đoạn mới phát triển đi lên của dân tộc, của Phật giáo Việt Nam.

# CƠM CHAY ĐAU NẪM

**C**ha vừa mới hồi sinh sau một cơn bệnh nặng kéo dài mấy tháng. Cả nhà mừng lắm. Nổi mừng được nhân lên khi cha bình phục vào những ngày cận Tết chộn rộn lo toan. Anh chị em tôi luân phiên nhau hầu hạ chăm sóc cha, mong cho cha khoẻ hẳn để cả nhà ăn Tết trong không khí vui vẻ.

Sau bữa cơm trưa quây quần ngày ba mươi Tết, cha trầm giọng nói với chị Hai:

- Ba rất ổn những món ăn thịt cá tanh tào, và rất thèm một bữa cơm chay thanh tịnh. Ngày mong một Tết mà được ăn chay thì quý hoá lắm!

Chị Hai sốt sắng:

- Tương ba đòi nem công cha phụng gan rồng, chứ những món chay thì có khó gì đâu. Để con đi chợ ngay bây giờ, lo cho các món chay thượng hảo hạng:

Cha gục gặc, căn dặn:

- Con nhớ là ba phát nguyện ăn chay để tạ ơn Trời Phật đã cho ba thoát khỏi cơn bệnh hiểm nghèo, cho nên không cần phải bày vẽ cầu kỳ tốn kém, chay cho đúng chay, chay cho ra chay đó nghe chưa?

.... Mong một Tết, chị Hai bày ra đầy bàn riêng cho cha những món ăn chay đủ màu sắc, trông thật hấp dẫn, hơn đút cả chiếu é hế đó ăn mặn. Cha nhũm nhục mâm cơm chay, nhìn ngắm từng món với vẻ mặt kinh ngạc, rồi hỏi chị Hai:

- Đó ăn chay đây ư?

- Dạ, toàn bộ là chay hết ba ạ! - Chị Hai tươi cười.

- Đây là những món gì mà sao thấy....?

- Thấy y như món mặn phải không ba? Đây là thịt heo quay chay, đây là chạo tôm chay, đây là pate chay, còn đây là mắm cá lóc chay, thịt nướng xí muội, thịt bò xào chua ngọt....

- Sao lại toàn thịt với mắm mà gọi là chay?

- Giả mặn ba ơi! Tất cả đều được chế biến từ ngũ cốc và thực vật, không hề có máu me hôi tang, ba đừng sợ!

- Nhưng sao con lại mua đồ chay giả mặn?

- Con sợ ba ăn chay sẽ thèm thịt cá tôm. Tuy là giống món mặn, nhưng chay vẫn là chay mà ba!

- Đùng, chay vẫn là chay. Nhưng, khi thìn, khi gập một món ăn chay mà khởi lên ý niệm "giống đó mặn, giống thịt cá tôm", thì chay đã hoá mặn thật sự rồi. Thiện ác cách nhau chỉ qua đường tơ kẽ tóc, khi con không làm điều ác, mà ý nghĩ muốn, tức là con đã ác, có tâm ác rồi. Bây giờ, ba mà ăn những món chay giả mặn này vào, có khác nào ba ăn thịt cá tôm? Thôi thả ăn mặn với các con để vui về cả nhà cho rồi!

Cha đã dạy anh chị em chúng tôi một bài học nhớ đời về cái Tâm ngay ngày đầu năm mới.... Ôi, mặn với chay!

VĨNH HỮU

# SƯ NAM THƯỢNG

## một nhà sư yêu nước

**T**rong tập thơ văn yêu nước chống Thực dân Pháp ở Thái Bình (xuất bản năm 1997) có viết Sư Nam Thượng Phật hiệu là Thích Thanh Huy, không biết tên thật và quê quán ở đâu, chỉ biết sau đêm 15 tháng 12 năm 1897 cùng nghĩa quân nổi dậy khởi nghĩa, ông không trở về nữa. Những sự kiện đó đến nay đã được xác minh: tên ông là Nguyễn Công Cảo, con ông Nguyễn Trung Chất, người thôn Nam Thọ xã Cát Hộ, Tổng Cát Hộ huyện Thanh Lan, phủ Thái Ninh (nay là thôn Nam Thọ - xã Đông Thọ - huyện Đông Hưng - tỉnh Thái Bình)

Nguyễn Công Cảo sinh ra trong một gia đình nho giáo có truyền thống yêu nước. Đi tu từ thừa nhỏ, sau đỗ Hoà Thượng lấy pháp danh là sư Nam Thượng (tên chữ đầu của hai thôn Nam Thọ và Thượng Đạt là quê hương của ông). Ông tu ở chùa Lộ Vị, Tổng Cổ Quán, huyện Thần Khê phủ Tiền Hưng (nay là thôn Lộ Vị, xã Thăng Long, huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình).

Khi thực dân Pháp sang xâm chiếm nước ta, năm 1885 vua Hàm Nghi xuống chiếu cầu Vương, ông tham gia phong trào văn thân cùng các ông Tạ Hiện, Lãnh Hoan, Bang Tồn, sư Thiến Quang ở Thái Ninh, sư Neo ở Thanh Miện - Hải Dương. Năm 1885 nghĩa quân vây đánh phủ Bo (lúc đó tỉnh Thái Bình chưa thành lập, phủ lý Thái Bình ở làng Bó Xuyên là làng Bo), ông tích trữ được một ngàn phương thóc để cung cấp lương thực cho nghĩa quân. Trong thời gian này Thực dân Pháp đàn áp phong trào Văn thân rất khốc liệt: cuối năm 1888 vua Hàm Nghi bị bắt, chúng đưa đi an chú ở Angiêri, phong trào tạm lắng xuống. Sư Nam Thượng còn tham gia phong trào Kỳ Đống ở Thái Bình do Sư Thụ (tên thật là Nguyễn Thái Phúc) quê ở huyện Bình Lục - tỉnh Hà Nam, tu ở chùa



• Tháp mộ chùa Né Ảnh: Nguyễn Công

Lãng Đông (nay là xã Trà Giang huyện Kiến Xương) làm thủ lĩnh. Năm 1887 xây ra sự kiện 100 người giương cờ "thiên binh thần tướng" rước Kỳ Đống vào thành Nam Định. Để ly gián Pháp đã đưa Kỳ Đống đi du học ở Angiêri. Năm 1896 về nước ông không làm việc cho Pháp mà đi khai khẩn đồn điền ở chợ Kỳ Yên Thế, Bắc Giang, liên lạc với nghĩa quân Hoàng Hoa Thám, đồng thời phát động phong trào khởi nghĩa vũ trang ở các vùng duyên hải Bắc Bộ, với khẩu hiệu Bình Tây diệt Nguyễn. Kỳ Đống tên thật là Nguyễn Văn Cẩm quê ở xã Văn Cẩm, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình được dân chúng ngưỡng mộ tôn xưng là Kỳ Đống, là "chân nhân cứu thế". Tên xã ngày nay là tên ông.

Tháng 12 năm 1897 nông dân ở các tỉnh Hải Dương, Kiến An - Hải Phòng đều nổi dậy khởi nghĩa. Đêm 15/12/1897 nghĩa quân Thái Bình có khoảng từ 200-300 người, vũ khí là gươm, giáo, mác, gậy từ các ngả tiến vào thị xã. Cảnh quân do Sư Thụ chỉ huy đi theo đê sông Trà Lý vào thôn Luật Trung đốt nhà tên Trần Văn Khiêm (nguyên là tri huyện hợp tác với Pháp đàn áp Văn thân), phá kho thóc nhà

hân chia cho dân rớt vào Thị xã cùng với Lãnh Chuẩn chỉ huy đánh vào dinh công sứ David (Davít). Nghĩa quân reo hò xông vào phá hàng rào, phá cổng, lính canh nổ súng chống lại, nghĩa quân vẫn hăng hái xông lên giữa tiếng chiêng trống cổ vũ của nhân dân hai bên hàng phố. Một cánh quân khác tiến đánh dinh tuần phủ Vương Hữu Bình, tên này không dám chống cự, chỉ sai lính bán loạn xạ. Cuộc chiến đấu ở dinh công sứ diễn ra rất ác liệt, nghĩa quân không chiếm được dinh. Quân tiếp viện do viên giám binh Littaye (Littaye) đến giải vây đánh vào sau lưng nghĩa quân nên hàng ngũ rối loạn phải rút chạy. Cuộc khởi nghĩa bị dập tắt. Sáng ngày 16/12/1897 Pháp đem quân vây thôn Kỳ Bá bắt được sư Thu và hai nghĩa quân coi kho, đốt phá một số nhà nghỉ là có liên hệ với nghĩa quân. Ngày 20/12/1897 chúng giải 50 nghĩa quân trong đó có 21 nhà sư về chém ở thôn Kỳ Bá. Chúng lấy cọc tre bêu đầu để uy hiếp nhân dân. Đêm hôm đó nhân dân thôn Kỳ Bá bí mật thu nhặt các thi hài nghĩa quân đem chôn cất. Sư Nam Thượng thoát khỏi cuộc vây ráp ở Thị xã Thái Bình rút về ẩn ở chùa Nê thôn Thượng Đạt (nay thuộc xã Đông Dương huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình). Biết không thể thoát khỏi sự truy lùng của giặc Pháp và bẽ lũ tay sai, quyết không để rơi vào tay giặc, ông xếp một đồng củi, châm lửa đốt rồi nhảy vào tự thiêu. Nhân dân trong vùng cảm phục tấm lòng yêu nước, kiên trung, bất khuất của Sư Nam Thượng đã cùng họ Nguyễn Công đem chôn hài cốt của ông ở sau chùa Nê, sau đó xây một tháp gạch Bát Tràng lên phần mộ của ông (tháp này hiện nay vẫn còn ở sau chùa). Ông Nguyễn Năng - bạn của Sư Nam Thượng đã làm bài thơ ca ngợi Sư Nam Thượng; gần đây được đăng trong tập thơ văn yêu nước chống Pháp của tỉnh Thái Bình, để mọi người thấy rõ sự nghiệp của một nhà sư yêu nước thế kỷ XIX.

Tháng 9 năm 1999

BÙI ĐĂNG UYẾN

*Hồi cựu chiến binh*

*xã Đông Phú huyện Đông Hưng*

## CẦU ĐỐI TẾT

- Rét tài hoa vẽ rống thêu phượng, tung hoành ngọn cỏ giữa trần gian, tranh tô điểm quê hương đầy hương sắc.
- Tâm thành thiện dâm lộc nảy chồi, bay bổng tiếng đàn trên cõi thế, nhạc đập bồi đất nước ngập tươi vui.

Mãn Đường Hồng

## XẾP HẠNG DI TÍCH VĨNH THÁI

Chùa Vĩnh Thái (xã Trung Trác huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên) tọa lạc giữa một khuôn viên rộng. Quanh nhà là vườn vải, vườn nhãn um tùm. Trước chùa là quốc lộ 5, sau chùa là sông Bắc Hưng Hải.

Theo văn bia của Trang nguyên Nguyễn Xuân Chính soạn năm 1641 được biết chùa được khởi dựng từ lâu đời nhưng do thời gian và chiến tranh, chùa đã đổ nát một phần. Bảy năm qua, nhân dân trong xã và khách thập phương đã góp nhiều công của sửa chữa toà tiền đường, Phật điện, nhà khách, tiếp tục trồng cây ăn quả trong vườn chùa. Đặc biệt chùa Vĩnh Thái còn giữ được nguyên vẹn tấm bia đá quý khắc văn của Nguyễn Xuân Chính (đỗ đầu kỳ thi đình năm 1637) nói về lần trùng tu chùa năm 1641, quả chuông đồng đúc thời Nguyễn năm 1841 cùng một số pho tượng tạc vào cuối thế kỷ 18. Trong kháng chiến năm 1950 - 1952 chùa là điểm đón một số cán, bộ, du kích về hoạt động trong làng.

Nhằm bảo tồn các di vật quý, ngày 27/4/1999 Bộ VH TT đã ra quyết định xếp hạng chùa Vĩnh Thái. Sáng 21/11, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân xã Trung Trác đã tổ chức trọng thể lễ đón bằng với sự có mặt của Giám đốc Sở VH TT tỉnh Hưng Yên, ông bí thư huyện ủy Văn Lâm và hàng ngàn khách thập phương.

TRẦN VĂN MỸ

### TP. HCM HỘI TỪ THIỆN PHẬT GIÁO QUẬN 4 CỨU TẠO ĐỢT 2 ĐỒNG BÀO MIỀN TRUNG BỊ LŨ LỤT

Ngày 1-12-1999, Thượng Toạ Thích Hạnh Ngô Chánh Đại diện Phật Giáo quận 4, Trụ trì chùa Đức Quang Trưởng đoàn Từ thiện đã lên đường đi cứu trợ đợt 2 cho 200 hộ gia đình đồng bào huyện Nghĩa Hành (Quảng Ngãi) và 400 hộ thuộc 3 thôn Vĩ Dạ, Tân Ba, Võ Xá huyện Hương Thủy (TP Huế) khắc phục hậu quả lũ lụt.

Tại đây, mỗi hộ đều nhận được 100 ngàn đồng tiền mặt, 1 phần quà gồm Gạo, mì, nước tương, bánh kẹo, thuốc uống, muối, dầu thoa, xà phòng giặt trị giá 80 ngàn đồng. Tổng cộng thành tiền lên đến trên 100 triệu đồng. Được biết trong đợt 1 vừa qua, Đoàn Từ thiện dưới sự hướng dẫn của Thượng Toạ Thích Hạnh Ngô đã đến cứu trợ 950 hộ gia đình đồng bào các vùng bị thiên tai thuộc tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế và Quảng Trị.

T.T.H

### BÌNH THUẬN: CHÙA LING LONG MŨI NÉN CỨU TẠO ĐỒNG BÀO MIỀN TRUNG BỊ LŨ

Nhằm chia sẻ nỗi đau mất mát của đồng bào miền Trung ruột thịt, cư sĩ Bốn Toàn, Trưởng Ban Hộ Tự Trụ trì chùa Linh Long Phường Mũi Né (TP. Phan Thiết) tỉnh Bình Thuận vừa gửi đến U.B.N.D Phường một số tặng phẩm để chuyển đi cứu trợ bà con các tỉnh khắc phục hậu quả lũ lụt.

Số tặng phẩm gồm 400 kg gạo, 500 bộ quần áo may sẵn và 1,6 triệu đồng tiền mặt do đồng bào Phật tử Phường Mũi Né đóng góp ủng hộ.

Lê Hữu Lê

### THÔNG BÁO V/V TĂNG GIÁ TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

Tòa soạn Tạp chí Nghiên cứu Phật học thông báo để Quý vị độc giả được biết.

Kể từ ngày 2 tháng 5 năm 1999 do áp dụng luật thuế giá trị gia tăng nên giá giấy, công in và một số vật tư thiết bị khác có liên quan đến ấn phẩm cũng chịu sự thay đổi.

Do vậy kể từ số 5-1999 TCNCPH tăng giá từ 6000đ lên 7000đ/cuốn với số thường kỳ. Số báo đặc biệt Xuân Canh Thìn là 10.000đ/cuốn.

Tòa soạn đã có công văn gửi Tổng công ty phát hành và một số các cơ quan hữu quan.

Nay xin thông báo để các tổ phát hành cùng chư vị độc giả biết và tiện theo dõi mua tạp chí.

Hà Nội, ngày 28 - 4 - 1999

TCNCPH

### QUẬN 4: CHÙA ĐỨC QUANG TẶNG HỌC BỔNG SUỐT NĂM HỌC CHO HỌC SINH NGHÈO

Thượng Toạ Thích Hạnh Ngô viện chủ chùa Đức Quang (Q4) vừa tặng 2 suất học bổng cho học sinh cấp 2 hiếu học, có hoàn cảnh gia đình nghèo.

Mỗi suất học bổng này được cấp hằng tháng 30 ngàn đồng trong suốt năm học 1999-2000, với tổng số tiền lên đến 540 ngàn đồng.

T.T.H

• Nhằm góp phần cùng cả nước hướng về miền Trung ruột thịt, thượng tọa Thích Từ Giang viện Chủ tổ đình Linh Quang Tịnh Xá vừa gửi đến UBND phường 2 (Q4) số tiền 2 triệu đồng để chuyển đi cứu trợ đồng bào các tỉnh miền Trung bị lũ lụt.

Ngoài ra, ngày 16-11-99 đoàn từ thiện Linh Quang Tịnh Xá do thượng tọa Thích Từ Giang dẫn đầu đã tiếp tục lên đường đến tặng tiền, hàng, lương thực cứu trợ đồng bào khắc phục hậu quả trận lũ lụt vừa qua.

• Trong 4 ngày từ 15-18/11/1999 vừa qua, Thượng Toạ Thích Từ Giang Viện chủ Tổ đình Linh Quang Tịnh Xá (Q4) Trưởng đoàn, đã họp cùng nhóm Phật tử Từ thiện Diệu Phương - Thiện Tâm đến thăm và uỷ lạo 661 hộ gia đình đồng bào 2 tỉnh Quảng Nam, TT Huế khắc phục hậu quả thiên tai.

Tại thôn Phương Trùng xã Đại Quang huyện Đại Lộc (Quảng Nam) có 262 hộ, 141 hộ ở thôn Định Môn xã Hương Thọ huyện Hương Trà (TT-Huế), 158 hộ ở thôn Vĩ Dạ, xã Thủy Bằng huyện Hương Thủy và 100 hộ ở phố cổ Hội An, mỗi hộ nhận từ 50-100 ngàn đồng, tiền mặt, một phần quà gồm thực phẩm và hàng gia dụng hàng ngày, tổng trị giá ngót 100 triệu đồng.

Lê Hữu Lê

• Ngày 15-12-99, Thượng Toạ Thích Hạnh Ngô, Chánh Đại diện Phật giáo quận 4, Trụ trì chùa Đức Quang, Trưởng đoàn từ thiện đã lên đường đến cứu trợ cho 200 hộ gia đình đồng bào huyện Mộ ở huyện Phong Điền (Thừa Thiên - Huế) khắc phục hậu quả hai trận bão lũ vừa qua.

Tại đây, Thượng Toạ trưởng đoàn đã trao mỗi hộ 100 ngàn đồng tiền mặt và một phần quà trị giá 100 ngàn đồng gồm gạo, mì gói, chân mền, cộng chung thành tiền lên đến 200 triệu đồng.

Trình Thị Hương



## TRẦN ANH THUẬN

## CỬA PHẬT

Chuyện đời vô xé - Người ơi!  
 Ngủng lên Đức Phật sáng ngời hào quang  
 Nhịp nhàng tiếng mõ gieo vang  
 Thế nhân rũ áo xua tan bụi đời

## GIA LY

## VỀ THĂM CHÙA CŨ

Tặng Hư Long

Tôi về thăm ngôi chùa cũ  
 Một ngày mùa đông cuối năm  
 Bên cội mai già trâm mặc  
 Cánh hoa rơi nghiêng lặng thắm.  
 Một tiếng chuông chiều tĩnh thúc  
 Chợt nhớ ngày xưa nôn nao  
 Xâu chuỗi bỏ để đánh mất  
 Lời kinh quên lững nghen ngào  
 Trắng tay nửa đời phiếu bạt  
 Giờ mới hiểu mình là ai  
 Sau lưng còn nghe tiếng hát  
 Sao vương trên cành hoa mai!

## CỎ MÙA XUÂN

Mùa xuân về, cỏ mọc lối ta đi  
 Mỗi sáng dậy mắt ngọc xanh sắc cỏ  
 Tuổi ấu thơ vai rung rinh khăn đỏ  
 Đường đến trường cỏ nữu bước chân non.  
 Cỏ ban mai sâu thăm tâm hồn  
 Tóc dấu bạch | cỏ vẫn xanh đến lạ  
 Trước cỏ mùa xuân | lòng thanh thản quá  
 Cỏ như bàn tay mềm em xoa dịu nỗi đau ta

## BÙI VĂN LỢI

## ĐI LỄ CHÙA

Anh đi lễ chùa Vân!  
 Em đi lễ chùa Vân!  
 Gặp nhau đã được bao lần mà quen!  
 Hay là Trời Phật xe duyên,  
 Đã đưa họ đến cửa Thiên gặp nhau.  
 Nam mô!  
 Niệm Phật!  
 Nguyễn Cấu!  
 Lòng riêng sao tỏ những câu chung lời.  
 Hiểu sâu cho cả lòng người.  
 Phật trao ánh mắt, nụ cười cho ta.  
 Cửa Thiên rộng mở bao la  
 Cho đời hạnh phúc chính là niềm tin.

Chùa Vân 10-10-1999

## VIẾNG CHÙA HƯƠNG

Đò chiều Yến Vĩ vẫn đại  
 Lao xao dòng nước tay ai vịn cảnh  
 Dịu nhàu lên đỉnh non xanh  
 Bầu trời cảnh Đục vàng danh lâu rồi  
 Chùa Hương in bóng trong tôi  
 Nam Thiên Nhất Động đổ hồi chuông ngân  
 Người đi phủ sạch bụi trần  
 Lăn tràng chuỗi hạt gieo nhân quả đời  
 Lạc loài những mái tóc rơi  
 Giải oan - cửa võng cổng trời hư vô  
 Dừng chân từng bước giàng hồ  
 Tịnh tâm ngưỡng mộ "Nam mô ta bà"  
 Bức tranh mẫu nhiệm lan xa  
 Chợt nghe nhịp mở trẻ già ngóng trông  
 Phải chăng một cõi non bồng  
 Soi đời nhân thế sắc không vô thường

## THÉ HÌNH

## PHEN NÀY CẮT TÓC ĐI TU

Phen này cắt tóc đi tu,  
 Tung kinh độc lập ở chùa duy tân (1)  
 Đêm ngày khăn vải chuyên cần,  
 Cầu cho ích nước, lợi dân mới là.  
 Quyết tu mở trí dân nhà,  
 Tu sao đồ được nước ta phú cường.  
 Lòng thành thấp một tuần nhang,  
 Nam mô Phật Tổ Hồng Đà chứng minh.  
 Tu hành một dạ đinh ninh,  
 Nắng mưa dầm quần công trình một hai.  
 Quyết tâm luyện đá vấ trời,  
 Cầu trời ủng hộ cho người nước tôi.  
 Lòng tôi mong đứng mong ngồi,  
 Mong sao cho được giống nòi về vàng.  
 Nào là tín nữ, thiện nam,  
 Nào là trai gái thập phương giúp cùng.  
 Giúp nhau đức quả chuông đồng,  
 Cho thành quả phúc to cùng hưởng chung.  
 Ai tu xin dốc một lòng,  
 Nghìn thu quyết tạc chữ đồng đến xương. (\*)

(1) Duy tân: Đổi mới, hướng theo cái mới.

- Theo "Tổng tập văn học Việt Nam" Nhà xuất bản khoa học xã hội Hà Nội 1996 - Tr 592 - Tập 21.

(\*) Bài thơ trên của Nguyễn Quyền, ông sinh năm 1869, người làng Thượng Trì, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đỗ tú tài, làm quan huấn đạo tỉnh Lạng Sơn. Ông là một sáng lập viên kiêm phó ban giám hiệu trường Đồng Kinh Nghĩa Học (1907). Thụ: dân Pháp không bố nhà trường, Nguyễn Quyền bị bắt đày ra Côn Lôn, sau đim về an trí ở Bến Tre. Ông mất tại Sa Đéc (1941).

## MỤC LỤC

HÀNG HỮU HẠNH

1.	Thư chúc tết của Đức Pháp Chủ G.H.P.G.V.N		1
2.	Thư chúc tết của HT Phân viện trưởng phân viện Nghiên cứu PHVN		2
3.	Đạo Phật đối với đời sống con người và xã hội	LÊ HỮU TUẤN	3
4.	Chào mùa xuân năm giao thừa thế kỷ	HỮU LỢI	7
5.	(Thơ) Hoa Quỳnh	QUANG HẢO	8
	(Thơ) Không đố		8
	(Thơ) Chiều xuân cổ tự	GIA LÝ	8
	(Thơ) Tiếng mõ chiều	TRẦN ANH THUẬN	8
	(Thơ) Xuân vô thường	PHÁP VƯƠNG TỬ	8
6.	Tinh thần thiền trong Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa	TUỆ VŨ - TRỊNH VĂN HIẾN	9
7.	Rồng trong văn hoá Việt Nam	VĂN HẬU	11
8.	(Thơ) Chín bước xuân đi	TI THÍCH THÔNG BỒU	12
	(Thơ) Phố đêm	VŨ ĐỨC HẬU	12
	(Thơ) Thương xót miền Trung	TRẦN HỮU NGHIÊM	12
	Lên chùa	NGUYỄN VĂN THỌ	12
9.	Về trạng thái tự duy kiểu trực cảm tâm linh trong văn chương	NGUYỄN CÔNG LÝ	13
10.	Tiếng vọng thời gian	GIANG NGỌC THANH	17
11.	(Thơ) Cảm nhận thời gian	NHU PHƯƠNG	17
12.	Đôi điều cảm nhận về đức tin	LƯU VÔ TÂM	19
13.	Khổ vui trên cõi đời này	LINH CHÍ	22
14.	Lịch sử Phật giáo Việt Nam qua một số tác phẩm	PTS NGUYỄN THỊ QUẾ	23
15.	Vài mẫu về giai thoại câu đối	THẾ ANH (ST)	27
16.	Câu đối về đền Đống Cổ	VĂN TUỆ	28
17.	Từ Viên Quang tự đến chùa Nghĩa Xá	HỒ ĐỨC THỌ	29
18.	Câu đối	TÂM THANH THANH	31
19.	Năm Canh Thìn nói chuyện Rồng	HUYẾN TỊNH THÙY	33
20.	(Thơ) Lên chùa	VŨ QUANG TẤN	33
	(Thơ) Chớm xuân	BÙI MINH KHIỆT	34
	(Thơ) Hương về nhân đức	BÙI VĂN THÁCH	34
	Câu đối	TÂM THANH THANH	34
21.	Nghệ thuật tạo tượng	PGS CHU QUANG TRÚ	35
22.	Chuyện cổ tích nơi chợ tết	UẤT KIM CƯƠNG	38
23.	Trung nguyên những khoả thị năm Rồng	VĂN HẬU (ST)	40
24.	Chùa Thánh Quang và đền chùa làng Yên Nội	NGUYỄN TỌA	41
25.	Đạo Phật trong cuộc sống thực tiễn	ĐỖ THỊ BÌNH (Dịch)	43
26.	Phật giáo Campuchia	TRƯƠNG SĨ HÙNG	47
27.	(Thơ) Cảm nhận xuân	TỬ MỐC	46
	(Thơ) Cửa Phật	ĐÀO HANH	46
	(Thơ) Chùa Hương	DƯƠNG TUYẾT LAN	46
	(Thơ) Ngắm	VĂN THỨC	46
	(Thơ) Chùa Non Nước	MỘNG ĐẮC	46
	Câu đối	HỒNG MẪU ĐƠN	46
28.	(Thơ) Hành thiền chân núi Đục-Khê	THÍCH CHÂN TRÍ	48
29.	Vài nét về Phật giáo ở Lào	NGÔ THẾ THINH	49
30.	Đạo Phật truyền sang phương tây như thế nào	HUYẾN CƯƠNG	50
31.	Tại Âu Mỹ số người ăn chay gia tăng	TRỊNH THỊ HƯỜNG	53
32.	Chùa Quảng Nghiêm	HOÀNG LÊ	53
33.	Chùa Giác Lâm tổ đình của Phật Lâm Tế dòng đạo Bốn Ngươn ở Nam Bộ	HỒ NGỌC LIÊN	54
34.	Mã lang Phụ Quan âm	TUỆ CHÂN	56
35.	Móng một tết trường sinh nở bông	LÊ HỮU LỄ	56
36.	Kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Phân viện và Tạp chí Nghiên cứu Phật học	XUÂN LOAN	57
37.	(Thơ) Việt thiên sơ tổ Trúc Lâm	TỬ XUÂN LÃNH	58
38.	Cơm chay đầu năm	VĨNH HỮU	59
39.	Sư Nam Thượng một nhà sư yêu nước	BÙI ĐĂNG UYẾN	60
40.	Câu đối tết	MÃN ĐƯỜNG HỒNG	60
41.	Tin		61

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU  
PHẬT HỌC XUẤT BẢN  
HAI THÁNG MỘT KỲ,  
PHÁT HÀNH RỘNG RÃI  
TRÊN PHẠM VI TOÀN  
QUỐC. KÍNH MỜI CHƯ  
VỊ ĐỘC GIẢ ĐẶT MUA  
TCNCPH TẠI CÁC BƯU  
ĐIỆN HOẶC ĐẶT MUA  
TRỰC TIẾP TẠI TÒA  
SOẠN.



**•Bìa 1:**

Hòa thượng Kim Cương Tử  
(giữa), Hòa thượng Thích  
Thanh Từ (trái), Hòa Thượng  
Thích Phổ Tuệ (phải) chụp ảnh  
lưu niệm với các cộng tác viên  
nhân ngày thành lập phân viện

• Quang cảnh lễ kỷ niệm  
nhân 10 năm ngày thành lập  
phân viện

Ảnh: Xuân Loan

## TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

- Chịu trách nhiệm xuất bản: Tổng biên tập Hòa thượng KIM CƯƠNG TỬ
- Phó tổng biên tập: Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
- Phó tổng biên tập kiêm trưởng ban biên tập: Giáo sư HÀ VĂN TẤN
- Ban biên tập: TRẦN KHÁNH DƯ, Thượng tọa THÍCH GIA QUANG, THÍCH VIÊN THÀNH, Cư sĩ GIANG NGỌC THANH
- Tòa soạn và trị sự: Chùa Quán Sứ - 73 Quán Sứ, Hà Nội. ĐT: 8268887
- Giấy phép xuất bản số 752/BCGP/XB
- Chế bản điện tử và in tại Xí nghiệp in Thủy lợi

1  
2000

Giá: 10.000đ